

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bình Định, tháng 9 năm 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bình Định, tháng 9 năm 2020



**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Quyết định số 839/QĐ-DHIQN ngày 25 tháng 05 năm 2020 của Hiệu trưởng

Trường Đại học Quy Nhơn về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Phạm Thị Bích Duyên	TS, GVC, Trưởng khoa, TBM QTKD, Khoa TC-NH&QTKD	Phó Chủ tịch	
4	Ông Nguyễn Hoàng Phong	TS, GV Khoa TC-NH&QTKD	Thư ký	
5	Bà Trần Thị Cẩm Thanh	PGS.TS, Thành viên HĐT, Trưởng khoa Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Hữu Tiên	ThS, TP. KT&BDCL	Thành viên	
7	Ông Trương Minh Tấn	TS, PTP. Đào tạo đại học	Thành viên	
8	Bà Đặng Thị Thanh Loan	TS, GVC, PTK, TBM TM-DL&KDQT, Khoa TC-NH&QTKD	Thành viên	
9	Bà Trịnh Thị Thúy Hồng	TS, GVC, TBM Ngân hàng, Khoa TC-NH&QTKD	Thành viên	
10	Ông Phan Trọng Nghĩa	TS, TBM Tài chính, Khoa TC-NH&QTKD	Thành viên	
11	Bà Phan Thị Quốc Hương	TS, GVC, Khoa TC-NH&QTKD	Thành viên	
12	Bà Nguyễn Thị Kim Ánh	TS, GVC, Khoa TC-NH&QTKD	Thành viên	
13	Bà Đặng Thị Thơi	ThS, GV, Khoa TC-NH&QTKD	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Khắc Khanh	ThS, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ sinh viên & QHĐN	Thành viên	
15	Ông Trần Thế Anh	SV TC-NH Khóa 41, Khoa TC-NH&QTKD	Thành viên	

(Danh sách gồm có 15 người).

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	1
1.1. Đặt vấn đề	1
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá	1
1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá	2
1.2. Tổng quan chung.....	5
1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn	5
1.2.2. Giới thiệu về Khoa Tài chính – Ngân hàng và Quản trị kinh doanh	8
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	13
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	13
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	21
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	29
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	38
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	49
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	65
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	85
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	97
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	113
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	127
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	145
PHẦN III. KẾT LUẬN	164
3.1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo.....	164
3.1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	164
3.1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	164
3.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	165
3.1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	165
3.1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học	166
3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	166
3.1.7. Đội ngũ nhân viên	167
3.1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	167

3.1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	168
3.1.10. Nâng cao chất lượng	169
3.1.11. Kết quả đầu ra	169
3.2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo	170
3.2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	170
3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	170
3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	170
3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	171
3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học	171
3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	172
3.2.7. Đội ngũ nhân viên	172
3.2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	173
3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	173
3.2.10. Nâng cao chất lượng	174
3.2.11. Kết quả đầu ra	174
3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo	175
3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	175
3.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	175
3.3.3. Cấu trúc, nội dung chương trình dạy học	175
3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	176
3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học	177
3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	177
3.3.7. Đội ngũ nhân viên	178
3.3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	178
3.3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	179
3.3.10. Nâng cao chất lượng	179
3.3.11. Kết quả đầu ra	180
3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo	180
PHẦN IV. PHỤ LỤC	185

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CĐR	:	Chuẩn đầu ra
CLĐT	:	Chất lượng đào tạo
CNTT	:	Công nghệ thông tin
CTDH	:	Chương trình dạy học
CTĐT	:	Chương trình đào tạo
CTCT & SV	:	Công tác chính trị và Sinh viên
CSVC	:	Cơ sở vật chất
CVHT	:	Cố vấn học tập
ĐCCTHP	:	Đề cương chi tiết học phần
ĐHQN	:	Đại học Quy Nhơn
GDĐH	:	Giáo dục đại học
GD&ĐT	:	Giáo dục và Đào tạo
GV	:	Giảng viên
HTSV & QHDN	:	Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp
KHCN & HTQT	:	Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế
KT&BDCL	:	Khảo thí và Bảo đảm chất lượng
MC	:	Minh chứng
NCKH	:	Nghiên cứu khoa học
NCS	:	Nghiên cứu sinh
QTKD	:	Quản trị kinh doanh
SV	:	Sinh viên
TC	:	Tín chỉ
TC-NH	:	Tài chính – Ngân hàng
TC-NH & QTKD	:	Tài chính – Ngân hàng và Quản trị kinh doanh
THPT	:	Trung học phổ thông

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Hơn 43 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHQN luôn quan tâm đến nâng cao CLĐT nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có trình độ cao cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, nhất là khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, phù hợp với sứ mạng của Nhà trường là “*Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội*”.

Khoa TC-NH & QTKD là một đơn vị đào tạo thuộc Trường ĐHQN; bởi vậy, sứ mạng của Khoa TC-NH & QTKD là sự cụ thể hóa sứ mạng của Nhà trường trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, QTKD, thương mại, du lịch và kinh doanh quốc tế.

CTĐT cử nhân TC-NH là một trong bốn CTĐT bậc đại học mà Khoa TC-NH & QTKD đang đào tạo hiện nay được xây dựng trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN. Các mục tiêu và CDR của chương trình được xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Khoa và của Trường ĐHQN và được phổ biến đến GV và SV, được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước nói chung, của GD&ĐT nói riêng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao CLĐT nguồn nhân lực trình độ cao cho xã hội, việc thẩm định, đánh giá CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Vì thế, Trường ĐHQN tự nguyện đăng ký tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TC-NH theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, theo các công văn hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT. Trường ĐHQN coi đây một cơ hội tốt để kiểm định, đánh giá một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT đại học ngành TC-NH để từ đó xác định những việc cần làm, nhằm đảm bảo, duy trì và nâng cao chất

lượng của CTĐT, tiến tới đào tạo theo hướng chuẩn khu vực và quốc tế.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá CTĐT ngành TC-NH, Hội đồng tự đánh giá căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ GD&ĐT quy định để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT; đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành TC-NH bao gồm 4 phần:

- Phần I. Khái quát

+ Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT (mô tả cấu trúc, nội dung, cách mã hóa MC...);
+ Tổng quan chung về Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD (tóm tắt sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách và hoạt động đảm bảo chất lượng thực hiện CTĐT...).

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí.

Tự đánh giá lần lượt từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT với cấu trúc như sau:

Tiêu chuẩn ...

Mở đầu

Tiêu chí ...

1. Mô tả (Mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT theo các nội hàm của tiêu chí...)

2. Điểm mạnh (Nêu những điểm mạnh nổi bật của CTĐT)

3. Điểm tồn tại (Nêu những điểm tồn tại của CTĐT)

4. Kế hoạch hành động (Kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại...)

5. Tự đánh giá (Tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu của tiêu chí)

Kết luận về Tiêu chuẩn...

- Phần III. Kết luận (Tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy của CTĐT; những điểm tồn tại, những vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT).

- Phần IV. Phụ lục (Gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT; cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các tài liệu liên quan khác; danh mục MC).

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá

a. Mục đích tự đánh giá

- Xác định mức độ đáp ứng của CTĐT ngành TC-NH so với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT.

- Là cơ sở để cải tiến, nâng cao chất lượng của CTĐT ngành TC-NH.

- Là cơ sở để giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình; cơ sở cho người học lựa chọn chương trình và nhà sử dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

- Là cơ sở để đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT.

b. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Khoa TC-NH & QTKD và các đơn vị phối hợp của Trường ĐHQN trong việc thực hiện CTĐT ngành TC-NH theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Thời gian đánh giá: giai đoạn 2015 – 2020.

c. Phương pháp và công cụ đánh giá

Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Văn bản hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH số 1074/KTKĐGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT;

Văn bản hướng dẫn tự đánh giá CTĐT số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT;

Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH theo

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT (Kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng).

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành TC-NH được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các mô tả, phân tích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các MC cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy. Trong quá trình thực hiện tự đánh giá CTĐT, bên cạnh các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách, Khoa đã huy động phần lớn các GV, viên chức của Khoa và một số cá nhân, đơn vị liên quan trong trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT.

d. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành TC-NH được thành lập theo Quyết định số 839/QĐ-ĐHQN ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, Hội đồng gồm có 15 thành viên (danh sách kèm theo).

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm có: Ban thư ký gồm 7 thành viên và 5 nhóm công tác gồm 25 thành viên được thành lập theo Quyết định số 839/QĐ-ĐHQN ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN.

e. Quy trình tự đánh giá CTĐT

Quy trình tự đánh giá CTĐT gồm các bước sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC;
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và MC thu được;
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

f. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để

phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp MC” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...).

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn

Trường ĐHQN đã trải qua hơn 43 năm xây dựng và phát triển, từ một cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21 tháng 12 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT), “có nhiệm vụ: Đào tạo bồi dưỡng giáo viên cấp 3 theo kế hoạch, chương trình, quy chế, chế độ của Nhà nước và Bộ Giáo dục quy định”. Sau đó, ngày 13 tháng 7 năm 1981 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Quyết định số 02/HĐBT về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn, “có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường trung học phổ thông”. Đến ngày 30 tháng 10 năm 2003 Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được đổi tên thành Trường ĐHQN theo Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, “có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội. 2. NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”.

Trường ĐHQN là một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, không ngừng phát triển cả về quy mô, lĩnh vực đào tạo lẫn trình độ và CLĐT, cả về số lượng và chất lượng đội ngũ GV, viên chức. Tính đến tháng 9 năm 2020, Nhà trường có 12 khoa, 15 đơn vị chức năng (gồm 10 phòng, 01 văn phòng Đảng – Đoàn thể, 02 trung tâm, 01

thư viện và 01 viện khoa học giáo dục), 05 đơn vị trực thuộc (gồm 04 trung tâm và 1 viện nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ) và các tổ chức, đoàn thể: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức. Nhà trường hiện có 729 viên chức và người lao động, trong đó có 507 GV, gồm: 34 giáo sư/phó giáo sư, 155 tiến sĩ, 117 nghiên cứu sinh (81 nghiên cứu sinh trong nước và 36 nghiên cứu sinh nước ngoài), số còn lại hầu hết có trình độ thạc sĩ. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên chiếm 37,27%, vượt 12,27% so với chỉ tiêu đã đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ GV của Nhà trường giai đoạn 2010-2020. Đây là nguồn nhân lực dồi dào, nền móng vững chắc đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện Nhà trường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trường ĐHQN là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực gồm: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, nhất là giáo viên trung học phổ thông; Kinh doanh và quản lý, Pháp luật; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học xã hội và nhân văn, Khách sạn - du lịch - thể thao. Nhà trường hiện đang đào tạo 46 ngành trình độ đại học thuộc các khối sư phạm, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế và quản trị kinh doanh, kỹ thuật và công nghệ, với quy mô hơn 19.000 SV (bao gồm cả hệ chính quy và không chính quy); đào tạo 22 chuyên ngành thạc sĩ và 03 chuyên ngành tiến sĩ với quy mô hơn 1.200 học viên, nghiên cứu sinh.

Bước vào giai đoạn mới với những thách thức và cơ hội mới, Trường ĐHQN đã và đang phát huy những thành quả đạt được, quyết tâm phấn đấu xây dựng và phát triển thành trường đảm bảo chuẩn chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của khu vực và cả nước, nhằm tiếp tục khẳng định sứ mạng, mục tiêu, vai trò và chức năng nhiệm vụ của mình, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Cơ cấu tổ chức của nhà trường

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN được thực hiện theo Điều 14 Luật GDĐH, bao gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng khác;

- Các đơn vị thuộc Trường: các khoa, các viện nghiên cứu; các phân hiệu; các phòng chức năng, trung tâm, thư viện, tạp chí khoa học;

- Các đơn vị trực thuộc Trường: các viện nghiên cứu khoa học và công nghệ; các trung tâm dịch vụ đào tạo; các doanh nghiệp; các cơ sở kinh doanh.

Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường ĐHQN xác định sứ mệnh và tầm nhìn phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của mình; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực và cả nước. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường được công bố theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN và được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài xã hội.

Sứ mệnh: “Trường ĐHQN là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

Giá trị cốt lõi: “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn”.

Triết lý giáo dục

Để hoàn thành sứ mạng của mình, Trường ĐHQN xác định Triết lý giáo dục của Trường là: “**Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp**”. Triết lý giáo dục được Nhà trường công bố theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Toàn thể công chức, viên chức, người học trong Trường có trách nhiệm phổ biến, quán triệt đầy đủ, chính xác nội dung, ý nghĩa của triết lý giáo dục của Trường ĐHQN; đồng thời xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường, đơn vị cho phù hợp.

Nhà trường đã xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý giáo dục và mục tiêu đề ra, phù hợp với sự

phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước và có các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch, mục tiêu chiến lược đề ra.

Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

Từ năm 2007, Trường ĐHQN đã thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục và các CTĐT giáo viên theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Năm 2016, Nhà trường tiếp tục triển khai tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2017, Trường được kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường ĐHQN (theo Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng). Năm 2020, ba ngành Sư phạm Toán học, ngành Sư phạm Hóa học và ngành Kỹ thuật điện đã được kiểm định chất lượng CTĐT và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT chính quy trình độ đại học kèm theo Quyết định số 91/QĐ-CEA.UD, số 92/QĐ-CEA.UD và số 93/QĐ-CEA.UD ngày 2/7/2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng. Hiện nay Trường ĐHQN đang tiếp tục triển khai tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài 09 CTĐT. Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các CTĐT là điều kiện hết sức quan trọng để Nhà trường bảo đảm, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời công khai, giải trình với các bên liên quan và xã hội trong quá trình tiến tới tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

1.2.2. Giới thiệu về Khoa TC-NH & QTKD

a. Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 7 năm 1994, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã kí Hợp đồng về liên kết đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Sự kiện này đã đặt “viên gạch” đầu tiên cho quá trình xây dựng và phát triển các ngành QTKD, Kế toán, TC-NH và Kinh tế. Năm đầu tiên tuyển sinh ngành QTKD – tháng 9 năm 1994 – Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn tuyển được 65 SV chuyên ngành QTKD Du lịch. Nhiệm vụ quản lý SV của khóa học đầu tiên này được giao cho Khoa Sư - Chính trị.

Ngày 7 tháng 6 năm 1996, Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 118/QĐ thành lập Ban Công nghệ - Luật - Kinh tế để quản lý giai đoạn II các ngành liên kết

đào tạo: QTKD Du lịch, QTKD Thương mại, Kế toán,.. (liên kết Trường Đại học Kinh tế Quốc dân), Quản trị doanh nghiệp (liên kết Trường Đại học Bách khoa Hà Nội), Luật (liên kết với Trường Đại học Luật Hà Nội), Điện tử và Điện kỹ thuật (Liên kết Trường Đại học Bách khoa Hà Nội và Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng).

Để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý đồng thời nhằm hướng tới sự phát triển lâu dài, năm 1998, phương thức đào tạo theo 2 giai đoạn được bãi bỏ. Ngày 14 tháng 07 năm 1998 Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 220/QĐ thành lập Ban Kinh tế - Luật trên cơ sở Ban Đại học đại cương và bộ phận Luật - Kinh tế của Ban Công nghệ - Luật - Kinh tế.

Sự lớn mạnh của đội ngũ cán bộ giảng dạy và sự gia tăng nhanh về số lượng SV các ngành QTKD, TC-NH, Kế toán, Kinh tế... đã thể hiện xu hướng phát triển khách quan của các ngành kinh tế nói chung.

Ngày 27 tháng 3 năm 2002, Bộ GD&ĐT ra quyết định số 1247/QĐ - BGDĐT-TCCB về việc thành lập Khoa Kinh tế & QTKD. Đây là bước khởi đầu chuẩn bị điều kiện để đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường ĐHQN. Cũng trong năm học 2002 – 2003, Khoa Kinh tế & QTKD chính thức được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh tự đào tạo ngành QTKD (do Trường ĐHQN cấp bằng). Hai sự kiện này là bước ngoặt lớn, tác động mạnh mẽ tới quá trình phát triển của Khoa sau này.

Sau 26 năm xây dựng và phát triển (kể từ ngày thành lập trường: 21/12/1977), ngày 30/10/2003, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 221/2003/QĐ-TTG đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường ĐHQN. Đây là một dấu mốc quan trọng khẳng định chiến lược phát triển đa ngành, đa lĩnh vực của Trường ĐHQN, mở ra một thời kỳ phát triển mới cho các ngành ngoài sư phạm - các ngành Kinh tế & QTKD trong Nhà trường. Những năm tiếp theo, các ngành Kế toán, TC-NH (tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm học 2007 – 2008) và Kinh tế lần lượt ra đời.

Ngày 14 tháng 10 năm 2009, Hiệu trưởng Trường ĐHQN đã ký Quyết định số 1231/QĐ-ĐHQN thành lập Khoa TC-NH & QTKD và Khoa Kinh tế & Kế toán trên cơ sở tách Khoa Kinh tế & QTKD. Khoa lấy ngày 27 tháng 3 hàng năm làm ngày truyền thống.

Đến nay, Khoa đã đào tạo và cung cấp cho tỉnh Bình Định, khu vực Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, cung cấp cho đất nước hàng ngàn cử nhân kinh tế thuộc

các chuyên ngành đào tạo của Khoa, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

b. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu

- Sứ mạng của Khoa TC-NH & QTKD là đào tạo người học toàn diện về năng lực và phẩm chất, có trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, QTKD, quản trị du lịch và khách sạn. Sứ mạng này đạt được thông qua cam kết trong việc không ngừng cải tiến chương trình theo chuẩn quốc tế, tăng cường nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu; nhằm phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

- Tầm nhìn đến năm 2030, Khoa TC-NH & QTKD là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng có uy tín về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, QTKD, quản trị du lịch và khách sạn, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu.

- Mục tiêu của Khoa TC-NH & QTKD là xây dựng Khoa trở thành một đơn vị có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, NCKH và tư vấn khoa học TC-NH và QTKD ở Bình Định, khu vực miền Trung và cả nước; xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý có chuyên môn cao, có năng lực NCKH; các CTĐT bắt kịp trình độ GDDH trong khu vực và tiếp cận xu thế phát triển GDDH tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao và thích ứng hội nhập toàn cầu.

- Về mục tiêu cụ thể:

+ Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo cho người học được học tập kiến thức chuyên môn hiện đại; được rèn luyện kỹ năng và trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp;

+ Phát triển quy mô đào tạo một cách hợp lý, đặc biệt hình thành và tăng dần quy mô và chất lượng đào tạo Thạc sĩ. Tích cực áp dụng các công cụ dạy học hiện đại trong quá trình dạy và học;

+ Thực hiện triệt để phương pháp giảng dạy tích cực với phương châm “Dạy cách học, phát huy tính chủ động của người học”. Từng bước hiện đại hóa CTĐT;

+ Đẩy mạnh NCKH, gắn kết NCKH với đào tạo và phục vụ xã hội. Tăng cường nguồn thu từ các hoạt động khoa học, sản xuất và dịch vụ;

+ Tăng cường hợp tác quốc tế để hỗ trợ hoạt động đào tạo, chuyển giao khoa

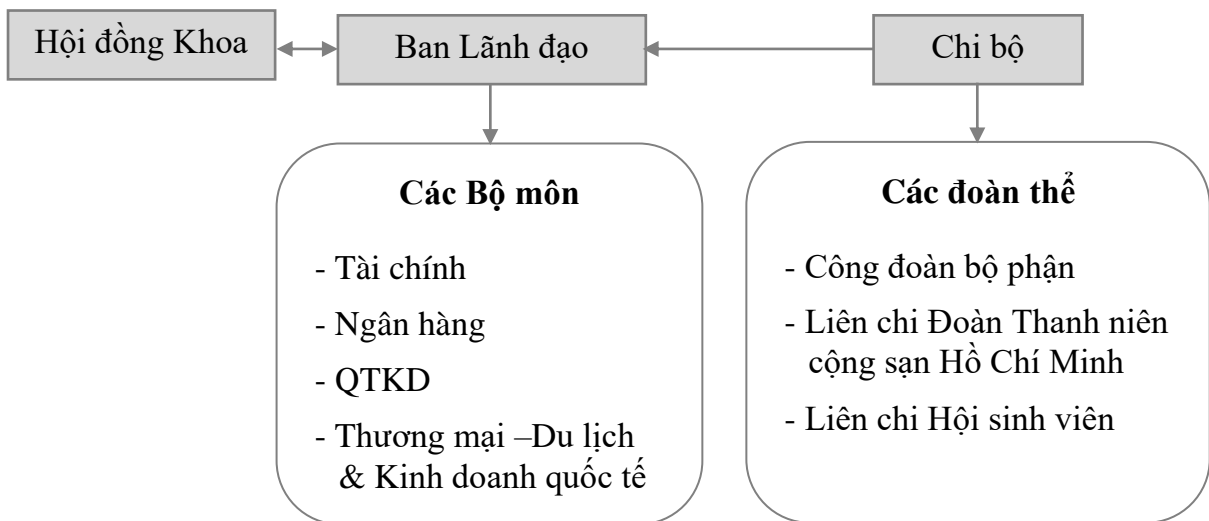
học - công nghệ, khai thác tối đa các lợi ích từ hợp tác quốc tế để phục vụ xã hội;

+ Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và làm việc tiên tiến.

c. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ GV, viên chức

Hiện nay, Khoa có 44 GV, 02 chuyên viên, trong đó có 1 Phó giáo sư, 15 tiến sĩ, 28 Thạc sĩ (trong đó có 16 NCS trong và ngoài nước). Khoa có 04 bộ môn gồm: Tài chính, Ngân hàng, QTKD, Thương mại – Du lịch & Kinh doanh quốc tế. Khoa TC-NH đang từng bước trưởng thành, phát triển và đã trở thành một địa chỉ đào tạo có uy tín.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa TC-NH & QTKD



Về tổ chức Đảng và đoàn thể, Khoa hiện có 01 chi bộ với 23 đảng viên, nhiều năm liền đạt danh hiệu “Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ”, 2 năm liên tiếp gần nhất đạt danh hiệu “Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Ngoài ra, Khoa còn có các tổ chức đoàn thể như Công đoàn bộ phận, Liên chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Liên chi Hội SV đều hoạt động tốt, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, cùng với chính quyền, dưới sự lãnh đạo của Đảng tạo thành một khối đoàn kết, thống nhất.

d. Về quy mô và ngành nghề đào tạo

Khoa hiện đảm nhận đào tạo 4 ngành đại học: Cử nhân TC-NH, Cử nhân QTKD, Cử nhân Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Cử nhân Quản trị khách sạn. Về đào tạo sau đại học, Khoa đang đào tạo 1 chuyên ngành Thạc sĩ QTKD. Hiện tại, Khoa TC-NH có 2.837 SV hệ chính quy, 117 học viên cao học. Hầu hết SV, học viên tốt nghiệp từ Khoa đều đáp ứng tốt yêu cầu công việc và đòi hỏi của xã hội.

Nhiều cựu SV, học viên giữ trọng trách với tư cách là nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nhân thành đạt và có uy tín.

Về kết quả đào tạo, qua gần 20 năm từ ngày thành lập, Khoa TC-NH & QTKD đã góp phần đào tạo hơn 2.500 cử nhân TC-NH và 3.000 cử nhân QTKD.

e. Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Về NCKH, chỉ tính trong 05 năm trở lại đây, Khoa TC-NH & QTKD đã có 02 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp tỉnh, 24 đề tài cấp trường đã nghiệm thu và đang được triển khai; đã công bố 24 bài báo trên tạp chí quốc tế, 51 bài báo đăng trên Kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế, gần 120 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học và kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước; có 7 giáo trình và sách chuyên khảo phục vụ giảng dạy đại học được xuất bản ở các nhà xuất bản có uy tín.

Hoạt động NCKH của SV cũng ngày càng được chú trọng và phát triển. Với sự hướng dẫn của các GV giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao, phong trào SV NCKH của Khoa ngày càng đi vào chiều sâu, tăng về số lượng và chất lượng. Nhiều SV Khoa TC-NH đã tham gia NCKH và đạt giải cao ở các cuộc thi SV NCKH cấp quốc gia được tổ chức hằng năm như giải cấp Bộ do Bộ GD&ĐT tổ chức và cấp trường.

Về hợp tác quốc tế, hiện Khoa đang mở rộng liên kết đào tạo trình độ đại học và NCKH với Đại học Prince of Songkla, Thái Lan.

Với những đóng góp to lớn đó, tập thể và một số cá nhân trong Khoa TC-NH & QTKD đã được vinh dự nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Trong thời gian tới, Khoa TC-NH & QTKD tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ GV, nâng cao chất lượng dạy học, NCKH của GV, SV và học viên; xây dựng, cập nhật CTĐT ở các bậc học phù hợp với xu thế phát triển và đáp ứng nhu cầu của xã hội; phát huy hơn nữa NCKH, đặc biệt các đề tài hướng đến ứng dụng phục vụ đời sống và chuyên giao công nghệ.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT ngành TC-NH được xây dựng lần đầu theo hệ thống tín chỉ vào năm 2010, sau đó ngày càng được hoàn thiện quá trình điều chỉnh ở các năm 2015, 2017, 2019 và 2020. Căn cứ để xây dựng chương trình là các thông tư, quy định của Bộ GD&ĐT; đồng thời dựa trên các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHQN và mục tiêu phát triển của Khoa TC-NH & QTKD. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, của Khoa và mục tiêu GDĐH. CDR của CTĐT ngành TC-NH được xác định rõ ràng, bao quát được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CTĐT của ngành TC-NH được định kỳ rà soát điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng và phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT ngành TC-NH được xác định rõ ràng bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT được mô tả trong các văn bản như: CTĐT, CTDH và bản mô tả CTĐT của ngành TC-NH [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Mục tiêu chung của CTĐT là: "Đào tạo cử nhân TC-NH có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về ngành TC-NH để tiếp cận các hoạt động thực tế của ngành TC-NH, có khả năng phát triển các tri thức mới và có khả năng học tập suốt đời; có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ và có kỹ năng mềm cần thiết cho các hoạt động nghề nghiệp sau khi ra Trường. Đồng thời, những cử nhân TC-NH được đào tạo sẽ có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và ý thức bảo vệ môi trường; có ý thức phục vụ nhân dân góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước". Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành TC-NH là sau khi SV hoàn thành CTĐT sẽ đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu, kỹ năng và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với

trình độ đại học **[H1.01.01.04]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành TC-NH phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN nói chung và của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng. Lãnh đạo Khoa đã và luôn có ý thức xây dựng mục tiêu của chương trình theo sứ mạng, tầm nhìn của tổ chức, điều này được minh chứng khi Trường chưa công bố sứ mạng, tầm nhìn thì Khoa đã xây dựng sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi riêng cho Khoa để có căn cứ xây dựng chương trình, phát triển nguồn nhân lực và làm căn cứ cho tất cả các hoạt động đào tạo và hỗ trợ khác của Khoa. Đến tháng 2 năm 2017, khi Trường ĐHQN công bố sứ mạng và tầm nhìn của Trường thì Khoa TC-NH & QTKD đã tiến hành xây dựng lại sứ mạng và tầm nhìn cho phù hợp với sứ mạng tầm nhìn chung của tổ chức **[H1.01.01.05]**. Từ đó, mục tiêu của CTĐT được thay đổi sau mỗi lần điều chỉnh chương trình nhằm thích nghi với tình hình thực tế, thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Trường và mục tiêu của GDDH. **[H1.01.01.06]**, **[H1.01.01.07]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành TC-NH phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật Giáo dục đại học và được lấy ý kiến của các bên liên quan **[H1.01.01.08]**. Mục tiêu của CTĐT được thể hiện chi tiết qua CDR, khung chương trình các học phần và sự đóng góp của các học phần vào việc thực hiện các mục tiêu cụ thể của CTĐT. Trong đó, CDR của CTĐT nhấn mạnh yêu cầu cần đạt được các chuẩn về kiến thức tối thiểu, kỹ năng và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm của SV sau khi tốt nghiệp; nhấn mạnh đào tạo SV toàn diện về đạo đức, chuyên môn, kỹ năng, ý thức trách nhiệm với xã hội và môi trường; đặc biệt đào tạo SV có khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc thể hiện qua tính linh hoạt của CTĐT (gồm các học phần bổ trợ, nhiều chuyên ngành tự chọn, nhiều học phần tự chọn) **[H1.01.01.07]**. Điều này rất phù hợp với quy định trong điều 39 về mục tiêu GDDH của Luật Giáo dục 2019 **[H1.01.01.09]**.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành TC-NH được điều chỉnh ngày càng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN nói chung và của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành. Mục tiêu này được xác định rõ ràng trong CTĐT được ban hành, bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT chưa được lấy ý kiến của tất cả các bên liên quan. Mục tiêu CTĐT chỉ được góp ý thông qua GV khi họp bộ môn, thông qua hội đồng Khoa trong đó có người đại diện đơn vị tuyển dụng chứ chưa lấy ý kiến của cựu SV và SV năm cuối.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến tất cả các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT.	Khoa TC-NH & QTKD, Phòng KT&BDCL	2 năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT.	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và với mục tiêu GDĐH theo Luật giáo dục, phù hợp với yêu cầu mới của thị trường.	Khoa TC-NH & QTKD	2 năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT.	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành TC-NH được xác định rõ ràng, bao gồm các CĐR về: kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Khi xây dựng CTĐT, Khoa TC-NH & QTKD đã có ý thức xác định rõ CĐR nhằm thực hiện các mục tiêu của CTĐT đã đặt ra, thể hiện ở ma trận quan hệ giữa CĐR và mục tiêu của CTĐT. Đồng thời, ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được các CĐR [H1.01.02.01]. CĐR của CTĐT cũng được xây dựng dựa trên các hướng dẫn của Trường ĐHQN về xây dựng CTĐT,

các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT đặc biệt là 2 văn bản: Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và Quyết định 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam, trong đó quy định cụ thể khung trình độ về CĐR mà người tốt nghiệp phải đạt được [**H1.01.02.02**].

CĐR của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung của cử nhân ngành TC-NH và yêu cầu chuyên sâu của từng chuyên ngành mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể:

Thứ nhất, CĐR về kiến thức chung: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; Kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, kiểm soát nội bộ, quản lý và thực hiện hoạt động chuyên môn; Kiến thức bổ trợ để có thể chuyển đổi công việc dễ dàng; Kiến thức về Giáo dục quốc phòng an ninh, ngoại ngữ và tin học được xây dựng theo các quy định chung của Trường ĐHQN.

Thứ hai, CĐR về kỹ năng chung bao gồm: kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo và khởi nghiệp.

Thứ ba, Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm cao; Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân và khả năng học tập suốt đời góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Đồng thời, CĐR đáp ứng được yêu cầu chuyên sâu của từng chuyên ngành, thể hiện qua việc CTĐT ngành TC-NH được xây dựng theo 4 chuyên ngành chuyên sâu khác nhau: (i) Ngân hàng và Kinh doanh tiền tệ, (ii) Tài chính doanh nghiệp, (iii) Quản lý tài chính – Kế toán, (iv) Tài chính công và Quản lý thuế. Với nhiều chuyên ngành đào tạo khác nhau giúp cho người học có nhiều lựa chọn vị trí việc làm hơn, tăng cơ hội nghề nghiệp và triển vọng việc làm theo nhu cầu của thị trường. Triển vọng vị trí việc làm được mô tả cụ thể trong CTĐT [**H1.01.02.01**].

CĐR của CTĐT ngành TC-NH được đo lường và đánh giá thông qua thang trình độ năng lực (6 bậc của Bloom), đối với từng CĐR được gắn với các động từ cụ thể: nhớ/biết (mức 1), hiểu (mức 2), áp dụng/vận dụng (mức 3), phân tích (mức 4), đánh giá (mức 5) và sáng tạo (mức 6).

Lãnh đạo Trường rất chú trọng việc xây dựng CTĐT và CĐR của CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng nên đã tổ chức tập huấn cho các lãnh đạo Khoa, trưởng bộ môn

với Chủ đề: “Xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR” [H1.01.02.03]. Bên cạnh đó, lãnh đạo Khoa cũng rất chú trọng công tác này nên đã tổ chức tập huấn cho GV trong Khoa nhằm xây dựng CĐR phù hợp với xu thế, đồng thời xây dựng CTĐT hướng đến CĐR [H1.01.02.04]. Đồng thời tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR và CTĐT qua các lần đổi mới CTĐT thông qua họp Hội đồng khoa và lấy ý kiến các bên liên quan (nhà tuyển dụng, nhà hoạch định chính sách, cựu SV và SV năm cuối) [H1.01.02.05], [H1.01.02.06].

Năm 2019, Khoa đã phối hợp với Khoa Kinh tế và Kế Toán – Trường ĐHQN, Khoa Kinh tế và Quản lý – Trường Đại học Điện lực tổ chức hội thảo với chủ đề: “Đổi mới trong NCKH và đào tạo SV các ngành kinh tế”, trong đó có chuyên đề “Triển khai CTĐT đáp ứng kiểm định AUN-QA, chuẩn CDIO”, nhằm học hỏi và trao đổi kinh nghiệm trong quá trình xây dựng CTĐT và CĐR với các đơn vị đào tạo cùng lĩnh vực [H1.01.02.05]. Vì vậy, CĐR của CTĐT của ngành TC-NH được xây dựng có cơ sở khoa học vững chắc.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành TC-NH đã được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đồng thời bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên môn sâu mà người học ngành TC-NH phải đạt được khi tốt nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng và linh hoạt trong môi trường làm việc luôn thay đổi.

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT mặc dù có thể đo lường, đánh giá được, tuy nhiên chưa có quy trình chặt chẽ để thực hiện việc đo lường, đánh giá này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng quy trình và bộ tiêu chuẩn để đánh giá mức độ đáp ứng của SV với CĐR (thang đo RUBRIC).	Khoa TC-NH & QTKD, Phòng KT&BDCL.	2 năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT.	

2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng CĐR của CTĐT khoa học, chú trọng thay đổi CĐR theo chuẩn AUN – QA.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	2021-2025	
---	--------------------	---	---------------------------------	-----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành TC-NH phản ánh đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan thông qua khảo sát, lấy ý kiến của nhà tuyển dụng; GV trực tiếp giảng dạy ngành TC-NH; cựu SV và SV năm cuối của Khoa. [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. Ngoài ra, Khoa TC-NH & QTKD cũng đã trao đổi kinh nghiệm với Khoa Kinh tế & Kế toán – Trường ĐHQN, Khoa Kinh tế và quản lý – Trường Đại học Điện lực thông qua hội thảo với chủ đề: “Đổi mới trong NCKH và đào tạo SV các ngành kinh tế”, trong đó chuyên đề “Triển khai CTĐT đáp ứng kiểm định AUN-QA, chuẩn CDIO”. [H1.01.03.04]. Kết quả thu thập từ các bên liên quan và các bài viết trong hội thảo cho biết: thị trường lao động cần những cử nhân tốt nghiệp ra trường phải có kiến thức chuyên ngành vững chắc, kiến thức bổ trợ liên ngành để có thể thích ứng với môi trường thay đổi nhanh chóng trong thời đại 4.0, đặc biệt khoa nên chú trọng đến đào tạo kỹ năng mềm và kiến thức tin học, ngoại ngữ. Từ đó, Khoa TC-NH & QTKD đã xây dựng và chỉnh sửa CĐR phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn mới [H1.01.03.05].

Nhằm nâng cao và không ngừng cải tiến chất lượng CTĐT ngành TC-NH, từ năm 2015 đến nay, CĐR của CTĐT đều được Khoa TC-NH & QTKD tiến hành rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện sau khi tiếp thu ý kiến của nhà tuyển dụng, các GV trực tiếp giảng dạy các học phần, cựu SV và SV năm cuối [H1.01.03.06]. Ngoài ra, kể từ năm học 2010-2011, khi Trường ĐHQN áp dụng đào tạo các ngành đại học theo hệ thống tín chỉ, Khoa cũng tiến hành rà soát, điều chỉnh CĐR vào các năm 2015, 2018 và 2020 theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN [H1.01.03.07], [H1.01.03.08], [H1.01.03.09], [H1.01.03.10]. CĐR năm 2015 được xây dựng với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp [H1.01.03.11]. Năm

2019, Nhà trường đã tiếp tục tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật CTĐT nhằm mục đích phát triển, hoàn thiện CTĐT trình độ đại học theo hướng tiếp cận năng lực, phù hợp MTĐT định hướng ứng dụng của Nhà trường, nâng cao CLĐT đáp ứng nhu cầu xã hội [H1.01.03.12]. Đến năm 2020, CTĐT được tiếp tục chỉnh sửa và thiết kế để đảm bảo SV tốt nghiệp đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Trong quá trình điều chỉnh, cập nhật CĐR của CTĐT, Khoa đều tham khảo CTĐT ngành TC-NH của một số trường uy tín trong và ngoài nước. [H1.01.03.13]. Tất cả các sửa đổi, xây dựng lại CĐR của CTĐT đã góp phần nâng cao CLĐT, gia tăng tỷ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp [H1.01.03.14].

CĐR của CTĐT ngành TC-NH được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau. CĐR sau khi được điều chỉnh, bổ sung, được Hội đồng Khoa thông qua và được Nhà trường ban hành Quyết định công bố công khai [H1.01.03.15],[H1.01.03.16]. CĐR của ngành TC-NH còn được công bố rộng rãi thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, gặp mặt tân SV đầu khóa. [H1.01.03.17], [H1.01.03.18], [H1.01.03.19].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành TC-NH phản ánh được yêu cầu đào tạo, có sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng. CĐR của CTĐT cũng được định kỳ bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Nhà trường và tham khảo CĐR các CTĐT ngành TC-NH của các trường uy tín trong và ngoài nước. CĐR được công bố công khai dưới nhiều hình thức như tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, gặp mặt tân SV, qua thông báo tuyển sinh, website của Khoa và Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan cho CĐR có thực hiện thường xuyên 2 năm một lần. Tuy nhiên, CĐR năm 2020 chỉ mới lấy ý kiến của GV, đại diện nhà tuyển dụng mà chưa lấy ý kiến của cựu SV và SV năm cuối, đồng thời cũng chưa công bố CĐR đến trực tiếp các nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát đầy đủ ý kiến của cựu SV và SV năm cuối về CĐR. Công bố CĐR của CTĐT ngành TC-NH đến trực tiếp các nhà tuyển dụng.	Khoa TC-NH & QTKD	2 năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT.	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khảo sát ý kiến các bên liên quan về CĐR trên hệ thống website, fanpage của Khoa một cách đều đặn và thường xuyên hơn; Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CĐR định kỳ trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN; Tăng cường công khai CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn.	Khoa TC-NH & QTKD	2 năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT.	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

CĐR của CTĐT là một tiêu chí quan trọng giúp người học xác định mục tiêu học tập. Trong giai đoạn 2015 – 2020, CTĐT ngành TC-NH ngày càng được hoàn thiện qua quá trình điều chỉnh ở các năm 2015, 2017, 2019 và 2020.

CĐR của CTĐT ngành TC-NH đã xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. CĐR của CTĐT được phổ biến trên trang thông tin điện tử của

Trường, Khoa và các buổi gặp mặt tân SV, tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra và phù hợp với mục tiêu của GDĐH. Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CDR, Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD đã thực hiện nghiêm túc, đầu tư trí tuệ và tâm huyết của nhiều nhà khoa học. Bên cạnh đó Khoa TC-NH & QTKD còn tham khảo CDR của các trường có uy tín trong và ngoài nước, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan.

Tuy nhiên, việc công bố CDR và lấy ý kiến của các bên liên quan về CDR khi cập nhật CTĐT chưa được triển khai rộng rãi. Việc này sẽ được khắc phục ở lần cập nhật chương trình tiếp theo.

Tiêu chuẩn 1 có 2 tiêu chí đạt mức 6/7 và 1 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Phát triển CTĐT là quá trình liên tục làm hoàn thiện CTĐT. Phát triển CTĐT đại học có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo CLĐT nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội. Quá trình đổi mới giáo dục – đào tạo đã và đang đặt ra những yêu cầu mới về CTĐT ở bậc đại học, trên cơ sở quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo GDĐH và quy trình xây dựng CTĐT đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Bộ GD&ĐT. Ý thức được tầm quan trọng của việc cập nhật và phát triển CTĐT, Khoa TC-NH & QTKD luôn chú trọng đổi mới, cập nhật và hoàn thiện CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT hiện tại của ngành TC-NH đảm bảo đầy đủ thông tin và cập nhật. Tháng 05 năm 2010 Trường ĐHQN đã ban hành kế hoạch và lộ trình xây dựng CTĐT trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ nhằm thay thế CTĐT theo hệ niên chế để đảm bảo CLĐT, chú trọng vào việc xây dựng CTĐT cho phù hợp [H2.02.01.01].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.02], Khoa TC-

NH & QTKD đã tiến hành xây dựng CTĐT ngành TC-NH và được Trường ĐHQN ban hành cùng với các quyết định thực hiện **[H2.02.01.03]**. So với CTĐT lần đầu được xây dựng theo hệ thống tín chỉ năm 2010, CTĐT ngành TC-NH năm 2015 đã có nhiều cập nhật với 5 chuyên ngành hẹp là Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng & Kinh doanh tiền tệ, Quản lý Tài chính – Kế toán, Tài chính công & Quản lý thuế, Đầu tư & Bảo hiểm **[H2.02.01.04]**. CTĐT năm 2015 đã hoàn thiện đáng kể so với chương trình xây dựng lần đầu theo hệ thống tín chỉ, trong đó bổ sung đáng kể các học phần về kỹ năng mềm, loại bỏ các học phần không cần thiết theo góp ý của các bên liên quan đặc biệt là theo ý kiến của nhà tuyển dụng **[H2.02.01.05]**.

Năm 2017 và 2018, Trường ĐHQN ban hành kế hoạch đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT theo định kỳ; và Trường đã cử cán bộ tham gia tập huấn xây dựng CTĐT theo phương pháp tiếp cận CDIO (Conceive - Design - Implement - Operate) **[H2.02.01.06]**. Quy trình tổ chức xây dựng CDR, CTĐT ngành TC-NH lần này hoàn thiện hơn năm 2015, bao gồm các bước như sau: Khoa thành lập nhóm chuyên gia để xây dựng CDR của CTĐT; Bộ môn Ngân hàng và Bộ môn Tài chính hợp để xây dựng CDR CTĐT cho ngành TC-NH; Hội đồng Khoa thông qua CDR và CTĐT; Khoa đã tiến hành tổ chức hội thảo lấy ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu người học thông qua các cuộc khảo sát doanh nghiệp sử dụng lao động, cựu SV và SV năm cuối; Bộ môn Ngân hàng và Bộ môn Tài chính họp bàn luận thống nhất CDR và CTĐT dựa trên ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu SV và SV năm cuối; Hội đồng Khoa họp góp ý CTĐT sau chỉnh sửa, bổ sung; Trường tổ chức họp thẩm định CTĐT ngành TC-NH **[H2.02.01.07]**, **[H2.02.01.08]**. Song song với đó, các GV có liên quan đã tiến hành viết ĐCCTHP và đã được Bộ môn Ngân hàng và Bộ môn Tài chính cũng như Hội đồng thẩm định cấp Khoa họp đánh giá, góp ý hoàn thiện **[H2.02.01.09]**. CTĐT ngành TC-NH cùng với đề cương các học phần tương ứng sau khi hoàn thiện đã được Nhà trường ban hành **[H2.02.01.10]**.

Năm 2019, CTĐT ngành TC-NH được tiến hành cập nhật, rà soát điều chỉnh và bổ sung một phần theo kế hoạch của Trường và đưa ra CTĐT mới năm 2020 nhằm có sự liên thông và thống nhất các học phần chung giữa các khoa trong toàn trường **[H2.02.01.11]**. Quy trình tổ chức xây dựng và điều chỉnh bổ sung CTĐT được xây dựng một cách bài bản hơn và đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN **[H2.02.01.12]**.

Khoa TC-NH & QTKD đã thiết kế bản mô tả CTĐT với đầy đủ các nội dung, bao gồm cấu trúc CTDH, ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt CDR của CTĐT, danh sách các học phần, sơ đồ chương trình giảng dạy, ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT PLOs, mô tả tóm tắt các học phần [H2.02.01.13].

CTĐT ngành TC-NH hiện hành đã bổ sung nhiều môn học mới gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế thế giới trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, phù hợp với xu thế hội nhập và toàn cầu hóa. Nhìn chung, CTĐT ngành TC-NH bao gồm đầy đủ các nội dung sau:

- Tên cơ sở đào tạo
- Trình độ đào tạo, Ngành đào tạo, Mã ngành đào tạo
- Loại hình và hình thức đào tạo
- Mục tiêu đào tạo, gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể
- Vị trí việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường
- CDR gồm các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp)
- Nhiệm vụ mà người học đạt được khi hoàn thành CTĐT
- Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa
- Đối tượng tuyển sinh
- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp
- Cách thức đánh giá, thang điểm
- Nội dung chương trình
- Cấu trúc khóa học
- Ma trận quan hệ giữa các học phần và CDR
- Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần
- Đội ngũ GV thực hiện chương trình
- CSVC phục vụ học tập
- Hướng dẫn thực hiện chương trình.

Kết quả sau quá trình điều chỉnh, CTĐT ngành TC-NH được áp dụng từ năm 2020 đã có những thay đổi cụ thể là:

Thứ nhất, Chuyên ngành được rút lại từ 5 còn 4 chuyên ngành là Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng và Kinh doanh tiền tệ, Quản lý Tài chính – Kế toán, Tài

chính công và Quản lý thuế. Sự thay đổi này là phù hợp với nhu cầu về ngành đào tạo của thị trường thể hiện thông qua số lượng SV ngành TC-NH ngày càng giảm **[H2.02.01.14]**.

Thứ hai, Việc phân bổ các học phần theo kỳ học hợp lý đảm bảo số tín chỉ khối kiến thức giáo dục đại cương, tăng cường số tín chỉ cho các học phần khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực. Một số học phần tự chọn được thay bằng học phần mới theo xu hướng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong điều kiện hội nhập **[H2.02.01.15]**.

Bản mô tả CTĐT ngành TC-NH giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT; từ đó người học có thể lựa chọn phương thức và các học phần tương ứng phù hợp với công việc của mình sau khi tốt nghiệp. Các thông tin về CĐR, CTĐT, ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR, ĐCCTHP được công bố công khai trong vở học, tờ rơi tuyển sinh và trên các trang thông tin điện tử **[H2.02.01.16]**, **[H2.02.01.17]**, **[H2.02.01.18]**.

2. Điểm mạnh

Các nội dung và thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành TC-NH đáp ứng cả chiều rộng và chiều sâu một cách hài hòa và hợp lý, trong đó chiều rộng của chương trình được đảm bảo bởi mối quan hệ ngang (mối quan hệ bổ sung) giữa các học phần kiến thức chung và chuyên ngành cụ thể và chiều sâu của chương trình được đảm bảo bởi mối quan hệ dọc (mối quan hệ ràng buộc) trong suốt khóa học. Ma trận hiển thị kết quả chương trình CĐR được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các ĐCCTHP của CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành TC-NH thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật dựa trên phản hồi của các GV, SV, cựu SV, nhà sử dụng lao động và theo các xu hướng đào tạo hiện đại, phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT hiện hành đã được cải tiến nhiều hơn so với các bản mô tả trước và đã mô tả hầu hết được các yêu cầu của một bản mô tả CTĐT. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT chưa nêu được tiêu chí tuyển sinh riêng cho CTĐT, các yêu cầu đầu vào của CTĐT mà chỉ nêu tiêu chí tuyển sinh chung trong đề án tuyển sinh của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xác định các tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Năm học 2021 – 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh và cập nhật các xu hướng đào tạo hiện đại phù hợp với thị trường lao động.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Tất cả các ĐCCTHP trong CTĐT ngành TC-NH có đầy đủ các thông tin, bao gồm: thông tin chung về học phần (tên học phần tiếng Việt và tiếng Anh), mã học phần, loại học phần (bắt buộc/tự chọn), các học phần học trước, số tín chỉ và phân bổ số tín chỉ đối với các hoạt động (nghe giảng lý thuyết, làm bài tập trên lớp, thảo luận, thực hành, thực tập, hoạt động theo nhóm, tự học), khoa/bộ môn phụ trách học phần, mô tả học phần, mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm), CĐR, tài liệu phục vụ môn học (tài liệu chính, tài liệu tham khảo và các loại học liệu khác), phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết (buổi học, nội dung và CĐR học phần), đánh giá (hình thức, tiêu chí, thời điểm CĐR của học phần và trọng số), thông tin về GV (họ và tên, chức danh, học hàm, học vị, email, điện thoại liên hệ), các quy định chung (cam kết của GV, yêu cầu đối với SV, quy định về tham dự lớp học, quy định về hành vi trong lớp học, quy định về học vụ, và các quy định khác). ĐCCTHP cung cấp đầy đủ thông tin, thể hiện được sự tương quan giữa ba yếu tố chính: nội dung chi tiết học phần nhằm đạt CĐR của môn học, phương pháp giảng dạy/học tập để đạt được các CĐR và phương thức đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy [H2.02.02.01].

Quá trình xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật đề cương các môn học của Khoa TC-NH & QTKD luôn bám sát kế hoạch của Nhà trường [H2.02.02.02], [H2.02.02.03].

Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do Nhà trường quy định, gồm có 7 chữ số trong đó thể hiện khoa quản lý học phần, ngành đào tạo và số thứ tự. ĐCCTHP ngành TC-NH được mô tả chi tiết trong CTĐT hiện hành. GV viết đề cương môn học theo mẫu mới theo phương pháp tiếp cận CDIO được tập huấn và tham gia hội thảo nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu và CDR đã đặt ra [H2.02.02.04].

2. Điểm mạnh

Tất cả ĐCCTHP của ngành TC-NH đều thể hiện đầy đủ các thông tin. Mọi thông tin liên quan đến học phần về cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá người học đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học. Các ĐCCTHP của ngành được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CTĐT và CDR của chương trình. Các đề cương đều được chuẩn hóa theo quy định và kế hoạch của Trường ĐHQN.

3. Điểm tồn tại

Một số ĐCCTHP có ít tài liệu tham khảo mang tính cập nhật. Các tài liệu tham khảo như bài giảng, giáo trình điện tử, tạp chí chuyên ngành tiếng Việt và ngoại ngữ trên website của Trường, của Khoa còn chưa nhiều. Nguyên nhân của điều này là do nguồn kinh phí, phương pháp và cách tiếp cận các nguồn tài liệu này còn bị hạn chế. Điều này khiến cho cả GV và SV đều gặp khó khăn trong việc tiếp cận các tài liệu hiện đại, mang tính quốc tế nên đôi lúc chưa theo kịp những phát triển mới trong nghiên cứu, đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, điều chỉnh về tài liệu tham khảo và cập nhật nội dung mới đối với một số học phần chưa cập nhật.	Khoa TC-NH & QTKD	Năm học 2021 - 2022	

2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện bổ sung, cập nhật ĐCCTHP theo quy định. Bám sát kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật ĐCCTHP của Nhà trường.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Theo quy định	
---	--------------------	--	--------------------------------	---------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành TC-NH và ĐCCTHP sau khi được phê duyệt đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. *Thứ nhất*, trên các tài liệu được in ấn chính thức của Khoa: Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần sau khi được phê duyệt chính thức và lưu trữ công khai tại Văn phòng khoa [H2.02.03.01], [H2.02.03.02]; trong Cẩm nang tuyển sinh gửi đến học sinh các trường THPT tại các buổi tư vấn tuyển sinh [H2.02.03.03]; trong Sổ tay năm học được phát cho SV năm nhất của Khoa khi làm thủ tục nhập học [H2.02.03.04]. *Thứ hai*, trên trang thông tin điện tử của Khoa: đã cập nhật nội dung chương trình đào tạo tại địa chỉ <http://fbm.edu.vn> (từ năm 2010-2020); sau này đổi thành địa chỉ <http://fbm.qnu.edu.vn> (từ năm 2020 trở đi) [H2.02.03.05]. *Thứ ba*, thường xuyên trao đổi trực tiếp với SV thông qua việc GV phụ trách từng học phần giới thiệu CTĐT trong quá trình giảng dạy; thông qua CVHT trong các buổi sinh hoạt lớp, trong các chương trình gặp mặt tân SV, tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa...

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP được công bố công khai theo nhiều hình thức khác nhau và có thể dễ dàng tiếp cận sẽ tạo thuận lợi cho các cá nhân có nhu cầu tìm hiểu và đánh giá chất lượng chương trình. Do vậy cả học sinh và SV có thể lựa chọn chuyên ngành phù hợp và định hướng được quá trình học tập; đơn vị sử dụng lao động có thể góp ý xây dựng chương trình phù hợp với thực tế; Khoa có thêm nhiều thông tin để rà soát, sửa đổi chương trình cho hợp lý. Ngoài ra, đây còn là nguồn thông tin giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên bên ngoài hiểu mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến.

2. Điểm mạnh

Khoa đã tiến hành công khai CTĐT trên mọi kênh truyền thông từ những năm 2010. Thông qua tất cả các kênh công bố thông tin trên, các bên liên quan như người học, phụ huynh, người sử dụng lao động, GV và những người quan tâm đều có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Về phía học sinh, điều này giúp các em có thể hình dung rõ ràng hơn về ngành nghề đào tạo, do vậy có thể lựa chọn ngành nghề phù hợp hơn. Về phía người học, SV biết được nội dung và thời lượng các học phần cụ thể, từ đó xây dựng được lộ trình học tập trong cả năm học và khóa học phù hợp với nhu cầu và năng lực bản thân. Về phía đơn vị sử dụng lao động, thông tin chi tiết về chương trình là một trong các kênh tham khảo về sự phù hợp và tiên tiến của nội dung giảng dạy. Đồng thời, khoa cũng có thể nắm bắt kịp thời những yêu cầu đổi mới CTĐT và đã liên tục điều chỉnh CTĐT cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Điểm tồn tại

CTĐT chỉ mới công bố trên các tài liệu in ấn chính thức được lưu giữ tại văn phòng Khoa và Sổ tay năm học phát cho SV năm nhất; các kênh khác chỉ dừng ở danh sách tên học phần chứ chưa công khai các nội dung còn lại trong CTĐT và ĐCCTHP.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng nội dung công bố công khai, đặc biệt là ĐCCTHP trên các kênh truyền thông.	Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Khai thác thêm các phương tiện công bố công khai khác như công khai trên fanpage của Khoa cho phù hợp với nhu cầu tra cứu của người học và người có nhu cầu.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2020 - 2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Việc cải tiến chất lượng CTĐT ngành TC-NH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để đảm bảo, nâng cao chất lượng và uy tín đào tạo của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng và Trường ĐHQN nói chung. Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP ngành TC-NH được Khoa xây dựng đúng quy trình, quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT; có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý; được thiết kế một cách có hệ thống, đảm bảo yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng; có tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước và trên thế giới; có sự tham gia góp ý của GV, SV, cựu SV, người sử dụng lao động, các chuyên gia có liên quan trong lĩnh vực giáo dục và chuyên môn. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi từ các bên liên quan và kế hoạch của Nhà trường, Khoa đã triển khai điều chỉnh cập nhật CTĐT và ĐCCTHP. Các CTĐT về sau ngày càng được cập nhật và phù hợp hơn với yêu cầu đổi mới chương trình của Bộ GD&ĐT và nhu cầu thực tế.

Việc công bố công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP trên các kênh truyền thông giúp các cá nhân và tổ chức có nhu cầu dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, việc công bố công khai các văn bản này chưa được thực hiện đầy đủ về nội dung trên quy mô rộng rãi. Bên cạnh đó, nguồn tài liệu tham khảo còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc cập nhật và đổi mới CTĐT. Việc khảo sát ý kiến của các cá nhân và tổ chức chưa được thực hiện định kỳ trong 2 năm gần đây, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh của năm 2020.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí đạt mức 6/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung CTDH là một trong những yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của một ngành đào tạo. CTDH ngành TC-NH được xây dựng dựa trên các quy chế của Bộ GD&ĐT, quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. CTDH được thiết kế có hệ thống dựa trên CĐR về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực NCKH của GV và SV. Do vậy, mỗi học phần trong CTDH đều có CĐR rõ ràng đóng góp vào việc đạt được CĐR của CTĐT. CTDH ngành TC-NH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. CTDH đã được triển khai đánh giá, thực hiện cải tiến, định kỳ bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo ý kiến của GV, SV và nhà tuyển dụng lao động.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTDH ngành TC-NH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của các học phần cũng như CĐR của CTĐT, được thiết kế thành bản mô tả CTDH và bản mô tả học phần. CTDH chú trọng đến sự cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (gồm kiến thức khối ngành và cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế) để đạt mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03].

Để triển khai CTDH, hàng năm Khoa đều xây dựng kế hoạch phân công giảng dạy và CVHT cho các GV, sau đó tiến hành kiểm tra cuối mỗi học kỳ, được tổng hợp trong các hồ sơ giảng dạy của giảng viên [H3.03.01.04].

Trong CTDH, mỗi học phần được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT, điều này được thể hiện qua ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR trong CTĐT [H3.03.01.03]. CTDH ngành TC-NH năm 2020 được thiết kế với tổng cộng 147 TC; trong đó các học phần điều kiện 12 TC, khối kiến thức giáo dục đại cương 24 TC, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 111 TC (gồm kiến thức khối ngành và cơ sở ngành 23 TC, kiến thức ngành và chuyên ngành 55 TC, kiến thức bổ trợ 27 TC, khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế 6 TC). Khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành TC-NH cung cấp các kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn, cung cấp các kiến thức về kinh tế, tài chính, ngân hàng, ứng dụng toán học trong kinh tế, tiếng Anh chuyên ngành và đặc biệt là các kỹ năng mềm. CTDH từ năm 2015, năm 2019 đến năm 2020 đã ngày càng gia tăng khối lượng kiến thức và các kỹ năng mềm cho người học, giúp người học trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho công việc trong tương lai [H3.03.01.03], [H3.03.01.05].

CTDH ngành TC-NH thể hiện mục tiêu của CTĐT trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức. Các học phần được thiết kế có tính kế thừa, bổ sung và liên quan chặt chẽ với nhau, gắn quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng cần thiết đối với ngành TC-NH [H3.03.01.01]. Trong ĐCCTHP có CĐR của mỗi học phần, mô tả kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách

nhiệm; đồng thời ma trận quan hệ giữa CĐR học phần và CĐR của CTĐT [H3.03.01.03]. Với kết cấu như trên, nội dung CTDH đảm bảo trang bị cho người học về kiến thức chuyên môn, các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập, mức tự chủ và tinh thần trách nhiệm đối với việc học tập và nghề nghiệp theo yêu cầu của CĐR.

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp trong tất cả các học phần của CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTĐT được dạy theo phương pháp dạy học tích cực, đa dạng, chú trọng tính thực tế theo yêu cầu của ngành học. Đồng thời, lồng ghép các kỹ năng mềm, vừa phối hợp tinh thần hợp tác thông qua hoạt động nhóm, vừa phát huy tính độc lập, tư duy hiệu quả của từng cá nhân. Trong quá trình đó, GV luôn chú trọng lấy người học làm trung tâm, rèn luyện phương pháp tự học, phối hợp giữa học tập cá nhân với học tập nhóm; GV chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn, tổ chức hoạt động. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được khoa TC-NH & QTKD chú trọng, đánh giá bằng nhiều phương pháp để đạt được CĐR. Các phương pháp đánh giá vẫn xoay quanh 3 nội dung chính là Chuyên cần, Kiểm tra giữa kỳ và Thi cuối kỳ nhưng đã có sự điều chỉnh về tỷ lệ điểm: tăng tỷ lệ của điểm quá trình (gồm Chuyên cần và Kiểm tra giữa kỳ) từ trọng số 30% tổng số điểm (trong CTDH năm 2017) lên tối đa 50% điểm. [H3.03.01.03].

2. Điểm mạnh

CTDH và từng học phần trong CTDH được thiết kế có tính khoa học, hợp lý về tỷ lệ giữa các khối kiến thức và dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học trong các môn học hoàn toàn phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá được sử dụng đa dạng và hiện đại giúp đảm bảo việc đánh giá toàn diện, tạo điều kiện để SV thể hiện được quan điểm cá nhân, tính sáng tạo cũng như rèn luyện các kỹ năng mềm đã được giảng dạy trong CTDH.

3. Điểm tồn tại

Tình hình thực tế thị trường lao động cũng như nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động luôn biến đổi không ngừng, nhưng việc cập nhật CTDH và CTĐT đòi hỏi phải có thời gian nghiên cứu và thẩm định kỹ lưỡng, do vậy một số học phần và phương

pháp giảng dạy chưa thể cập nhật kịp thời. CSVC cho quá trình dạy học chưa đầy đủ, thiếu hụt các phòng thực hành... nên một số phương pháp, nội dung trong CTDH chưa thể thực hiện tốt như mục tiêu đề ra.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, thẩm định và cập nhật CTDH. Trang bị các phòng, mô hình thực hành, cải thiện CSVC để SV có điều kiện tiếp cận thực tế.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm học 2020 – 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng hóa, nâng cao chất lượng cách thức đánh giá kết quả học tập của SV, như cải thiện cách ra đề tự luận và trắc nghiệm, làm bài trực tiếp trên hệ thống máy tính...	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm học 2020 – 2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

CTDH ngành TC-NH của Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN thể hiện rõ ràng sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR. Mỗi học phần đều đóng vai trò nhất định trong khối kiến thức toàn khóa và thể hiện rõ mục tiêu hướng đến là đào tạo SV có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu ngành TC-NH để phát triển kiến thức mới và có khả năng học tập suốt đời; có kỹ năng mềm cần thiết cho các hoạt động nghề nghiệp. Đồng thời, những cử nhân TC-NH phải có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và ý thức bảo vệ môi trường; có ý thức phục vụ

nhân dân góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. ĐCCTHP của các học phần đều xác định được mục tiêu và CĐR rõ ràng. Đồng thời, CĐR của mỗi học phần cũng thể hiện sự gắn kết chặt chẽ với CĐR của CTĐT thông qua ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT [H3.03.02.01].

Nội dung các học phần trong CTDH được xây dựng dựa trên ma trận CĐR của học phần. Các học phần được dạy và học theo phương pháp dạy học tích cực, phát triển năng lực toàn diện cho SV. Mỗi học phần đều có phương pháp đánh giá người học thông qua điểm chuyên cần, các bài kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần tương ứng với các trọng số đóng góp của Chuyên cần, giữa kỳ, thi kết thúc học phần lần lượt là: 10%, 20% và 70%; 10, 30 và 60%; hay 10%, 40% và 50%, nhằm đảm bảo tính linh hoạt và đặc thù của từng học phần, phát huy tính tự học, tích cực của SV [H3.03.02.02]. Kết quả đánh giá được công bố thông qua tài khoản cá nhân của từng SV do Phòng Đào tạo đại học, Trường ĐHQN cấp và quản lý [H3.03.02.03]

Khoa TC-NH & QTKD đã định kỳ triển khai thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật nội dung các học phần nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT Cử nhân ngành TC-NH theo kế hoạch rà soát, đánh giá, sửa đổi, hoàn chỉnh, cập nhật CTĐT đại học của Trường ĐHQN [H3.03.02.04], [H3.03.02.05]. Việc điều chỉnh nội dung các học phần được thực hiện dựa trên kết quả về điều tra, khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, cựu SV, SV năm cuối về CLĐT ngành TC-NH [H3.03.02.06], [H3.03.02.07]; ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV [H3.03.02.08]; khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp sau một năm ra trường để tăng cường sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR sát với thực tiễn [H3.03.02.09].

2. Điểm mạnh

Nội dung các học phần được xây dựng khoa học, chặt chẽ, thường xuyên cập nhật đổi mới dựa vào ý kiến của các bên liên quan khác nhau. Các học phần trong CTDH được thiết kế linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận, lĩnh hội kiến thức toàn diện và các kỹ năng mềm. ĐCCTHP đều có yêu cầu kiến thức về điều kiện học phần học trước, về mục tiêu cần đạt được theo CĐR của mỗi học phần và CĐR của CTĐT; thể hiện rõ phương pháp, hình thức dạy học theo hướng tích cực; việc kiểm tra đánh giá người học đảm bảo tính phù hợp và hỗ trợ nhau nhằm đảm bảo đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Khi xây dựng CĐR của CTĐT ngành TC-NH đã lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan qua các năm 2015, 2019 khi đổi mới chương trình. Tuy nhiên, CĐR của CTĐT năm 2020 chỉ mới lấy ý kiến của GV, đại diện nhà tuyển dụng mà chưa lấy ý kiến phản hồi của cựu SV và SV năm cuối.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần.	Khoa TC-NH & QTKD	Định kỳ 2 năm một lần, bắt đầu từ năm học 2021 - 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tiến hành cập nhật và điều chỉnh nội dung của các học phần dựa trên ý kiến của các bên liên quan nhằm làm rõ ràng hơn đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR.	Khoa TC-NH & QTKD	Định kỳ 2 năm một lần, bắt đầu từ năm học 2021 - 2022	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

CTDH ngành TC-NH có cấu trúc, trình tự logic. Các học phần trong CTDH được thiết kế có hệ thống, khối lượng kiến thức toàn khóa là 135 TC (không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Nội dung CTDH được sắp xếp logic, liền mạch giữa khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm kiến thức khối ngành và cơ sở ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế khóa luận) [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03]. Khối kiến thức toàn khóa

trong CTDH ngành TC-NH thể hiện rõ cấu trúc, trình tự logic từ năm thứ nhất đến năm thứ tư theo phương châm: Các học phần về khối kiến thức giáo dục đại cương trang bị đầy đủ và toàn diện cho SV có lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, tuân thủ pháp luật, đồng thời cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; Các học phần kiến thức khối ngành và cơ sở ngành là nền tảng cho các học phần thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành **[H3.03.03.04]**.

Các học phần trong CTDH được thiết kế hợp lý từ học phần học trước, thời lượng cho mỗi học phần, học kỳ thực hiện cho đến các nội dung cụ thể thực hiện theo buổi học cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá người học. Bên cạnh đó, nội dung kiến thức các học phần được truyền đạt đến SV theo phương pháp dạy học tích cực. Các học phần bổ trợ, thực tập tổng hợp được thiết kế song hành với các học phần lý thuyết tạo điều kiện thuận lợi cho SV tích lũy đầy đủ các năng lực tổng hợp, phân tích, đánh giá về kiến thức chuyên ngành, thành thạo về kỹ năng thực hành và vận dụng tốt kiến thức chuyên ngành vào thực tế hoạt động liên quan đến lĩnh vực TC-NH tại các đơn vị, tổ chức tuyển dụng lao động **[H3.03.03.05]**. CTDH ngành TC-NH được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần nhằm điều chỉnh, bổ sung các kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi của môi trường và theo yêu cầu của thực tiễn **[H3.03.03.06]**, **[H3.03.03.07]**. Các học phần được thay đổi về nội dung cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, cập nhật khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đặc biệt là kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo bậc cử nhân và tiệm cận với nội dung đào tạo của các trường đại học tiên tiến trên thế giới và Việt Nam **[H3.03.03.08]**. Cụ thể, từ khi xây dựng chương trình lần đầu (năm 2012) theo hệ thống tín chỉ cho đến nay, Khoa đã tiến hành cập nhật CTDH và ĐCCTHP vào năm 2015, 2017, 2019 và năm 2020 **[H3.03.03.09]**. CTDH năm 2015 chú ý đến góp ý của nhà tuyển dụng, đặc biệt là bổ sung các học phần về kỹ năng mềm mà SV còn yếu; bổ sung các học phần hiện đại theo các chương trình ngoài nước; tăng thời gian thảo luận, thực hành trong từng học phần **[H3.03.03.10]**, **[H3.03.03.11]**. CTDH năm 2019 được xây dựng lại theo hướng đáp ứng kiểm định AUN-QA, CDIO. Theo đó, CTDH ngành TC-NH năm 2019 có kết cấu chặt chẽ với các học phần được xây dựng theo CDR gồm 4 cấp độ và với mức độ đóng góp rõ ràng của các học phần (được đo theo thang đo trình độ năng lực 6 bậc của Bloom). CTDH năm 2020, được tiếp tục hoàn thiện theo kế hoạch của Trường nhằm

thống nhất các môn chung và có tính liên thông với các ngành khác trong toàn trường, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV có thể học song bằng [H3.03.03.12]. CTDH ngành TC-NH của Khoa TC-NH & QTKD có tính tích hợp được thể hiện thông qua các chuyên ngành hẹp: Quản lý tài chính – kế toán (là kết hợp giữa các kiến thức về quản trị, tài chính và kế toán); Tài chính công và quản lý thuế (là kết hợp giữa các kiến thức về tài chính công và quản lý thuế). Các học phần trong CTDH bao gồm các học phần lý thuyết, các học phần thực tập và các học phần rèn luyện kỹ năng được bố trí hợp lý và khoa học. Ví dụ, học phần Thực tập tổng hợp được bố trí trong kỳ 6 cùng với các học phần lý thuyết thuộc kiến thức chuyên ngành, từ đó giúp SV nắm vững kiến thức ngành để vận dụng tìm hiểu hoạt động thực tế tại các đơn vị. Đối với các học phần thực tập tổng hợp, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, SV được học tập thực tế tại các doanh nghiệp, ngân hàng [H3.03.03.13]. Thêm vào đó, các học phần rèn luyện kỹ năng cũng được thực hiện tại lớp học ở Trường và vận dụng vào quá trình thực tập tại đơn vị.

2. Điểm mạnh

Cấu trúc CTDH Cử nhân ngành TC-NH được xây dựng theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn của ngành. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có sự tích hợp giữa lý thuyết với thực hành. Trong các học phần thực tập, SV được học tập ở môi trường thực tế tại các đơn vị. Ngoài ra, CTDH được thiết kế hợp lý từ học phần học trước; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm thực hiện cho đến kế hoạch dạy học chi tiết và phương pháp kiểm tra, đánh giá người học một cách khoa học, khách quan, chính xác. Đồng thời, mỗi cán bộ GV tham gia giảng dạy luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được CĐR của học phần và của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Thời lượng dành cho các học phần thực tập so với các học phần lý thuyết chưa nhiều. Thời gian bố trí cho thực hành trong các học phần cũng hạn chế. Tồn tại này mang tính khách quan, do hạn chế về CSVC của Nhà trường mặc dù khi xây dựng CTDH, GV luôn ý thức được rằng SV cần được thực hành nhiều vì mục tiêu của CTĐT là định hướng ứng dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, điều chỉnh CTDH theo hướng tăng thời lượng giảng dạy các học phần thực hành, thực tế; tăng thời gian thực hành trong một học phần.	Khoa TC-NH & QTKD	Định kỳ 2 năm một lần, bắt đầu từ năm học 2021 - 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng CTĐT và CTDH chặt chẽ, logic. Tham khảo ý kiến các bên liên quan, các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để nâng cao CLĐT ngành TC-NH trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập, phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Nhà trường.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Định kỳ 2 năm một lần, bắt đầu từ năm học 2021 - 2022	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành TC-NH được thiết kế dựa trên CĐR, có cấu trúc theo hệ thống logic từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành hẹp. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và có sự tích hợp giữa kiến thức lý thuyết với thực tập, thực tế. Các học phần thường xuyên được cập nhật, bổ sung nhằm đạt được kết quả theo CĐR. Các học phần trong CTDH được thiết kế linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận, lĩnh hội kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng mềm. Nội dung chi tiết của mỗi học phần đều có yêu cầu kiến thức về điều kiện tiên quyết và mục tiêu cần đạt được theo CĐR rõ ràng. ĐCCT các học phần thể hiện rõ phương pháp, hình thức dạy học theo hướng tích cực và việc kiểm tra / đánh giá người học đảm bảo tính khách quan, chính xác. Tuy nhiên, thời lượng dành cho các học phần thực tập so với các học phần lý thuyết chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 3 có 1 tiêu chí đạt mức 6/7 và 2 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Mục tiêu chung của CTĐT ngành TC-NH là “đào tạo cử nhân TC-NH có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về ngành TC-NH để tiếp cận các hoạt động thực tế của ngành TC-NH, có khả năng phát triển các tri thức mới và có khả năng học tập suốt đời; có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ và có kỹ năng mềm cần thiết cho các hoạt động nghề nghiệp sau khi ra Trường. Đồng thời, những cử nhân TC-NH được đào tạo sẽ có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và ý thức bảo vệ môi trường; có ý thức phục vụ nhân dân góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”. Nhằm đáp ứng các mục tiêu đặt ra, CĐR đã được tuyên bố trong CTĐT và CTĐT đã được phổ biến tới các bên liên quan một cách công khai.

Nhận định phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng một vai trò quan trọng trong cải tiến và nâng cao CLĐT, Khoa TC-NH & QTKD chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm. Sử dụng các phương pháp giảng dạy đa dạng, hiện đại trong việc tổ chức các hoạt động dạy học bằng việc kết hợp giảng lý thuyết với thực hành, thực tập, thực tế nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố. Đồng thời, thông qua hoạt động dạy và học, giáo viên chú trọng hướng dẫn, hỗ trợ, giúp người học hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu, chủ động, sáng tạo trong học tập, luôn cập nhật các đổi mới từ thực tế, từ đó góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Triết lý giáo dục của Trường ĐHQN được công bố trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, với nội dung “*Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp*” [H4.04.01.01]. Triết lý giáo dục của Nhà trường có ý nghĩa: “Toàn diện” là hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội. “Khai phóng” là hướng tới phát huy tối đa tiềm năng

của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội. “Thực nghiệp” là hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể hành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được tuyên bố rõ ràng trong chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.02]. Ngoài ra, Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHQN năm 2016 cũng đã trình bày rõ mục tiêu giáo dục của Nhà trường và qua đó khẳng định vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội [H4.04.01.03].

Ý thức được vai trò và nhiệm vụ trong giai đoạn mới, với sứ mệnh đào tạo người học toàn diện về năng lực và phẩm chất, có trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực được đào tạo, triết lý giáo dục của Khoa TC-NH & QTKD là “*Học để biết, học để làm, học để chung sống và cống hiến cho xã hội*” [H4.04.01.04]. Mục tiêu đào tạo ngành TC-NH được cụ thể từ hóa triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường cũng như của Khoa đó là đào tạo cử nhân TC-NH có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về ngành TC-NH để tiếp cận các hoạt động thực tế của ngành TC-NH, có khả năng phát triển các tri thức mới và có khả năng học tập suốt đời; có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ và có kỹ năng mềm cần thiết cho các hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường, có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và ý thức bảo vệ môi trường; có ý thức phục vụ nhân dân góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mục tiêu đào tạo ngành TC-NH đã được thể hiện trong các mục tiêu của CTĐT và ĐCCTHP [H4.04.01.05], [H4.04.01.06]. Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của CTĐT, mục tiêu giáo dục cũng như triết lý giáo dục của Nhà trường. Khi bắt đầu giảng dạy môn học, mỗi GV đều dành thời gian để giới thiệu triết lý giáo dục, vị trí của học phần trong CTĐT, giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, CDR của học phần và tiêu chí đánh giá kết quả học tập

[H4.04.01.06]. Trong các hội thảo năm 2017 và 2019 về đánh giá chất lượng giảng dạy, CTĐT, kết quả khảo sát SV năm cuối cho thấy mục tiêu giáo dục của ngành TC-NH được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với người học **[H4.04.01.07]**.

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHQN nói chung và của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng được tất cả viên chức, GV, người học hiểu rõ và vận dụng vào trong việc thiết kế CTDH, trong quá trình học tập và được phổ biến cho các bên liên quan thông qua các đơn vị, toàn thể công chức, viên chức, người học trong toàn trường **[H4.04.01.01]**, **[H4.04.01.04]**. Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, phổ biến rộng rãi đến toàn thể người học thông qua các tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa dành cho tân SV, các buổi sinh hoạt lớp cuối tháng, trên bảng biểu treo trong khuôn viên Nhà trường và trên các trang thông tin điện tử của Trường ĐHQN, của Khoa TC-NH & QTKD **[H4.04.01.08]**, **[H4.04.01.09]**, **[H4.04.01.10]**.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHQN cũng như triết lý giáo dục và mục tiêu đào tạo của ngành TC-NH được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến công khai đến cán bộ, GV và người học trong và ngoài Trường. Đặc biệt Khoa TC-NH & QTKD còn thực hiện công khai Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị – Triết lý giáo dục – Định hướng phát triển trên trang thông tin điện tử của Khoa và phổ biến rộng rãi đến GV và người học.

Theo định kỳ, Trong các năm 2017 và 2019, Khoa TC-NH & QTKD đã thực hiện hai hội thảo về đánh giá chất lượng giảng dạy, CTĐT. Thông qua các hội thảo, nhiều ý kiến đóng góp, kết luận có giá trị giúp cải tiến CTĐT và xây dựng triết lý giáo dục của Khoa đã được ghi nhận. Nhờ vậy, triết lý giáo dục và mục tiêu đào tạo của Trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng đã được GV và người học nắm rõ.

3. Điểm tồn tại

Dù triết lý giáo dục cũng như mục tiêu đào tạo của Trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng đã được phổ biến rộng rãi đến GV và người học, nhưng chưa thể đánh giá được mức độ hiểu biết và thực hiện của các GV cũng như người học đối với triết lý giáo dục và mục tiêu giảng dạy của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát các bên liên quan về mức độ hiểu biết triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu đào tạo của ngành TC-NH để có cơ sở đánh giá mức độ hiệu quả của hoạt động phổ biến này.	Khoa TC-NH & QTKD, Phòng KT&BDCL, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng hiệu quả các kênh thông tin truyền thống và triển khai thêm nhiều kênh thông tin khác thông qua: buổi khai giảng năm học, khóa học; các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa, các trang mạng xã hội... để nhà sử dụng lao động và cộng đồng xã hội hiểu rõ hơn về Triết lý giáo dục cũng như mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu của CTĐT ngành TC-NH.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

1. Mô tả

Khoa TC-NH & QTKD luôn thực hiện phương châm “Dạy cách học, phát huy tính chủ động của người học”. Định kỳ, Khoa cập nhật và sửa đổi CTĐT cũng như các phương pháp giảng dạy để đạt được CĐR của CTĐT và phù hợp với các nhu cầu thực tiễn của nhà tuyển dụng và người học như kết hợp giữa dạy trực tiếp, dạy gián tiếp, học trải nghiệm, dạy học tương tác và tự học. Phương pháp dạy trực tiếp bao gồm thuyết giảng và tham luận; phương pháp dạy gián tiếp bao gồm câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, dạy học theo nhóm; phương pháp học trải nghiệm bao gồm thực tập, nghiên cứu tình huống; phương pháp dạy tương tác bao gồm thảo luận và làm việc nhóm; phương pháp tự học gồm bài tập ở nhà, giải quyết tình huống [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03], [H4.04.02.04].

Ở từng học phần, các GV phụ trách luôn tìm tòi kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy để nâng cao hiệu quả bài giảng. Bài giảng của GV là sự kết hợp giữa các phương pháp giảng dạy giúp SV chủ động lĩnh hội kiến thức và trải nghiệm thực tế [H4.04.02.05]. Hệ thống phương pháp giảng dạy bám sát các yêu cầu của mục tiêu học phần, CĐR học phần được thiết lập trong ĐCCTHP và CĐR của CTĐT ngành TC-NH [H4.04.02.01], [H4.04.02.02]. Trong đó, mục tiêu học phần được căn cứ vào các CĐR của CTĐT, CĐR của học phần được thiết kế dựa trên mục tiêu học phần. GV xây dựng hệ thống phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức dạy học dựa trên các CĐR của học phần [H4.04.02.01], [H4.04.02.02]. Các phương pháp giảng dạy được GV Khoa sử dụng đa dạng từ phương pháp học suy luận, giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, giải quyết tình huống, nghiên cứu tình huống, và hướng dẫn SV tự học tự nghiên cứu. Theo phân bổ giờ giảng trong CTĐT của ngành TC-NH, có thể thấy trung bình các GV dành 63,38% cho thuyết trình, 14,26% cho giải quyết bài tập, 5,73% cho thảo luận nhóm và 16,62% cho thực hành [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.05]. Đặc biệt đối với khối kiến thức chuyên nghiệp, các học phần được thiết kế với 24,77% thời lượng dành cho giải quyết bài tập, thảo luận nhóm và giải quyết tình huống. Đối với GV Khoa TC-NH & QTKD, việc cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết hàng năm giúp đội ngũ GV chủ động trong việc cập nhật những kiến thức cũng như phương pháp giảng dạy mới, tiệm cận với nhu cầu lao động của thị

trường. Thêm vào đó, các phòng học được trang bị máy chiếu và hệ thống loa giúp đội ngũ GV của Khoa tích cực hơn trong việc giới thiệu các phương pháp giảng dạy mới, nhờ đó chất lượng giảng dạy tăng lên đáng kể.

Bên cạnh công tác giảng dạy, tập thể GV Khoa TC-NH & QTKD còn tham gia tích cực công tác NCKH và hướng dẫn SV NCKH. Ngay từ đầu mỗi năm học mới, các SV đã được khuyến khích tham gia NCKH dưới sự hướng dẫn của những GV giàu kinh nghiệm, kiến thức và nhiệt tình. Việc tham gia NCKH giúp SV rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu, từ đó hình thành ý thức học tập tốt hơn. Hàng năm, Khoa TC-NH & QTKD đều có nhóm NCKH SV đạt được giải cao ở cấp trường, nhiều đề tài đã đạt được đề xuất giải thưởng NCKH SV cấp Bộ **[H4.04.02.06]**, **[H4.04.02.07]**, **[H4.04.02.08]**.

Nhờ việc trải nghiệm sự kết hợp giữa các phương pháp, SV học tập tại Khoa có thể chủ động tiếp thu, lĩnh hội tốt những kiến thức ngành và chuyên ngành, đồng thời hình thành và tích lũy những kỹ năng cần thiết cũng như nắm bắt những kiến thức thực tiễn để sẵn sàng tham gia thị trường lao động **[H4.04.02.01]**, **[H4.04.02.02]**. Ngoài ra, SV ngành TC-NH nói riêng và các ngành kinh tế nói chung còn có điều kiện tiếp cận với công việc thực tế qua hai đợt thực tập: thực tập tổng hợp và thực tập tốt nghiệp. Đây là hai học phần thực tập bắt buộc trong CTĐT đối với SV ngành TC-NH **[H4.04.02.03]**, **[H4.04.02.04]**. Đối với thực tập nhận thức, SV dưới sự hướng dẫn trực tiếp của GV sẽ được tạo điều kiện để bước đầu nhận thức cách thức tổ chức hoạt động và nghiệp vụ ở tại cơ sở thực tập **[H4.04.02.02]**, **[H4.04.02.04]**. Với bốn chuyên ngành: Ngân hàng và Kinh doanh tiền tệ, Tài chính doanh nghiệp, Quản lý Tài chính – Kế toán, Tài chính công và Quản lý thuế, SV có thể lựa chọn cơ sở thực tập đa dạng từ ngân hàng thương mại, doanh nghiệp đến đơn vị hành chính sự nghiệp tùy thuộc theo yêu cầu từng chuyên ngành hẹp **[H4.04.02.01]**. Ngoài ra, việc liên kết với các tổ chức tuyển dụng ngay trong đợt thực tập luôn được tổ chức hàng năm **[H4.04.02.03]**, **[H4.04.02.04]**. Việc này tạo điều kiện cho SV dễ dàng tiếp cận các cơ sở thực tập, giúp tăng cường mối quan hệ giữa Khoa, Nhà trường và tổ chức sử dụng lao động, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Qua hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về đánh giá hoạt động giảng dạy **[H4.04.02.09]**, phần lớn SV của Khoa đánh giá cao về khả năng cũng như phương pháp giảng dạy của đội ngũ GV. Cụ thể 90% SV đánh giá hầu hết các GV có phương pháp giảng dạy tốt, dễ hiểu và luôn cập nhật những phương pháp giảng dạy mới **[H4.04.02.05]**.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp và thường xuyên cập nhật đáp ứng tốt các mục tiêu đào tạo. Khoa TC-NH & QTKD có đội ngũ GV chuyên nghiệp, trình độ cao, nhiệt huyết với nghề, sẵn sàng ứng dụng những phương pháp dạy và học mới. Đối với khối kiến thức chuyên nghiệp, đội ngũ GV của Khoa luôn tích cực kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy mới. Tỷ lệ giờ giảng dành cho giải quyết bài tập, bao gồm cả bài tập nhóm và thảo luận chiếm 24,77%. GV của Khoa thường xuyên cập nhật và trau dồi kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy giúp SV của Khoa có thể dễ dàng tiếp cận và lĩnh hội được nhiều kiến thức lý thuyết mới, cập nhật thực tiễn. Khoa luôn đề cao việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tích cực tư duy và khả năng sáng tạo của người học kết hợp với việc đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các nhà sử dụng lao động. Phần lớn GV và người học đều cảm thấy hài lòng với các phương pháp giảng dạy và học tập trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp dạy học vẫn còn mang nặng tính truyền thống như thuyết giảng, việc kết hợp với nhiều phương pháp khác đôi khi chưa thật sự hiệu quả, chưa phát huy tối đa khả năng của người học. Hệ thống CSVC ở phòng học tuy được cải thiện trong thời gian qua nhưng vẫn còn thiếu và thường xuyên xảy ra các sự cố hỏng hóc đã ảnh hưởng không nhỏ đến ý định tổ chức phương pháp dạy và học mang tính chủ động cho SV. Hiện tại, Nhà trường chưa có các phòng thực hành chức năng mô phỏng thị trường chứng khoán, việc mua sắm các phần mềm quản lý tài chính phục vụ đào tạo nghiệp vụ liên quan đến TC-NH chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực như hoạt động nhóm, phương pháp đóng vai, nghiên cứu tình huống kết hợp đồng thời với	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Hàng năm, bắt đầu từ năm học 2020-2021	

		phương pháp truyền thống nhằm nâng cao khả năng tự học, hoàn thiện hệ thống kỹ năng sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động. Cải thiện CSVC, xây dựng các phòng thực hành chức năng và mua sắm thêm các phần mềm hỗ trợ giảng dạy trong lĩnh vực TC-NH nhằm tạo điều kiện cho SV tiếp cận thực tế nhiều hơn.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật, bổ sung các phương pháp giảng dạy mới nhằm đem lại hiệu quả giảng dạy tốt nhất. Tăng tỷ lệ giờ giảng dành cho thảo luận, bài tập nhóm và thực hành.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Hàng năm, bắt đầu từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Tất cả các ĐCCTHP mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập bao gồm phương pháp thuyết trình, trao đổi, làm việc nhóm, thảo luận, giải quyết bài tập tình huống, nghiên cứu tình huống, thực hành, bài tập cá nhân, tự học...) [H4.04.03.01]. SV ngành TC-NH được rèn luyện kỹ năng tư duy, thuyết trình, làm việc nhóm thông qua các giờ tự học [H4.04.03.01], [H4.04.03.02]. Tỷ lệ giữa các phương pháp và hình thức giảng dạy như sau: thuyết giảng chiếm 63,38%, giải quyết bài tập chiếm 14,26%, thảo luận nhóm và thuyết trình chiếm 5,73%, thực hành thực nghiệm chiếm 16,62% tổng số giờ giảng. Trong đó, đối với khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ phương pháp giải quyết bài tập tình huống, bài tập cá nhân, thảo

luận nhóm và thực hành chiếm 26,94% tổng thời lượng giảng dạy. Các buổi thảo luận nhóm có sự quản lý của GV luôn được coi trọng và là hoạt động giảng dạy thường xuyên được tổ chức. Thông qua các buổi thuyết trình, thảo luận nhóm, SV có thể lĩnh hội được lượng kiến thức nhiều hơn với niềm hứng khởi hơn so với hoạt động học tập thông thường. Sự tương tác giữa SV với SV, SV với GV thông qua hoạt động thảo luận nhóm thường giúp SV hiểu rõ vấn đề, hiểu rõ thực tiễn hơn, nhờ đó kiến thức thu được nhiều và có giá trị hơn đồng thời rèn luyện kỹ năng tư duy, phản biện **[H4.04.03.01], [H4.04.03.02]**.

Trong quá trình giảng dạy, GV bám sát ĐCCTHP đặc biệt ở mục các hoạt động của người học: chuyên cần (đi học đúng giờ, tập trung theo dõi bài giảng, tích cực đóng góp xây dựng bài giảng), bài tập (hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn), kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra cuối kỳ đều có tiêu chí cụ thể tùy thuộc vào mỗi học phần. Thông qua nhiều học phần mà đặc biệt là hai học phần Kỹ năng giao tiếp và Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch, SV được rèn luyện những kỹ năng mềm ngay từ những năm học đầu tiên **[H4.04.03.01]**. Trong quá trình lên lớp đối với các học phần khác, GV của Khoa luôn đảm bảo thời lượng thảo luận, bài tập nhóm và thuyết trình nhằm giúp người học hoàn thiện các kỹ năng mềm. Trong mỗi ĐCCTHP, giờ tự học luôn được quy định rõ. Trước giờ lên lớp, SV luôn được yêu cầu tự nghiên cứu, chuẩn bị tài liệu cho giờ học. Theo thống kê, trung bình giờ tự học chiếm 180,03% thời lượng giờ giảng trên lớp **[H4.04.03.01]**.

Ngoài hoạt động giảng dạy và học tập tại Trường, dưới sự hướng dẫn và giám sát của các GV và cán bộ tại cơ sở giàu kiến thức và kinh nghiệm, SV được tham gia hai đợt thực tập vào năm thứ ba và năm thứ tư tại các đơn vị thực tế **[H4.04.03.03], [H4.04.03.04]**. Đây được coi là cơ hội để SV tích hợp và áp dụng các kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc và kiến thức vào thực tế. Để khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu và nâng cao khả năng học tập suốt đời, Khoa TC-NH & QTKD còn khuyến khích SV có đam mê tham gia hoạt động NCKH **[H4.04.03.05]**. Nhóm NCKH của SV sẽ được Hội đồng Khoa lựa chọn những GV giàu kinh nghiệm nghiên cứu chịu trách nhiệm hướng dẫn. Trong quá trình tham gia NCKH, SV sẽ hình thành khả năng tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề, rèn luyện kỹ năng tìm kiếm tài liệu và hiểu rõ như thế nào là một hoạt động NCKH thực thụ. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động ngoại

khóa do các đoàn thể trong Khoa tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần ham học hỏi, tự nghiên cứu và hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết cho người học [H4.04.03.06], [H4.04.03.07].

Khoa TC-NH & QTKD luôn bám sát những phản hồi của người sử dụng lao động để hoàn thiện phương pháp giảng dạy, cập nhật liên tục vào CTĐT. Theo khảo sát năm 2017 và năm 2019, SV của ngành TC-NH được nhà tuyển dụng đánh giá cao về kỹ năng giao tiếp ứng xử (76% phản hồi đánh tốt và khá). Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy và lập kế hoạch được nhà tuyển dụng đánh giá ở mức tốt và khá lần lượt chiếm 56%, 52% phản hồi [H4.04.03.08]. Phương châm “Dạy cách học, phát huy tính chủ động của người học” luôn được coi trọng và là kim chỉ nam cho việc cập nhật, chỉnh sửa CTĐT ngành TC-NH. Hoạt động khảo sát luôn được lên kế hoạch và thực hiện [H4.04.03.09].

2. Điểm mạnh

Các phương pháp, hoạt động dạy và học đa dạng, hiệu quả, tạo điều kiện và thúc đẩy SV rèn luyện và phát triển các kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm... qua đó nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời. Tỷ lệ giờ thảo luận nhóm, thuyết trình, giải quyết tình huống, đóng vai được GV chú trọng hơn trước và ghi chép rõ trong tất cả các ĐCCTHP. Đội ngũ GV của Khoa được đánh giá cao về năng lực và chuyên môn, năng động, luôn tìm tòi hỏi học những phương pháp mới trong giảng dạy. Các GV luôn tuân thủ các nội dung và phương pháp thiết kế trong ĐCCTHP nhằm đảm bảo phát huy tối đa các kỹ năng của SV. Đối với những học phần đòi hỏi kỹ năng thực hành, thực tế, GV của Khoa luôn cố gắng tạo điều kiện cho SV tiếp cận thực tế, hoàn thiện các kỹ năng cần thiết chuẩn bị cho môi trường làm việc trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

Khả năng tiếp cận và phản biện của người học chưa thật sự tốt. Số lượng SV trong nhiều học phần quá đông khiến các phương pháp giảng dạy mới chưa phát huy tính hiệu quả, giảm sự tương tác giữa GV và SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, bố trí phòng học phù hợp với những học phần đòi hỏi có hoạt động nhóm, áp dụng phương pháp giải quyết tình huống hoặc đóng vai. Sắp xếp lớp học phần với sĩ số phù hợp để việc áp dụng phương pháp giảng dạy mới phát huy tối đa hiệu quả.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Từ năm 2021 đến năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát triển phương pháp giảng dạy theo hướng nâng cao khả năng tư duy và tự học của SV.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Hàng năm, từ năm học 2020-2021	
		Tăng cường số giờ thực hành, thảo luận, làm việc nhóm để giúp SV hoàn thiện các kỹ năng cần thiết và phát huy tối đa khả năng tự học, tự nghiên cứu.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Định kỳ 2 năm một lần khi điều chỉnh CTĐT	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Việc phổ biến triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHQN nói chung và mục tiêu đào tạo của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng đến đội ngũ GV và người học luôn được chú trọng. Nhìn chung đội ngũ GV và người học đều hiểu được triết lý giáo dục cũng như tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường và Khoa. Việc định kỳ cập nhật, sửa đổi CTĐT cũng như ĐCCTHP thể hiện tinh thần cầu thị, mong muốn đạt được triết lý giáo dục và nâng cao CLĐT của đội ngũ lãnh đạo và GV của Khoa. Tuy nhiên mức độ hiểu biết và thực hiện triết lý giáo dục cũng như mục tiêu giảng dạy của

các bên liên quan chưa được đánh giá thực tế.

Các hoạt động dạy và học tại Khoa TC-NH & QTKD được thiết kế đa dạng, phù hợp với các CDR. Người học được GV của Khoa phổ biến và hướng dẫn các phương pháp học tập và tiếp cận kiến thức hợp lý, có khoa học. Đa phần GV hài lòng vì được chủ động điều chỉnh phương pháp giảng dạy. Người học có phản hồi rất tốt về phương pháp giảng dạy của các GV tại Khoa TC-NH & QTKD. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số môn học quá nặng về lý thuyết và thuyết giảng, làm ảnh hưởng đến khả năng tự học của người học. Hệ thống CSVC tuy có cải thiện nhưng còn nhiều hạn chế, làm cản trở việc thực hiện kết hợp đa dạng nhiều phương pháp giảng dạy của GV.

Tất cả các ĐCCTHP mô tả rõ việc sử dụng kết hợp các phương pháp giảng dạy và học tập được GV nghiêm túc thực hiện nhằm hoàn thiện các kỹ năng mềm, kỹ năng thiết yếu của người học, đồng thời thúc đẩy khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời cho người học. Khoa TC-NH & QTKD có thế mạnh về đội ngũ nhân lực, nhờ đó các phương pháp giảng dạy mới, tiên tiến luôn được đội ngũ GV chú trọng. SV của Khoa nói chung và ngành TC-NH nói riêng có nhiều cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng cần thiết cho công việc tương lai trong suốt thời gian học tập. Nhưng những hạn chế về CSVC và khả năng tiếp cận và phản biện của người học chưa thật sự tốt đã cản trở phần nào chất lượng giảng dạy cũng như tiềm năng phát triển của SV.

Tiêu chuẩn 4 có 1 tiêu chí đạt mức 6/7 và 2 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những khâu quan trọng không thể tách rời trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá cung cấp minh chứng cho các bên liên quan về mức độ kiến thức và năng lực mà người học đạt được so với mục tiêu và CDR học phần và CTĐT và kết quả này có thể ảnh hưởng sâu sắc đến sự nghiệp của người học sau này.

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, trong những năm qua, bên cạnh việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, Khoa TC-NH & QTKD đã tập trung hoàn thiện hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV nhằm tạo ra sự chuyển biến cơ bản về tổ chức hoạt động giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Cũng giống như các ngành khác, việc đánh giá kết quả

học tập của SV ngành TC-NH được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá phải đảm bảo sự đa dạng, độ tin cậy, giá trị và công bằng. Đồng thời, trong quá trình thực hiện, GV ghi chép lại ưu nhược điểm cũng như mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc đề xuất các phương pháp mới. Không những thế, các quy định, đánh giá cũng như kết quả học tập phải được thông báo một cách kịp thời và minh bạch đồng thời các quy trình khiếu nại phải được tiếp cận dễ dàng để người học có thể phản hồi kịp thời và chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CĐR của CTĐT là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, được Khoa TC-NH & QTKD cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. Trong hoạt động đào tạo, Khoa luôn gắn kết công tác đánh giá kết quả học tập của SV với các CĐR của chương trình theo Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN [H5.05.01.01], Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học tín chỉ [H5.05.01.02].

Việc xác định mức độ đáp ứng CĐR của mỗi khóa học được Nhà trường và Khoa chú trọng. Trong đó, chất lượng SV đầu vào là một căn cứ quan trọng, được đánh giá cơ bản dựa vào điểm chuẩn tuyển sinh của ngành và phổ điểm trúng tuyển [H5.05.01.03]. Nhà trường cũng mời chuyên gia và tổ chức tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR cũng như hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết và các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR; tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Vì vậy, trong ĐCCTHP của CTĐT ngành TC-NH, các mục tiêu, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, CĐR của CTĐT và mức độ đạt được của CĐR được trình bày rõ ràng, cụ thể. Đây là căn cứ để kiểm tra quá trình tiếp thu tri thức và rèn luyện của SV theo các thang bậc từ thấp đến cao (biết, hiểu, vận dụng, phân tích,

tổng hợp, đánh giá) [H5.05.01.04]. Từ hệ thống mục tiêu và yêu cầu của học phần này, GV xác định nội dung và phương thức kiểm tra, đánh giá cụ thể như: Điểm danh, kiểm tra nhanh, làm bài nhóm đối với đánh giá chuyên cần; làm bài kiểm tra, thuyết trình nhóm, bài tập nhóm, làm dự án đối với đánh giá quá trình học tập; thi tự luận đề đóng hoặc mở, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp đối với đánh giá cuối kỳ [H5.05.01.04]. Điều này đã góp phần thay đổi cách dạy, cách học khi chuyển phương thức đánh giá kết quả học tập từ nặng về kiểm tra trí nhớ sang đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kết hợp các kỹ năng để giải quyết vấn đề. Ngoài giờ học chính khóa, SV phải dành nhiều thời gian tự học qua các phương tiện khác nhau như học ở thư viện, học qua internet, học nhóm... để đáp ứng được các phương thức kiểm tra, đánh giá này.

Đề thi do GV giảng dạy học phần biên soạn căn cứ theo CDR của học phần đó [H5.05.01.05]. Hầu hết các GV trong Khoa đã tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm đại học [H5.05.01.06]. Trong khóa đào tạo, GV được bồi dưỡng về kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Tất cả đề thi của Khoa, sau đó, đều được Trưởng bộ môn phê duyệt, xem xét từng câu hỏi sử dụng trong đề để đảm bảo đề thi có khả năng đánh giá theo các mức độ khác nhau, phù hợp với CDR trong ĐCCTHP và thang điểm, tiêu chí rõ ràng, cụ thể.

Ngoài các học phần lý thuyết và thực hành trên lớp, các học phần Thực tập nhận thức và Thực tập tốt nghiệp GV hướng dẫn sẽ theo dõi và đánh giá quá trình viết báo cáo thực tập của SV, GV vấn đáp sẽ kiểm tra sự am hiểu về nội dung thực tập và cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập cũng sẽ tham gia đánh giá năng lực SV theo quy định. Điều này thể hiện các CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của SV sẽ không chỉ được đánh giá bởi cơ sở đào tạo mà còn được đánh giá bởi các đơn vị sử dụng lao động. Tất cả điểm thực tập sẽ được thể hiện trên bảng điểm và công bố đến SV [H5.05.01.07]. Sau khi hoàn thành báo cáo Thực tập tốt nghiệp, SV năm cuối được chia thành hai nhóm: (1) Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc (2) học môn thay thế khóa luận. Để có đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, các SV phải đảm bảo điều kiện cần và đủ theo quy định của Trường ĐHQN [H5.05.01.08]. Theo đó, SV ngành TC-NH có điểm trung bình chung học tập đến hết năm ba đại học đạt từ 7,0 trở lên sẽ được giao làm khóa luận tốt nghiệp. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng

chuyên môn của khung CTĐT, có giá trị thực tiễn cao. Các GV được phân theo hội đồng và trực tiếp đánh giá khóa luận tốt nghiệp theo các yêu cầu về nội dung và hình thức của khóa luận như ý thức, thái độ, tính cấp thiết của đề tài, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đưa ra làm căn cứ để đánh giá.

Đối với các khóa trước đây, CĐR về thái độ của SV chủ yếu được đánh giá thông qua 10% điểm chuyên cần. Điểm quá trình ở hầu hết các học phần chỉ chiếm 20% tổng điểm. Vì tỷ trọng 10/20/70 này chưa phù hợp với CĐR của một số học phần nên Nhà trường đã có văn bản quy định điều chỉnh trọng số điểm đánh giá học phần và áp dụng từ khóa 43. Việc điều chỉnh này nhằm khuyến khích SV chủ động học tập và nghiên cứu, từ đó đáp ứng CĐR của học phần và CĐR của CTĐT [**H5.05.01.09**].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của CĐR trong CTĐT. Quy trình đánh giá kết quả học tập theo CĐR rõ ràng. Trong đó, tất cả đề thi của mỗi học phần đều được các Trưởng Bộ môn xem xét, phê duyệt. Câu hỏi đánh giá được thiết kế theo các mức độ khác nhau của thang đo: Biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá. Các tiêu chí, thang điểm đánh giá được quy định rõ ràng, cụ thể. Với mục tiêu phục vụ tốt cho hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV, Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản quy định, kế hoạch về hoạt động này. Các tài liệu, quy trình hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đều phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Ngoài ra, các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập cũng được thiết kế đa dạng và phù hợp để đo lường mức độ đạt CĐR của CTĐT ngành TC-NH.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có ngân hàng đề thi được xây dựng theo ma trận với các mức độ khác nhau, chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của người học một cách chính xác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng ngân hàng đề thi, đáp án và thang điểm có độ phân hóa phù hợp. Mỗi câu hỏi được thiết kế đều chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào ứng với CDR của học phần, CDR của CTĐT. Thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ.	Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm 2021 đến năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo CDR của CTĐT. Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; Tăng thêm số lượng học phần sử dụng hình thức thi vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận mở trong đánh giá cuối kỳ.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Căn cứ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN đã hoàn thiện các Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ nhằm mục tiêu phục vụ tốt nhất cho công tác đánh giá kết quả học tập của SV, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.03].

Các quy định này được thông báo công khai cho người học trên website của Nhà trường, Khoa và Sổ tay SV **[H5.05.02.04]**, **[H5.05.02.05]**.

Các nội dung về phương pháp, tiêu chí và trọng số kiểm tra, đánh giá được quy định rõ ràng trong ĐCCTHP của CTĐT ngành TC-NH **[H5.05.02.06]**. Ngay từ đầu mỗi học phần, GV sẽ công bố trên lớp cách thức đánh giá điểm chuyên cần, điểm quá trình học tập và hình thức thi cuối kỳ. Kết thúc thời gian học, GV có trách nhiệm thông báo công khai điểm đánh giá cho SV và có những điều chỉnh phù hợp, kịp thời nếu có phản hồi **[H5.05.02.07]**. Đối với khóa luận tốt nghiệp đại học, Nhà trường và Khoa đã có các quy định rõ ràng về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho SV đại học, cao đẳng hệ chính quy, chương trình làm việc của hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp **[H5.05.02.08]**. SV thực hiện khóa luận sẽ được thông báo về thành viên hội đồng chấm khóa luận, thời gian và địa điểm của hội đồng. Mỗi hội đồng khóa luận sẽ tập hợp các phản biện, phiếu chấm điểm, phiếu tổng hợp điểm chấm và thông báo điểm công khai cho mỗi SV bảo vệ khóa luận vào cuối buổi bảo vệ. Điểm cuối cùng của khóa luận được cấu thành từ điểm của GV phản biện, hội đồng đánh giá (gồm tối thiểu ba thành viên hội đồng) và giảng viên hướng dẫn nhằm đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy của phương pháp đánh giá **[H5.05.02.08]**.

Những quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) cũng được Nhà trường và Khoa TC-NH & QTKD triển khai, thông báo rộng rãi tới SV. Ngay từ tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa và các hoạt động chào đón tân SV, Nhà trường phối hợp với Khoa đã phổ biến những nội dung liên quan đến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, đồng thời công bố các CDR của ngành đào tạo **[H5.05.02.09]**. Theo định kỳ hàng tháng, bộ môn Tài chính và bộ môn Ngân hàng (phụ trách ngành TC-NH) tổ chức sinh hoạt chuyên môn, trong đó, ghi nhận và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV. Các kết luận, kiến nghị được ghi trong biên bản họp Tổ bộ môn và đề xuất lên Khoa và Ban chủ nhiệm Khoa để kịp thời đưa ra giải pháp **[H5.05.02.10]**.

Thời gian kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần được thể hiện rõ trong kế hoạch đào tạo và được Nhà trường phê duyệt hàng năm sau đó được thông báo cụ thể đến SV ngay từ đầu năm học **[H5.05.02.11]**. Cuối mỗi học kỳ, Phòng KT&BDCL và

bộ phận trợ lý Khoa lập kế hoạch tổ chức thi, phân công phòng thi và thông báo đến SV thông qua tài khoản cá nhân ít nhất là hai tuần trước khi diễn ra kỳ thi kết thúc học phần [H5.05.02.11], [H5.05.02.12], [H5.05.02.13]. Mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức thi tập trung một lần, SV không thể tham gia kỳ thi vì có lý do chính đáng có thể làm đơn đề nghị hoãn thi và Nhà trường sẽ bố trí cho SV thi lại ở học kỳ phụ hoặc ở kỳ thi gần nhất nhằm đảm bảo tiến độ học tập [H5.05.02.14].

Thực hiện chủ trương tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý đào tạo, Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng cơ sở dữ liệu SV. Hiện tại, cơ sở dữ liệu này đã được cập nhật các thông tin cần thiết bao gồm: Hồ sơ SV, điểm thi các học phần từ đầu khóa, khung CTĐT của mỗi lớp. Tất cả SV đều có thể đăng nhập vào hệ thống để tra cứu các thông tin cần thiết hoặc gián tiếp truy cập vào website của Trường có liên kết với website Đào tạo [H5.05.02.15].

Ngoài yêu cầu về kiến thức chuyên môn, Nhà trường còn ban hành Quy định CDR ngoại ngữ, tin học đối với SV và thông báo công khai đến toàn bộ SV của Nhà trường [H5.05.02.16]. Quy định CDR ngoại ngữ và tin học là một trong những cơ sở để xác định việc SV đủ điều kiện xét tốt nghiệp sau khi hoàn thành CTĐT bậc đại học hệ chính quy. Theo đó, SV ngành TC-NH phải đạt chuẩn tiếng Anh bậc 3/6 của Trường ĐHQN và CDR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN đã hoàn thiện các quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ nhằm mục tiêu phục vụ tốt nhất cho công tác đánh giá kết quả học tập của SV, quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Các quy định đã xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến kiểm tra, đánh giá và kết quả học tập của người học. Các kế hoạch, quy trình, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo CTĐT ngành TC-NH được bộ phận trợ lý đào tạo, các GV của Khoa và Nhà trường thông báo công khai, rõ ràng đến SV qua nhiều kênh thông tin khác nhau trước mỗi khóa học, kỳ học và học phần.

3. Điểm tồn tại

Nhiều SV chưa quan tâm và không nắm rõ cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dù các quy định về đánh giá kết quả học tập đã được trình bày chi tiết, rõ ràng

trong đề cương học phần, được GV và CVHT phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên website của Nhà trường...

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chú trọng hơn nữa công tác thông tin, phổ biến cho SV (đặc biệt là SV năm nhất) về cách thức kiểm tra, đánh giá, hình thức tra cứu kết quả học tập.	Khoa TC-NH & QTKD, CVHT.	Bắt đầu từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc thông báo công khai, rõ ràng các quy định đánh giá, kết quả đánh giá đến SV. Tiếp tục thực hiện tốt quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

GV Khoa TC-NH& QTKD thực hiện việc đánh giá kết quả học tập bằng nhiều phương pháp khác nhau. Hình thức kiểm tra rất đa dạng: bài kiểm tra viết tại lớp, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm... [H5.05.03.01]. Đề thi có thể ở dạng câu hỏi tự luận không sử dụng tài liệu, câu hỏi tự luận được sử dụng tài liệu... Đề thi được thiết kế khoa học, đúng quy định của học phần và được Trưởng bộ môn phê duyệt [H5.05.03.02].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Về độ giá trị, mỗi học phần đều có bộ câu hỏi ôn tập được Bộ môn thông qua sau khi họp điều chỉnh, bộ câu hỏi được thiết kế đảm bảo đo lường đúng các yêu cầu về kiến

thức, kĩ năng, thái độ được phản ánh trong ĐCCTHP [H5.05.03.03]. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng KT&BĐCL xây dựng kế hoạch thi, Khoa quản lý học phần phân công GV coi thi và chấm thi. Trợ lý Khoa làm phách và nhập điểm thi vào phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.03.04].

Về tính tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Đề thi và đáp án thi cuối kì được Trưởng bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về Phòng KT&KĐCL. Bài thi của SV được chấm chi tiết theo đáp án và quy trình chấm được chuẩn hóa (rọc phách, hai GV cùng chấm, vào điểm...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Mỗi bài thi được chấm độc lập bởi hai GV để hạn chế tính chủ quan khi đánh giá, thực hiện như quy chế chấm thi tuyển sinh. Trên bảng điểm mỗi học phần, ngoài hai GV chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng bộ môn, Trưởng khoa để đảm bảo sự khách quan, công bằng trong công tác chấm bài. Nếu thấy điểm thi không đúng theo ý kiến cá nhân, SV được quyền phản hồi bằng việc viết đơn đề nghị phúc khảo theo đúng quy trình và được giải quyết theo đúng quy định [H5.05.03.05]. Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần [H5.05.03.06].

Với khóa luận tốt nghiệp cho SV cuối khóa, Khoa có yêu cầu cụ thể về thời gian, quy cách làm khóa luận cũng như mức độ đạt được [H5.05.03.07]. Việc chấm khóa luận có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, công cụ sử dụng, kết quả thực tiễn... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá khóa luận tốt nghiệp [H5.05.03.08]. Điểm của khóa luận được cấu thành từ điểm của GV phản biện, hội đồng đánh giá (gồm tối thiểu ba thành viên hội đồng) nhằm đảm bảo sự tin cậy của phương pháp đánh giá và tính công bằng đối với SV.

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế khoa học dựa trên CĐR của học phần, được kiểm chứng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng thông qua lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động kiểm tra – đánh giá của GV [H5.05.03.09].

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được sử dụng đa dạng: kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, khóa luận, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình... đã giúp việc đánh giá theo các mức độ CĐR hiệu quả hơn. Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Trường bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Thang điểm chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi. Tổ chức tổng hợp ý kiến phản hồi của SV nhằm đảm bảo phương pháp, quy trình đánh giá kết quả học tập của SV tin cậy và công bằng.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV hiện nay vẫn chưa thật sự thúc đẩy theo chiều hướng tích cực việc học tập của SV, việc giảng dạy của GV và việc tổ chức quản lý, đảm bảo chất lượng của CTĐT. Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Điều chỉnh tỷ lệ các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng tăng tỷ trọng điểm quá trình nhằm thúc đẩy sự phát triển năng lực của người học và đảm bảo được CLĐT theo CĐR của CTĐT. Tổ chức thống kê, phân tích định lượng kết quả điểm thi nhằm đánh giá mức độ phù hợp của đề thi, phân hóa năng lực của người thi.	Phòng KT&BDCL, GV phụ trách học phần	Hàng năm, bắt đầu từ năm học 2020-2021	

2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV theo hướng đa dạng. Đề thi các học phần tiếp tục được kiểm soát theo CDR của học phần. Tiếp tục tổng hợp ý kiến phản hồi của SV.	Khoa TC-NH & QTKD	Bắt đầu từ năm học 2020-2021	
---	--------------------	---	-------------------	------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để inh viên cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Xác định việc đánh giá sẽ là một trong những yếu tố chủ yếu tác động đến việc học của SV nên công tác đánh giá và thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được Khoa TC-NH & QTKD đặc biệt chú trọng. Theo đó, các quy định chung về việc phản hồi kết quả đánh giá được thông báo công khai đến từng GV và SV để thực hiện và kiểm tra giám sát. Đầu khóa học, mỗi SV được cấp một tài khoản riêng sử dụng xuyên suốt khóa học và SV sử dụng tài khoản đó truy cập vào website của Trường ĐHQN để xem điểm học phần. Hồ sơ, kết quả học tập của SV được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập, có thể tiếp cận và tra cứu dễ dàng. Với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý, công tác quản lý kết quả học tập của người học được đảm bảo tính chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. **[H5.05.04.01]**.

Quy trình phản hồi kết quả đánh giá tại Khoa TC-NH & QTKD được thực hiện theo quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành tại Trường ĐHQN. Đối với từng học phần, GV phụ trách lớp học phần nào thông báo hình thức và thời gian đánh giá kết quả học phần cho SV lớp học phần đó từ đầu học kỳ. Trước khi thi học phần ít nhất 01 tuần, GV phải thông báo điểm chuyên cần và điểm đánh giá quá trình cho SV lớp học phần đồng thời giải đáp thắc (nếu có) và có thêm nhận xét, đánh giá quá trình học tập và lỗi làm bài của SV để SV nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu của mình đối với

học phần từ đó có định hướng cải tiến những lỗ hổng của bản thân về môn học. Chậm nhất 10 ngày sau ngày thi kết thúc học phần GV phải hoàn thành việc chấm bài và trợ lý Khoa cập nhật điểm lên phần mềm chậm nhất 02 tuần sau khi kết thúc kỳ thi **[H5.05.04.02]**. Trong vòng 07 ngày kể từ khi công bố điểm học phần, nếu SV không thỏa mãn về kết quả điểm học phần thì có thể gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi đến khoa quản lý học phần **[H5.05.04.03]**. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, khoa quản lý học phần phải công bố kết quả phúc khảo cho SV trên hệ thống phần mềm theo quy định.

Kết quả đánh giá học tập mỗi học kỳ của SV được Nhà trường và Khoa thông báo kịp thời, công khai đến giáo viên và SV theo nhiều kênh thông tin như qua website của Trường, qua tài khoản của SV, qua CVHT để người học có thể nắm thông tin, phản hồi và cải thiện việc học tập. Đồng thời, sau khi có kết quả đánh giá mỗi học kỳ của người học, các CVHT đều tiến hành tổ chức họp lớp để tổng kết, đánh giá tình hình chung; khuyến khích, động viên SV có kết quả học tập tốt; nhắc nhở những SV có ý thức học tập và kết quả chưa tốt; tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm và giải đáp những thắc mắc nhằm giúp SV đặc biệt là các SV có kết quả học tập kém bị cảnh báo biết và lập phương án học tập hiệu quả hơn để không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học và có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình **[H5.05.04.04]**.

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN, Nhà trường đã xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học đối với SV theo từng kỳ. Chậm nhất 01 tháng sau khi SV có quyết định buộc thôi học, Trường thông báo về địa phương nơi SV có hộ khẩu thường trú và hướng dẫn SV thực hiện các thủ tục về bảo lưu hay chuyển một phần kết quả học tập nếu SV có nguyện vọng **[H5.05.04.05]**. Kết quả quá trình học tập của SV được lưu giữ và cung cấp cho các bên liên quan đầy đủ theo đúng quy định **[H5.05.04.01]**, **[H5.05.04.06]**.

Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách những SV đủ điều kiện tốt nghiệp trừ trường hợp SV viết đơn đề nghị hoãn xét tốt nghiệp để học cải thiện **[H5.05.04.07]**, **[H5.05.04.08]**. Hệ thống

văn bằng chứng chỉ của SV được Nhà trường quản lý và cấp phát đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Sau khi được xét tốt nghiệp, SV được nhận bằng tốt nghiệp và ký nhận tại Sở cấp bằng [H5.05.04.08].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, hoạt động chấm thi, điều chỉnh kết quả thi học phần, quản lý và thông báo kết quả học tập đến từng SV. Kết quả đánh giá kết quả học tập của SV được công bố kịp thời, đúng quy định. Mỗi SV được cấp một tài khoản riêng nên rất thuận lợi trong việc tra cứu kết quả học tập. Cuối mỗi học kỳ, SV được cấp bảng điểm để kiểm tra, đối chiếu kết quả học tập và kiến nghị điều chỉnh nếu phát hiện có sai sót.

3. Điểm tồn tại

Một số GV đôi khi còn chậm trễ trong công tác chấm thi kết thúc học phần nên việc công bố điểm thi học phần cho SV đôi khi vượt ra khỏi ngưỡng thời gian quy định làm ảnh hưởng đến việc đăng ký các học phần nói chung và các học phần cải thiện nói riêng trong học kỳ tiếp theo. Mặt khác, một số SV còn băn khoăn với kết quả thi của mình do chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu giữa bài làm với kết quả đánh giá thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Công bố điểm đánh giá quá trình và điểm thi cho SV đúng thời gian quy định. Công khai đáp án của đề thi.	Khoa TC-NH & QTKD, Phòng KT&BDCL	Bắt đầu từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Phổ biến rộng rãi và thường xuyên hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, hoạt động chấm thi, điều	Khoa TC-NH & QTKD, CVHT	Bắt đầu từ năm học 2020-2021	

		chỉnh kết quả thi học phần, quản lý và thông báo kết quả học tập đến từng SV.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 5.5. Sinh viên tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Trong trường hợp không thỏa mãn về kết quả học tập, SV có quyền khiếu nại theo quy trình đã được Trường ĐHQN hướng dẫn cụ thể. SV có thể truy cập vào website của Trường ĐHQN để xem quy trình, thủ tục và mẫu đơn phúc khảo. Khi có khiếu nại về điểm thi hoặc nếu thấy điểm trên phần mềm không phù hợp theo ý kiến cá nhân mình, SV làm đơn đề nghị phúc khảo gửi đến Văn phòng Khoa quản lý chuyên môn [H5.05.05.01]. Theo quy định trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, thời gian nộp đơn đề nghị phúc khảo là trong vòng 7 ngày kể từ ngày công bố kết quả điểm học phần, thời gian chấm phúc khảo là sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn xin phúc khảo [H5.05.05.02]. Văn phòng Khoa sẽ phối hợp với GV phụ trách học phần để giải quyết cho SV theo quy định. Kết quả chấm phúc khảo sẽ được ghi trực tiếp vào bài thi và đơn xin phúc khảo, trong đó ghi rõ giáo viên có thay đổi điểm đã chấm hay không và lý do vì sao thay đổi. Kết quả phúc khảo bài thi được thông báo ngay cho SV và cập nhật, chỉnh sửa vào bảng tổng hợp theo từng kỳ để lưu nếu có sai sót. Điểm sau phúc khảo là kết quả cuối cùng của học phần.

Sau khi có điểm thi, kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến GV và người học theo kênh thông tin trên website của Trường qua tài khoản và số điện thoại của người học để người học có thể phản hồi và khiếu nại về kết quả học tập [H5.05.05.03]. Đối với điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, người học đều nhận được bảng điểm để đối chiếu và có quyền khiếu nại khi có sai sót [H5.05.05.04]. Ngoài ra, để tiếp nhận những khiếu nại về kết quả học tập của người học thì Nhà trường đã có hộp thư để người học có thể gửi trực tiếp những ý kiến của người học vào đó [H5.05.05.05].

Quy trình về khiếu nại kết quả học tập được phổ biến rộng rãi cho người học vào đợt sinh hoạt công dân đầu khóa [H5.05.05.06], trong sổ tay SV [H5.05.05.07].

Nếu có thắc mắc, người học có thể nhận được sự tư vấn hỗ trợ của CVHT hoặc Văn phòng Khoa. Tất cả các trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của SV đều được giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng quy trình, quy định.

Quy trình chấm thi được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, GV được phân công chấm thi có trách nhiệm, công tâm nên việc khiếu nại về kết quả học tập hàng kỳ ít xảy ra. Các trường hợp có khiếu nại về kết quả học tập đều được trợ lý Khoa ghi chép cẩn thận vào sổ theo dõi việc khiếu nại về kết quả học tập của SV. Hàng năm có khoảng tối đa 10 trường hợp SV gửi đơn phúc khảo về kết quả học tập [H5.05.05.08]. Khi chấm phúc khảo, GV có thể liên lạc trực tiếp để giải thích nhằm làm rõ những khúc mắc của SV về kết quả học tập. Tất cả các trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của SV đều được giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng quy trình, quy định.

2. Điểm mạnh

Người học được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập vào đầu mỗi khóa học, kỳ học và học phần. Khi có khiếu nại về kết quả học tập, SV có thể dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại qua nhiều kênh và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng. Cuối mỗi học kỳ, SV được cấp bảng điểm để kiểm tra, đối chiếu kết quả học tập và kiến nghị điều chỉnh nếu phát hiện có sai sót. Khoa TC-NH & QTKD đã giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập, thời gian phúc khảo nhanh chóng để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm, làm ảnh hưởng đến việc phúc khảo điểm và tiến độ học tập của SV. Quy trình thủ tục khiếu nại chưa phân định rõ ràng giữa đơn vị Phòng Đào tạo đại học, Phòng KT&BDCL, khoa quản lý SV và khoa quản lý học phần trong việc tiếp nhận và giải quyết đơn của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Công bố điểm cuối kỳ sớm cho SV. Cải tiến quy trình tiếp nhận và giải quyết đơn	Khoa TC-NH & QTKD, Trường	Bắt đầu từ năm học 2020-2021	

		khiếu nại về kết quả học tập và ghi rõ trong sổ tay SV.	ĐHQN		
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và công bố công khai quy trình khiếu nại trên website của Khoa để người học nắm rõ. Đảm bảo thời gian chấm phúc khảo theo quy định.	Khoa TC-NH & QTKD	Bắt đầu từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Trên cơ sở CDR và các hướng dẫn của Trường ĐHQN, việc đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế một cách phù hợp nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch của quy trình. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của Trường ĐHQN đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng cho SV, đồng thời chú trọng đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực của SV qua các kỳ thi và bài kiểm tra. Kết quả học tập phản ánh mức độ đạt được của các CDR, từ đó đánh giá được CLĐT của CTĐT. SV có thể đánh giá và phản hồi về kết quả học tập qua nhiều kênh, nhiều phương thức, từ đó xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập phù hợp. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được công khai và dễ dàng tiếp cận, giải quyết thỏa đáng những vướng mắc của SV liên quan đến kết quả học tập. Tuy nhiên, việc phân loại và đánh giá kết quả học tập của người học vẫn chưa chính xác, chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi do chưa có ngân hàng đề thi với các mức độ dễ - khó khác nhau. Nhiều SV chưa quan tâm và nắm rõ cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Phương pháp đánh giá kết quả học tập vẫn chưa thực sự thúc đẩy học tập và giảng dạy theo hướng tích cực. Một số GV còn chậm trễ trong công tác chấm thi kết thúc học phần, làm ảnh hưởng đến việc phúc khảo điểm, đăng ký học phần và tiến độ học tập của SV.

Tiêu chuẩn 5 có 3 tiêu chí đạt mức 6/7 và 2 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trường ĐHQN có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam trung Bộ và Tây nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị này, Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD tập trung vào việc quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, NCV có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Đội ngũ GV cơ hữu ngành TC-NH tính đến tháng 8 năm 2020 có 44 GV, gồm 01 phó giáo sư, 15 tiến sĩ và 28 Thạc sĩ, có kỹ năng giảng dạy và đạo đức nghề nghiệp tốt, có nhiều thành tích trong NCKH, có kinh nghiệm thực tế, học tập và trao đổi chuyên môn học thuật với các nhà khoa học trong nước và quốc tế, giao lưu và học hỏi kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp từ các doanh nghiệp.

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận hành và phát huy hiệu quả nguồn nhân lực GV, NCV, những năm qua, Nhà trường đã luôn quan tâm đến công tác cán bộ. Trên cơ sở kế hoạch phát triển giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã có đề án quy hoạch, xây dựng đội ngũ GV, NCV có đầy đủ năng lực và phẩm chất đạo đức đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH. Nhà trường đã tiến hành xây dựng, bổ sung, sửa đổi các quy chế và quy định: Quy định tuyển dụng, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế thi đua, khen thưởng... Các hoạt động của Nhà trường được thực hiện công khai, đúng quy định. Việc phân công trách nhiệm đào tạo, NCKH và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng làm việc của GV, NCV.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường ĐHQN đã xây dựng và thường xuyên cập nhật Kế hoạch chiến lược phát triển, gần đây nhất là Kế hoạch được xây dựng cho giai đoạn 2016 - 2020, tầm

nhìn 2030 [**H6.06.01.01**]. Theo đó, Khoa TC-NH & QTKD tiến hành xây dựng chiến lược phát triển và định hướng phát triển công tác cán bộ phù hợp với chiến lược phát triển chung của Nhà trường [**H6.06.01.02**]. Để thực hiện sứ mệnh của mình, trên cơ sở chiến lược phát triển Khoa và kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo, NCKH của thị trường, chủ yếu là khu vực miền Trung và Tây nguyên, Khoa TC-NH & QTKD đã chủ động xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV giai đoạn 2015 - 2020 và đề ra những mục tiêu cụ thể [**H6.06.01.03**]. Thống kê theo danh sách trích ngang đội ngũ GV Khoa TC-NH & QTKD cho thấy trong những năm qua, số lượng GV có trình độ tiến sĩ liên tục tăng lên, cơ cấu độ tuổi và giới tính cũng ngày càng thay đổi theo hướng phù hợp hơn [**H6.06.01.04**].

Để đáp ứng nhu cầu phát triển và quản lý đội ngũ, đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy và NCKH, Nhà trường đã ban hành quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN, trong đó có quy trình và tiêu chí rõ ràng cho việc tuyển dụng mới cũng như bổ nhiệm GV cơ hữu của Trường. Ngoài ra, trên cơ sở yêu cầu vị trí việc làm từ các đơn vị, Nhà trường đã ban hành Đề án vị trí việc làm và có kế hoạch tuyển dụng phù hợp. Theo đó, Khoa TC-NH & QTKD đã lên kế hoạch tuyển dụng GV có đủ năng lực và các yêu cầu theo vị trí việc làm để phục vụ công tác giảng dạy và NCKH [**H6.06.01.05**]. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, NCV của Khoa TC-NH & QTKD nói chung và của ngành TC-NH nói riêng được lập kế hoạch và thực hiện thường xuyên, phù hợp với quy định chung của Nhà trường và đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [**H6.06.01.06**]. Đội ngũ GV của Trường nói chung và của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng đều được Nhà trường cử đi bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cả trong và ngoài nước để đáp ứng tốt chuẩn yêu cầu GV giảng dạy CTĐT ở bậc đại học theo đúng quy chế của Trường [**H6.06.01.07**]. Hàng năm Nhà trường đã tìm hiểu, giới thiệu nhiều chương trình học bổng trong và ngoài nước dành cho GV, NCV, đồng thời trích kinh phí để phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và NCKH cho GV, NCV theo đúng quy định [**H6.06.01.08**].

Quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. Nhà trường có Quyết định ban hành Quy định về tiêu chí và Quy trình bổ nhiệm, quy định bổ nhiệm, bổ

nhệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN. Nội dung này được quy định rõ ràng, thực hiện đúng quy trình và thống nhất trong toàn Trường **[H6.06.01.09]**.

Việc kéo dài thời gian công tác hay chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu của GV được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch, đúng quy định của Nhà nước và của Trường. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và theo các chính sách hiện hành của Nhà nước. Các quy định, quy chế của Nhà trường được thông báo bằng văn bản cho các đơn vị trong toàn trường; thông báo tuyển dụng GV, nhân viên được đăng công khai trên Website với đầy đủ quy trình, tiêu chí và kế hoạch triển khai **[H6.06.01.10]**.

Với việc quy hoạch và tổ chức công tác nhân sự, giai đoạn 2015 - 2020 Nhà trường nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng đã đạt nhiều kết quả trong việc đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H6.06.01.11]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy chế, quy định trong đó có quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch về tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm GV, NCV và được phổ biến rộng rãi đến toàn thể viên chức của Trường. Trường đã có kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng đúng quy định nên đã xây dựng được đội ngũ GV của Trường nói chung và của Khoa TC-NH và QTKD nói riêng có trình độ chuyên môn đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Ngành TC-NH của Khoa TC-NH & QTKD với đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, sẵn sàng thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù GV giảng dạy ngành TC-NH đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo nhưng chính sách ưu đãi, thu hút người tài, người có trình độ ngoại ngữ tốt và chuyên môn vững vàng chưa được quan tâm đúng mức. Định hướng đào tạo GV, NCV của Khoa chưa thật sự phù hợp với từng chuyên ngành, nhằm phát huy hết năng lực của từng GV, NCV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhu cầu xã hội có nhiều thay đổi và điều kiện môi trường cũng có nhiều biến động, do đó ảnh hưởng rất lớn đến việc quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Để việc xác định nhu cầu và quy hoạch định hướng phát triển đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, nhà trường cần rà soát lại công tác quy hoạch hàng năm trên cơ sở phân tích môi trường (cả bên trong và bên ngoài), để có những điều chỉnh kịp thời và phù hợp.	Khoa TCNH & QTKD, Phòng Tổ chức - Nhân sự, Trường ĐHQN.	Từ năm học 2020 – 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà Trường cần thành lập bộ phận truyền thông chuyên trách nhằm dự báo đúng nhu cầu xã hội, làm cơ sở cho việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV theo các hướng mới phù hợp với thực tế và đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, cần tăng cường liên kết với các bên liên quan để	Phòng TCCB, Phòng KH&HTQT, Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Từ năm học 2020 – 2021	

		nâng cao năng lực chuyên môn của GV ngành TC-NH.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Hằng năm, thực hiện công tác ba công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN đã công bố tổng số GV cơ hữu và tổng số SV để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát **[H6.06.02.01]**.

Tổng số GV cơ hữu của Khoa hiện nay là 44 GV, gồm 1 Phó giáo sư, 15 Tiến sĩ, 28 Thạc sĩ (trong đó có 16 NCS trong và ngoài nước). Số lượng GV cơ hữu quy đổi trực tiếp tham gia đào tạo ngành TC-NH của Khoa TC-NH & QTKD hiện nay là 33 **[H6.06.02.01]**. Ngoài ra, ngành TC-NH còn hợp tác mời các nhà khoa học, GV thỉnh giảng có uy tín từ nhiều trường Đại học trong nước tham gia giảng dạy **[H6.06.02.02]**. Số lượng người học chính quy ngành TC-NH năm học 2019 - 2020 là 307 SV **[H6.06.02.03]**. Như vậy, tỷ lệ SV/GV cơ hữu quy đổi của ngành TC-NH hiện là 10,75/1. Tỷ lệ này có thể nói là khá thấp so với chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT về tiêu chí tỷ lệ số SV chính quy tính trên một GV quy đổi (tỷ lệ sau quy đổi của khối ngành III là 25/1). Do đó, nếu GV ngành TC-NH chỉ giảng cho SV ngành này thì sẽ không đủ số giờ chuẩn. Chính vì thực tế đó, Khoa luôn có chính sách phân bổ hợp lý, tương đối công bằng tổng số giờ giảng của các GV bằng cách phân bổ giờ giảng dạy cho SV thuộc các ngành khác của Khoa TC-NH & QTKD và Khoa Kinh tế & Kế toán nhằm đảm bảo khối lượng giờ chuẩn giảng dạy hằng năm cho GV. Vì thế, giảng viên ngành TC-NH đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và số giờ định mức về NCKH hằng năm theo đúng quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH.

Cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và

có sự đánh giá của Trưởng bộ môn, Lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, tiếp đến Bộ môn và Lãnh đạo Khoa sẽ đánh giá và cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường sẽ đánh giá, bình xét xếp loại thi đua **[H6.06.02.04]**. Bên cạnh đó, công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV hằng năm cũng là một kênh thông tin để GV tham khảo nhằm phát huy và điều chỉnh công tác giảng dạy **[H6.06.02.05]**. Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, từ đó có định hướng chiến lược thích hợp.

Thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV được thực hiện theo Thông tư Quy định chế độ làm việc đối với GV của Bộ GD&ĐT, Quyết định về việc ban hành Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN **[H6.06.02.06]**. GV thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy bị trừ phụ cấp ưu đãi, không thực hiện NCKH bị trừ giờ chuẩn theo quy định của Trường **[H6.06.02.06]**.

Nhà trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV theo chuẩn **[H6.06.02.07]**. Hầu hết GV ngành TC-NH đều hoàn thành vượt mức 270 tiết/năm và vượt hơn 90 giờ NCKH **[H6.06.02.08]**.

GV Khoa TC-NH & QTKD tích cực tham gia hoạt động NCKH và hằng năm công bố nhiều công trình trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong nước và quốc tế, đóng góp đáng kể trong công tác đào tạo và nhu cầu xã hội **[H6.06.02.09]**. Đây cũng là một thước đo quan trọng trong việc đánh giá năng lực NCKH của GV trong Khoa.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học/GV cơ hữu quy đổi của ngành TC-NH khá thấp so với quy định, đồng thời khối lượng công việc của từng giảng viên trong Khoa được xác định rõ ràng, hợp lý và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường. Điều này đã góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được Nhà trường ban hành, hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện trong toàn Trường.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH. Trên cơ sở đó, hằng năm các cán bộ GV đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng tối thiểu và hoàn thành số giờ định mức về NCKH theo đúng quy định. Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác giảng dạy, đội ngũ GV của ngành TC-NH rất nỗ lực trong công tác NCKH và có nhiều công trình khoa học được công bố trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù GV đã có nhiều công trình khoa học được công bố trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế nhưng tính ứng dụng vào thực tiễn cộng đồng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	GV tích cực tham gia NCKH với các đề tài mang tính ứng dụng cao, hướng đến mục tiêu phục vụ cộng đồng và phục vụ xã hội, đặc biệt ưu tiên cho các tỉnh khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.	Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm học 2020 – 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa và Nhà trường luôn giữ đúng chuẩn quy định của Bộ về tỷ lệ người học/GV cơ hữu quy đổi để đảm bảo chất lượng đào tạo. Đồng thời, Khoa thường xuyên xác định và cân đối khối lượng công việc của từng GV một cách rõ ràng, hợp lý. Hơn nữa, các đơn vị chức năng trong Nhà trường tăng cường giám sát khối	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Hàng năm, từ năm học 2020 – 2021	

		lượng công việc của từng GV trong Khoa nhằm góp phần đảm bảo và nâng cao CLĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Trường ĐHQN có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV rất rõ ràng. Cụ thể, hiện nay các tiêu chuẩn tuyển dụng của Nhà trường đối với người dự tuyển chức danh GV gồm (1) Tiêu chuẩn đặc thù nghề nghiệp: ngoại hình, kỹ năng sư phạm, phương pháp sư phạm; (2) Tiêu chuẩn chuyên môn: (i) có học vị tiến sĩ chuyên ngành phù hợp, có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị thạc sĩ với điểm trung bình 7,5 trở lên và có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại khá trở lên; (ii) trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 (B1); (iii) trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. Ngoài ra, các ứng viên phải có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt, đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp, lý lịch bản thân rõ ràng. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV, phù hợp với xu thế phát triển chung của Nhà trường [H6.06.03.01].

Hằng năm, dựa vào đề án vị trí việc làm, Khoa TC-NH & QTKD cũng như các đơn vị khác trong trường đề xuất nhu cầu tuyển dụng với Nhà trường [H6.06.03.02]. Căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, Nhà trường đã thông báo công khai chỉ tiêu và các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV trên các phương tiện truyền thông đại chúng, website của Nhà trường [H6.06.03.03]. Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập nhằm đảm bảo việc tuyển dụng một cách công bằng và khách quan [H6.06.03.04].

Kết quả thi tuyển được thông báo công khai trên website của Nhà trường và niêm yết trên bản tin của Phòng Tổ chức – Nhân sự [H6.06.03.05]. Ứng viên được tuyển dụng phải trải qua thời gian tập sự 01 năm. Sau khi trúng tuyển, các GV này đều phải thực hiện biên soạn đề cương bài giảng và được Bộ môn thông qua bài giảng, sau

đó giảng thử tại Bộ môn rồi mới được giảng chính thức. Trong một năm tập sự, Nhà trường và Lãnh đạo Khoa sẽ cử một GV hướng dẫn trực tiếp cho GV mới được tuyển dụng [H6.06.03.06]. Sau khi hết thời gian tập sự, người hướng dẫn đã được Lãnh đạo Bộ môn, Lãnh đạo Khoa phân công có văn bản nhận xét, đánh giá chuyên môn, trên cơ sở đó lãnh đạo Khoa đề nghị Nhà trường thành lập Hội đồng đánh giá tiết giảng đối với GV tập sự [H6.06.03.07].

Trường ĐHQN đã ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý các đơn vị trực thuộc Trường. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm các chức danh quản lý được Khoa thực hiện đúng quy định về quy trình, thủ tục; GV được bổ nhiệm đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Nhà trường. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý của Khoa tuân theo các quy định đã được ban hành của Nhà trường và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Nhà trường [H6.06.03.08]. Các văn bản này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Nhà trường trong đó quy định cụ thể việc điều chuyển, bổ nhiệm GV rõ ràng, cụ thể về tư cách đạo đức, thành tích học tập, NCKH, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ, đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp và lý lịch bản thân rõ ràng. Nhà trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (gồm GV chính, GV cao cấp, phó giáo sư, giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH [H6.06.03.09].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN đã ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển đầy đủ và minh bạch. Bên cạnh đó, việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ, viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Nhà nước và của Nhà trường. Ngoài ra, việc xác định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ, viên chức phù hợp với yêu cầu thực tế và năng lực GV, NCV, vì vậy góp phần phát huy tối đa năng lực của viên chức Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm có yêu cầu rất cao nhưng chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa thật sự tốt nên việc thu hút GV đáp ứng tiêu chí về công tác tại Khoa rất khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần xây dựng những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút nguồn GV có trình độ cao và có năng lực NCKH.	Khoa TC-NH & QTKD, Phòng Tổ chức - Nhân sự	Từ năm học 2020 – 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa và Nhà trường thực hiện nghiêm túc, công khai, đúng quy định, nghị định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý đúng quy định pháp luật và quy định của Nhà trường. Hơn nữa, nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh các tiêu chí bổ nhiệm, điều chuyển GV, NCV gắn yêu cầu thực tế và có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GV, NCV phù hợp.	Khoa TC-NH & QTKD, Phòng Tổ chức - Nhân sự	Từ năm học 2020 – 2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD luôn xem hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy và NCKH của GV là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng. Hoạt động này

sẽ góp phần nâng cao năng lực, sức sáng tạo trong giảng dạy và NCKH của GV nếu được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc và chất lượng.

Để đạt được mục tiêu nâng cao CLĐT thì đội ngũ GV là yếu tố rất quan trọng. Vì vậy, việc đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn được xem là một trong những mục tiêu then chốt trong định hướng phát triển của Khoa. Mặc dù, ứng viên khi được tuyển làm GV của Trường ĐHQN nói chung và tại Khoa TC-NH & QTKD nói riêng đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, nhưng sau khi trúng tuyển, các GV vẫn tiếp tục được Khoa và Nhà trường tạo điều kiện tham gia các khóa học bồi dưỡng về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm [H6.06.04.01]. Đội ngũ GV của Khoa cũng rất tích cực tham gia NCKH, nhiều công trình có chất lượng và nhiều bài báo khoa học đã được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế [H6.06.04.02]. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV [H6.06.04.03]. Trên cơ sở đó, cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện thống kê bài báo, đề tài NCKH đã thực hiện và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh nhiệm vụ được giao [H6.06.04.02]. Hằng năm, Nhà trường đều triển khai tổng kết năm học nhằm đánh giá, xếp loại viên chức theo quy định [H6.06.04.04]. Trên cơ sở đánh giá của Bộ môn và Lãnh đạo Khoa, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường sẽ họp đánh giá, bình xét xếp loại thi đua và ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức [H6.06.04.05]. Công tác bình xét thi đua – khen thưởng hằng năm giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của cán bộ và tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Khoa, từ đó định hướng chiến lược phát triển phù hợp [H6.06.04.06], [H6.06.04.07]. Ngoài ra, GV cơ hữu của Khoa phải thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá, theo 4 tiêu chí đánh giá: nhiệm vụ giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo, quản lý NCKH công nghệ và nhiệm vụ học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ. Dữ liệu GV tự đánh giá sẽ là căn cứ để điều chỉnh các chính sách, xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo của Khoa.

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Nhiều GV được tuyển dụng làm việc tại Khoa được đào tạo ở các trường Đại học có uy tín của nước ngoài (Bi, Đức, Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Nhật Bản...) nên có trình độ tiếng Anh tốt có thể đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh. Bên cạnh đó, 100% GV tích cực tham gia giảng dạy, NCKH và hướng dẫn SV nên có kết quả đánh giá hằng năm đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Ngoài ra, năng lực giảng dạy và nghiên cứu của GV luôn được Khoa và Nhà trường đánh giá và xếp loại hằng năm, giúp GV luôn nỗ lực trong công việc.

3. Điểm tồn tại

Trình độ tiếng Anh của một số GV chưa cao nên gặp khó khăn trong việc giảng dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh và hợp tác giao lưu quốc tế, trao đổi học thuật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa tăng cường cử GV tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ tiếng Anh.	Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm học 2020 – 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Phòng KHCN & HTQT cần tìm kiếm nhiều chương trình hợp tác quốc tế để cử GV đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng ngoại ngữ. Ngoài ra, Khoa và Nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện đánh giá và xếp loại hằng	Khoa TC-NH & QTKD, Phòng Tổ chức – Nhân sự, Phòng KHCN & HTQT	Từ năm học 2020 – 2021	

		năm về năng lực giảng dạy và nghiên cứu của GV nhằm phát huy tính tích cực trong giảng dạy, NCKH và hướng dẫn SV.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được Trường ĐHQN xác định rõ trong các đề án nâng cao CLĐT và NCKH [H6.06.05.01]. Trường ĐHQN đã tiến hành thống kê về đội ngũ GV, NCV; thực hiện rà soát để làm căn cứ triển khai các hoạt động đào tạo và phát triển [H6.06.05.02]. Từ đó, Trường ĐHQN đã triển khai nhiều hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo chuyên môn của đội ngũ GV, NCV. Các GV, NCV có nhu cầu học tập, nghiên cứu nếu đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển sinh được Khoa và Nhà trường khuyến khích, tạo điều kiện và cử đi đào tạo. Nhiều GV được đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong nước và tại các nước phát triển trong khuôn khổ hợp tác quốc tế [H6.06.05.03].

Ngoài ra, Nhà trường cũng đưa ra kế hoạch và tổng hợp cụ thể về kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV, NCV [H6.06.05.04]; Các chính sách ưu đãi về giờ giảng được quy định rõ ràng. Các GV trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được trả 40% mức lương hiện tại được hưởng và được đóng bảo hiểm xã hội. Trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước được giảm 100% khối lượng công việc và được hỗ trợ 100% học phí tối đa bằng mức học phí cùng bậc học của Nhà trường [H6.06.05.05].

Khoa TC-NH & QTKD cũng đã tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV, lập kế hoạch phát triển đội ngũ GV cụ thể theo nhu cầu thực tế và khung CTĐT, thực hiện xây dựng đề án vị trí việc làm cho GV trong Khoa [H6.06.05.06]. Hàng năm, Khoa tiến hành thống kê, cập nhật hồ sơ nhân sự của Khoa trong đó thể hiện rõ trình độ chuyên môn, trình độ tin học, ngoại ngữ, thâm niên của từng GV. Tổng số GV cơ hữu của Khoa là 44 GV, gồm 1 Phó giáo sư, 15 Tiến sĩ, 28 Thạc sĩ (trong đó có 16 NCS trong và ngoài nước). Số

lượng GV cơ hữu quy đổi trực tiếp tham gia đào tạo ngành TC-NH của Khoa TC-NH & QTKD hiện nay là 33 [H6.06.05.07].

Kết thúc mỗi CTĐT, phát triển nhân sự, Nhà trường tiến hành thu nhận GV, NCV đã hoàn thành chương trình [H6.06.05.08] và thực hiện tổng kết, đánh giá hoạt động đào tạo, phát triển nhân sự [H6.06.05.09].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được Trường ĐHQN nói chung và khoa TC-NH & QTKD nói riêng xác định rõ và đã triển khai nhiều hoạt động để đáp ứng nhu cầu đó. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa cũng luôn căn cứ vào CTĐT để xác định, lên kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV một cách hợp lý. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường thường xuyên triển khai thực hiện. Hơn nữa, Nhà trường có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích GV, NCV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hàng năm, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo để rút kinh nghiệm, làm cơ sở, căn cứ để xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển GV, NCV tiếp theo.

3. Điểm tồn tại

Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV chưa được phân tích đầy đủ toàn diện. Mức hỗ trợ kinh phí cho GV học ngoại ngữ, học tập nâng cao chuyên môn, tham dự các hội nghị hội thảo, NCKH... còn hạn chế do nguồn thu của Nhà trường không nhiều, ảnh hưởng tới việc đầu tư cho hoạt động đào tạo, phát triển. Việc bố trí thời gian tổ chức một số khóa đào tạo, khóa học ngoại ngữ chưa phù hợp. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu của GV đưa ra còn chưa được triển khai.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc được	Khoa TC-NH & QTKD,	Hàng năm, từ năm học	

		giao để GV, NCV có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là học ở nước ngoài. Ngoài ra, cần tổ chức một số khóa đào tạo, các khóa học ngoại ngữ đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của một số GV về thời gian giảng dạy.	Trường ĐHQN.	2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách để quản lý và khuyến khích GV, NCV học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Hơn nữa, cần tăng cường triển khai các kế hoạch đào tạo, phát triển đã và đang có hiệu quả cho GV, NCV. Nhà trường cũng cần thường xuyên tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả các kế hoạch đào tạo để rút kinh nghiệm, làm cơ sở, căn cứ để xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển GV, NCV tiếp theo.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Theo quy định của Bộ GD&ĐT, GV Trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH &QTKD nói riêng được giao khối lượng công việc theo năm học (định mức giờ chuẩn giảng dạy và NCKH cho từng đối tượng cán bộ) [H6.06.06.01]. Việc đánh giá được Nhà trường căn cứ dựa trên những quy định cụ thể về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQN; Các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc đánh giá, phân loại viên chức. Kết quả xếp loại lao động của cán bộ sẽ là cơ sở để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ theo từng quý [H6.06.06.02]. Nhà trường cũng đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; thực hiện lấy ý kiến góp ý và đưa ra quyết định về việc sửa đổi bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV [H6.06.06.03].

Tại trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH &QTKD nói riêng, GV thực hiện công việc giảng dạy theo kế hoạch và phân công của Trường và Khoa. Tuy nhiên, hoạt động NCKH do GV tự chủ trong việc sắp xếp thời gian và kế hoạch thực hiện, Nhà trường chỉ yêu cầu báo cáo kết quả theo định kỳ. Một số GV đang thực hiện các đề tài NCKH trọng điểm cấp Bộ, Ngành. Nhiều GV có những bài báo uy tín trong và ngoài nước, được xuất bản trên các tạp chí chuyên ngành có chỉ số trích dẫn cao. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng cho việc đánh giá, khen thưởng [H6.06.06.04]. Hàng năm, Khoa TC-NH &QTKD dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao; hồ sơ năng lực của GV, NCV (trình độ học vấn, trình độ tin học, ngoại ngữ, trình độ lý luận chính trị)[H6.06.06.05] và bản đề án vị trí việc làm [H6.06.06.06] để phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy định về tổ chức đào tạo của Nhà trường [H6.06.06.07]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường cùng với Lãnh đạo Khoa, Lãnh đạo Bộ môn tổ chức nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xét hưởng thu nhập tăng thêm, danh hiệu thi đua, nâng lương trước thời hạn, xét kết nạp Đảng. Nhiều GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua, được nhận giấy khen của hiệu trưởng [H6.06.06.08]. Những quy định, tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại rõ ràng. Vì vậy, trong

khoa TC – NH & QTKD, các GV, NCV hài lòng về kết quả đánh giá, khen thưởng của Khoa, Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và khoa đã có quy định cụ thể về kế hoạch công tác hằng năm đối với GV, NCV để làm căn cứ, phương hướng cho GV, NCV phấn đấu, nỗ lực trong giảng dạy, NCKH. Ngoài ra, việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV cần được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhiều GV trong Khoa đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen cấp Tỉnh, được khen thưởng về thành tích NCKH, được nâng lương trước hạn.

3. Điểm tồn tại

Số lượng chỉ tiêu thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường hằng năm có sự giới hạn nên không thể khen thưởng hết các GV nếu trong năm cùng lúc có nhiều GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Quy định linh hoạt hơn về số lượng các chỉ tiêu thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường hằng năm.	Trường ĐHQN.	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, tiếp tục hoàn thiện, phổ biến sâu rộng những quy định, các văn bản về công tác thi đua, khen thưởng và quản trị theo kết quả công việc.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ hướng đến mục tiêu hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng và đây được xem là hoạt động bắt buộc đối với mỗi GV trong Khoa. Chính vì vậy, trong bảng kế hoạch cá nhân hàng năm, mỗi GV của Khoa luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia thực hiện đề tài/dự án các cấp; có công trình đăng trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, tham gia viết bài và báo cáo tại các hội nghị, hội thảo quốc tế và trong nước; hướng dẫn SV làm NCKH...) đảm bảo số giờ nghiên cứu được đảm nhiệm đáp ứng yêu cầu theo chức danh đã quy định. Kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo chất lượng và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV. Điều này được thể hiện qua các tài liệu về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN [H6.06.07.01].

Việc đăng ký xét duyệt đề tài khoa học các cấp được thực hiện đều đặn hàng năm và theo đúng quy trình: GV đăng ký đề tài NCKH theo thông báo của Phòng Quản lý khoa học & Hợp tác quốc tế; Hội đồng Khoa tổ chức xét duyệt các đề tài đã đăng ký trên cơ sở bản thuyết minh khoa học của chủ nhiệm đề tài và gửi đến Nhà trường thông qua Phòng Quản lý khoa học & Hợp tác quốc tế. Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng xét chọn đề tài NCKH cấp trường, cấp bộ. Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng xét chọn đề tài. Những đề tài được triển khai thực hiện phải được báo cáo theo tiến độ và được Hội đồng nghiệm thu nhận xét đánh giá rất chặt chẽ theo đúng quy trình, quy định [H6.06.07.02].

Khoa thường xuyên tổ chức các hội nghị khoa học, hội thảo chuyên đề, các báo cáo khoa học. Hàng năm, GV Khoa đăng ký tham gia, chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp từ cấp cơ sở đến cấp Nhà nước, đăng ký giờ NCKH. GV Khoa có nhiều công trình được đăng trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước; có nhiều giáo trình và sách chuyên khảo phục vụ giảng dạy đại học được xuất bản ở các nhà xuất bản có uy tín [H6.06.07.03].

**Bảng 6.7.1. Thống kê số lượng hoạt động NCKH
của GV Khoa TC-NH & QTKD giai đoạn 2015-6/2020**

Hoạt động NCKH	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	06/2020	Tổng
Đề tài KHCN cấp Bộ	0	0	0	0	1	1	2
Đề tài KHCN cấp Tỉnh	1	0	0	0	1	0	2
Đề tài KHCN cấp Trường	1	4	4	5	5	5	24
Bài báo đăng trên Tạp chí khoa học quốc tế	1	1	5	5	8	4	24
Bài báo đăng trên Kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế	0	0	11	12	24	4	51
Bài báo đăng trên Tạp chí khoa học trong nước	22	28	7	12	13	9	91
Bài báo đăng trên Kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước	3	5	5	4	4	1	22
Số lượng nhóm NCKH SV đã hướng dẫn	17	7	10	10	5	2	51

Hoạt động NCKH của SV cũng ngày càng được chú trọng và phát triển. Với sự hướng dẫn của các GV giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao, phong trào SV tham gia NCKH của Khoa ngày càng đi vào chiều sâu, tăng cả về số lượng lẫn chất lượng. Nhiều SV Khoa TC-NH & QTKD đã tham gia NCKH và đạt giải cao ở các cuộc thi NCKH SV cấp Bộ và cấp Trường **[H6.06.07.04]**.

Với bề dày thành tích về NCKH, nhiều GV đã được xếp loại viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và chiến sĩ thi đua cơ sở và được khen thưởng các cấp hàng năm **[H6.06.07.05]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành đầy đủ các văn bản quy định cụ thể về định mức thời gian NCKH tối thiểu mà mỗi GV, NCV phải thực hiện cũng như cách tính giờ NCKH theo từng loại hình sản phẩm NCKH khác nhau. Đồng thời, dựa trên đăng ký kế hoạch làm việc và NCKH của GV, NCV cũng như nhu cầu NCKH phục vụ cộng đồng và nghiên

cứu phát triển; hàng năm mỗi GV Khoa luôn có kế hoạch và mục tiêu NCKH cụ thể. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn chưa nhiều. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường kết nối, hợp tác NCKH với các đối tác nước ngoài. Đồng thời, Khoa ưu tiên đề xuất với Nhà trường những công trình nghiên cứu có tính liên ngành và ứng dụng.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	GV tiếp tục phát huy điểm mạnh trong NCKH, thực hiện nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, đặc biệt là công bố kết quả NCKH trên các tạp chí quốc tế có chất lượng cao. Bên cạnh đó, các phòng ban chức năng tăng cường giám sát, đối sánh các kết quả đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng	Khoa TC-NH & QTKD Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.	Từ năm học 2020-2021	

		các hoạt động NCKH của GV, NCV nhằm cải tiến hoạt động NCKH.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường ĐHQN đã hoàn thành tốt việc quy hoạch đội ngũ GV, qua đó đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát thường xuyên làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ GV, chuyên viên được đánh giá một cách chính xác, khách quan. Hơn nữa, những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên được Trường ĐHQN xác định rõ bằng các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên được triển khai sâu rộng.

Đội ngũ GV, NCV ngành TC-NH của Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN có trình độ chuyên môn cao, có năng lực giảng dạy và NCKH, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo của ngành TC-NH. Đội ngũ GV được phân công công việc phù hợp đảm bảo khối lượng giờ dạy và thời gian NCKH. Công tác bổ nhiệm, điều chuyển GV được Khoa thực hiện công khai, dân chủ, đúng tiêu chuẩn, quy định của Nhà trường. Việc đánh giá, xếp loại viên chức được thực hiện công bằng, minh bạch.

Tiêu chuẩn 6 có 5 tiêu chí đạt mức 6/7 và 2 tiêu chí đạt 5/7

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Trong trường đại học, bên cạnh đội ngũ GV, một bộ phận khác đóng vai trò quan trọng không thể thiếu đó là đội ngũ nhân viên, những người làm công tác tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ nhân viên có nhiệm vụ hỗ trợ, cùng với đội ngũ giảng viên hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác. Do vậy, Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD rất coi trọng công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên. Để tuyển dụng và sử dụng đội ngũ nhân viên một cách có hiệu quả, các tiêu chí tuyển dụng và lựa

chọn nhân viên để bổ nhiệm được xác định và phổ biến công khai. Bên cạnh việc chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, công tác kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên và các dịch vụ hỗ trợ cũng được triển khai nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trên cơ sở phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự, Nhà trường đã xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Trường đã triển khai việc xây dựng đề án vị trí việc làm của Trường ĐHQN trên cơ sở đề án vị trí việc làm từ các đơn vị làm cơ sở cho các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.02]. Bên cạnh đó, các chính sách đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên được Trường xác định thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ như: thu nhập tăng thêm; hỗ trợ tiền phục vụ đào tạo; chế độ tham quan, du lịch trong và ngoài nước; học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.01.03].

Căn cứ trên cơ sở Đề án đổi mới hoạt động thư viện theo hướng hiện đại, đội ngũ nhân viên thư viện được quy hoạch gồm 15 viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt yêu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, giáo trình phục vụ công tác đào tạo, NCKH của cán bộ, GV và SV trong toàn trường. Bên cạnh việc phục vụ yêu cầu cho công tác đào tạo và NCKH, đội ngũ nhân viên của thư viện còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, tiêu biểu có Ngày Hội sách dành cho bạn đọc trên địa bàn tỉnh Bình Định [H7.07.01.04].

Khoa TC-NH & QTKD hiện có đội ngũ nhân viên hỗ trợ gồm 01 thư ký và 01 trợ lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, giúp giải quyết kịp thời các vấn đề về giảng dạy, học tập cho GV và người học như: quản lý điểm thi; đăng ký học; xét học bổng, ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt

nghiệp, phát giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH SV; đánh giá điểm rèn luyện SV, giải đáp thắc mắc của SV... [H7.07.01.05].

Nhằm đáp ứng mục tiêu đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã thành lập Trung tâm CNTT và Truyền thông với đội ngũ nhân viên có trình độ từ đại học trở lên đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ và phát triển hệ thống CNTT, truyền thông theo xu hướng hiện đại [H7.07.01.06].

Căn cứ các dự báo về nhu cầu phát triển chung cũng như nhu cầu phát triển của từng đơn vị trong toàn trường, bên cạnh việc đảm bảo đủ số lượng, Nhà trường rất chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, nhân viên hàng năm. Bên cạnh đó, Trường chú trọng xây dựng và thực hiện đề án nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học cũng như đề án nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho viên chức, nhân viên toàn trường [H7.07.01.07].

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, Nhà trường còn định kỳ khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên, kết quả cho thấy người học hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xác định mục tiêu và xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên cụ thể cho mỗi giai đoạn 5 năm nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Bên cạnh đó, Trường cũng có các chính sách đãi ngộ, tuyển dụng và thu hút đội ngũ nhân viên minh bạch, khách quan. Kết quả là, hầu hết đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN đều đảm bảo đủ về số lượng, có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa thực sự dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại đề án vị trí việc làm và phân tích nhu cầu để làm cơ sở thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hợp lý hơn.	Trường ĐHQN.	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện chính sách thu hút, tuyển dụng đội ngũ nhân viên. Đồng thời, Nhà trường tiếp tục triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công tác phục vụ đào tạo.	Phòng Tổ chức – Nhân sự, Trường ĐHQN.	Từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD rất chú trọng đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN và Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H7.07.02.01]. Các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực

chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học theo quy định. Mặt khác, việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào các vị trí Trưởng/Phó các đơn vị cũng cần đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác. Các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi trước khi chính thức ban hành và phổ biến trên công khai đến các đơn vị trong toàn Trường cũng như trên website của Nhà trường [H7.07.02.01].

Hàng năm, trên cơ sở chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, căn cứ từ trình về nhu cầu tuyển dụng đội ngũ nhân viên của các phòng, khoa, viện, trung tâm, Nhà trường xây dựng và thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng đội ngũ này với các chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể và minh bạch trên trang thông tin điện tử, cũng như bảng tin của Nhà trường [H7.07.02.02].

Bên cạnh đó, Nhà trường thành lập các Hội đồng tuyển dụng viên chức để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng. Quy trình và kết quả tuyển dụng được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch bằng văn bản đến các đơn vị trong toàn Trường cũng như đăng tải trên website của Nhà trường [H7.07.02.03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Kế hoạch/Thông báo cũng như kết quả tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc và công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế. Việc bổ nhiệm nhân viên giữ chức vụ lãnh đạo ở các đơn vị còn ít, chưa được quan tâm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên phân tích nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của	Trường ĐHQN	Từ năm học 2020-2021	

		các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên. Quan tâm hơn nữa đến việc bổ nhiệm nhân viên giữ chức vụ lãnh đạo dựa trên nhu cầu thực tế tại từng đơn vị cụ thể.			
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện các hoạt động tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên một cách công khai, nghiêm túc, rõ ràng và minh bạch.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Để đảm bảo chất lượng của đội ngũ nhân viên trong công tác hỗ trợ đào tạo theo chuyên môn, nghiệp vụ của từng khoa, phòng ban khác nhau thì đội ngũ nhân viên được tuyển dụng phải phải đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu được nêu trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN. Đồng thời, trong quy chế này cũng đã quy định rất rõ căn cứ, quy trình, nội dung, tiêu chí và thẩm quyền đánh giá phân loại viên chức [H7.07.03.01]. Trong mỗi năm học, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công và cá nhân đăng ký, việc đánh giá năng lực của nhân viên được thực hiện theo các bước: nhân viên tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá và ban lãnh đạo Khoa hoặc Lãnh đạo đơn vị chức năng đánh giá [H7.07.03.02]. Bên cạnh đó, ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan cũng là cơ sở quan trọng để các đơn vị và đội ngũ nhân viên có những biện pháp cải tiến thiết thực, nâng cao hiệu quả công tác nhằm phục vụ các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn. Do vậy, trong quá trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên đơn vị còn dựa trên kết quả khảo sát sự hài lòng của SV và các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ và phục vụ đào tạo. Hoạt động này được thực

hiện định kì và kết quả khảo sát cho thấy người học hài lòng với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.03]. Kết quả đánh giá viên chức các đơn vị là cơ sở để Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường tổ chức họp bình xét và thông qua các quy định, hướng dẫn và tiêu chuẩn cụ thể [H7.07.03.04].

Trong các năm qua, đội ngũ nhân viên của Khoa TC-NH & QTKD đều được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và hàng năm đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Tập thể Khoa TC-NH & QTKD hoàn thành tốt nhiệm vụ của Nhà trường giao cho, năm học 2018-2019 Khoa TC-NH & QTKD được công nhận danh hiệu thi đua “Tập thể Lao động xuất sắc” năm 2019 [H7.07.03.05].

Hồ sơ, lý lịch của đội ngũ nhân viên được nhà trường quản lý, theo dõi để thực hiện các chính sách đãi ngộ đối với viên chức trong Nhà trường, làm cơ sở để nâng lương và đánh giá tuyển chọn, khen thưởng, những viên chức có thành tích tốt, nổi bật. Nhà trường đã tổ chức đánh giá, phân loại và bổ sung lý lịch viên chức và người lao động [H7.07.03.06].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên của Trường nói chung và của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng được thực hiện thường xuyên hằng năm. Đồng thời, quy trình, phương pháp, công cụ và các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể. Ngoài ra, kết quả đánh giá đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường. Hơn nữa, hồ sơ và lý lịch nhân viên chi tiết và được theo dõi, quản lý chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Tuy hằng năm Nhà trường có đánh giá, xếp loại viên chức, có xét tặng các danh hiệu thi đua một cách nghiêm túc nhưng vẫn chưa phát huy hết năng lực của đội ngũ nhân viên. Nguyên nhân việc này do Nhà trường chỉ thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng nhưng vấn đề phê bình và tự phê bình chưa được thực hiện thường xuyên. Chẳng hạn, Trường chưa có những khảo sát thường xuyên về sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên và chưa xem đây là như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc đánh giá, phân loại nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên để góp phần nâng cao CLĐT theo hướng toàn diện.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Hàng năm, từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Luôn đảm bảo thực hiện đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên hằng năm. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện quy trình, phương pháp, công cụ và các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Hơn nữa, hồ sơ, lý lịch nhân viên tiếp tục theo dõi, quản lý chặt chẽ, thường xuyên hơn.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Hàng năm, từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động rất quan trọng trong duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên. Vì vậy Nhà trường luôn thực hiện việc kiểm tra đánh giá về chất lượng hằng năm nhằm phục vụ cho việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Đồng thời, Nhà trường cũng đã định kỳ thực hiện công tác rà soát, xác định và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên [H7.07.04.01].

Đồng thời, thông qua việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức hành chính của các đơn vị, Nhà trường đã triển khai các kế hoạch và dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.02]. Nhà trường cũng đã quan tâm đến công tác bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính cho chuyên viên Trường ĐHQN, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh [H7.07.04.03]. Bên cạnh đó, để tự nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và theo định hướng của Nhà trường thì cán bộ và nhân viên trong Khoa TC-NH & QTKD nói riêng cũng như toàn Trường nói chung đã đăng ký kế hoạch học tập và nghiên cứu hàng năm để làm cơ sở cho Nhà trường phân bổ, sắp xếp cán bộ và nhân viên tham gia. Đội ngũ nhân viên cũng thường xuyên đăng ký đi học nâng cao trình độ chuyên môn, đăng ký thi thăng hạng, đăng ký học các khóa về đào tạo nghiệp vụ... [H7.07.04.04].

Trong 5 năm qua, các viên chức của Nhà trường nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng thường xuyên được Nhà trường và Khoa cử tham gia các đợt học tập, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ tại các tỉnh, thành phố như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng... đồng thời một số lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ được mở trực tiếp tại Trường ĐHQN tạo điều kiện thuận lợi để viên chức của Nhà trường được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác [H7.07.04.05].

Giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên và có các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H7.07.04.06]. Điều này góp phần thúc đẩy, tạo động lực học tập cho đội ngũ nhân viên, từ đó nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên các đơn vị trong Trường được xác định. Đồng thời, Nhà trường có kế hoạch và triển khai các hoạt

động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Tuy Nhà trường đã tổ chức nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên nhưng các hoạt động này chưa phong phú và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng đối với nhân viên nhằm xây dựng kế hoạch và tổ chức phong phú hơn các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Hàng năm, từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa và thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo và NCKH của Khoa và của Trường.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Hàng năm, Từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Hiệu quả công việc của đội ngũ nhân sự nói chung, của viên chức hành chính nói riêng đóng vai trò rất quan trọng đối với CLĐT và sự phát triển của Nhà trường.

Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ viên chức, Nhà trường đã ban hành các văn bản trong đó quy định rõ nhiệm vụ của nhân viên phục vụ đào tạo cũng như quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên **[H7.07.05.01]**. Đồng thời, Nhà trường có Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQN, trong đó xác định các nguyên tắc bình xét thi đua, khen thưởng; nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức cá nhân trong công tác này cũng như các tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn riêng đối với từng Danh hiệu thi đua của cá nhân như: Danh hiệu Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... **[H7.07.05.02]**.

Bản mô tả công việc và đề án vị trí việc làm có vai trò quan trọng trong việc theo dõi, tuyển dụng, đào tạo và đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên. Nhà trường đã có thống kê rất chi tiết về trình độ, vị trí, hạng, bậc, chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên. Bên cạnh đó, thực hiện kế hoạch bổ sung, hoàn thiện đề án vị trí việc làm Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD cũng xây dựng đề án vị trí việc làm, bao gồm thống kê công việc theo chức năng nhiệm vụ, phân nhóm công việc, danh mục vị trí việc làm và mô tả công việc của từng vị trí việc làm. Đề án đã mô tả cụ thể rõ ràng công việc chính phải làm và sản phẩm đầu ra của từng nhân viên hỗ trợ phục vụ cho đào tạo **[H7.07.05.03]**.

Ngoài việc công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng, Nhà trường luôn triển khai kế hoạch và xét nâng lương cho nhân viên theo đúng quy định **[H7.07.05.04]**. Ngoài ra, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với các nhân viên đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, các viên chức được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh... nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ nhân viên phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H7.07.05.05]**.

Bên cạnh đó, cuối mỗi năm học, căn cứ các Quy định về công tác thi đua, khen thưởng; các văn bản hướng dẫn, triển khai việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng của Nhà trường, mỗi nhân viên thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, sau đó Khoa tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với từng viên chức. Đồng thời, Trưởng Khoa đánh giá, phân loại viên

chức và người lao động, Nhà trường ban hành công văn thông báo đến các đơn vị kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm [H7.07.05.06]. Kết quả này được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường họp xét duyệt và thông qua [H7.07.05.07], [H7.07.05.08]. Ngoài khen thưởng ở cấp Trường, nhiều cá nhân là nhân viên cũng được khen thưởng của chủ tịch UBND Tỉnh Bình Định và của Bộ GD&ĐT vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và trong sự nghiệp giáo dục [H7.07.05.09].

2. Điểm mạnh

Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đồng thời, tất cả nhân viên đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Ngoài ra, hầu hết nhân viên đều hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng, công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm tồn tại

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần có quy định rõ ràng hơn về kế hoạch, khối lượng công việc, tiến độ hoàn thành để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của nhân viên.	Khoa TC-NH & QTKD, Phòng Tổ chức – Nhân sự.	Từ năm học 2021-2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc	Trường ĐHQN, Phòng Tổ chức	Từ năm học 2020-2021	

		tiếp tục dựa trên những xây dựng, góp ý của tất cả nhân viên. Đồng thời, Nhà trường phải đảm bảo sự hài lòng của nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng, công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.	– Nhân sự,		
--	--	---	------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa TC-NH & QTKD đảm bảo về chất và lượng, được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường, được công bố công khai. Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa TC-NH & QTKD hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Khoa và Trường. Trong những năm học tới, Nhà trường sẽ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Tiêu chuẩn 7 có 2 tiêu chí đạt mức 6/7 và 3 tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trong những năm học qua, trên cơ sở chính sách tuyển sinh chung của Nhà trường, Khoa TC-NH & QTKD đã bám sát chính sách tuyển sinh chung để xây dựng chính sách tuyển sinh cho Khoa một cách rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật hàng năm; tiêu chí và phương thức xét tuyển đảm bảo tính khách quan, đúng qui định và được đánh giá; Nhà trường và Khoa có hệ thống giám sát để theo dõi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập từng học kỳ của người học; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên và đa dạng; tạo môi trường học tập tích cực và thúc đẩy các hoạt động

ngoại khóa, hoạt động phong trào của SV nhằm tạo ra môi trường tâm lý xã hội tích cực trong Nhà trường; Nhà trường có cảnh quan xung quanh đẹp, tiện ích, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo nghiên cứu, tạo ra sự thoải mái cho người học và qua đó nâng cao chất lượng học tập của người học, góp phần nâng cao CLĐT nói chung.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả

Ngành TC-NH của Trường ĐHQN đào tạo đến nay được 13 khóa tuyển sinh. Trong những năm qua, ngành TC-NH luôn thực hiện tuyển sinh theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được cập nhật hàng năm trong kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.01]. Hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển và các thông tin liên quan được xác định trong đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh của Nhà trường một cách rõ ràng, công khai [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], [H8.08.01.04]; Hàng năm, Nhà trường thành lập các đoàn tư vấn tuyển sinh để giới thiệu về Trường ĐHQN, về các ngành đào tạo của Trường, về ngành TC-NH cho các em học sinh tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên trong các buổi tư vấn tuyển sinh do Nhà trường tổ chức [H8.08.01.05], [H8.08.01.06]. Chính sách và quy định tuyển sinh như: đối tượng tuyển sinh, đối tượng ưu tiên, quy trình xét tuyển, điểm xét tuyển, điểm chuẩn đầu vào... được công bố công khai trên cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường và được cập nhật cho từng năm tuyển sinh [H8.08.01.07], [H8.08.01.08].

Nhà trường không chỉ thực hiện các hoạt động tuyển sinh riêng thông qua các tổ tư vấn tuyển sinh mà còn tích cực phối hợp với các đơn vị truyền thông như Báo tuổi trẻ để tổ chức các Chương trình Ngày hội tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp ngay tại Trường ĐHQN [H8.08.01.09], [H8.08.01.10]. Trường ĐHQN thực hiện tuyển sinh ngành TC-NH theo hai phương thức xét tuyển, đó là dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển theo học bạ THPT [H8.08.01.02]. Hàng năm, Nhà trường công bố chỉ tiêu xét tuyển, cách thức xét tuyển, các mốc thời gian thí sinh cần lưu ý khi đăng ký xét tuyển thông qua sổ tay tuyển sinh hay cẩm nang tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.11], [H8.08.01.12].

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức họp lấy ý kiến các bên

liên quan về chính sách tuyển sinh hàng năm, có sự góp ý của GV ở cuộc họp cấp Khoa và của Hội đồng tuyển sinh trường [H8.08.01.13]. Chính sách tuyển sinh hàng năm được cập nhật dựa trên các thông tin dự báo về nguồn nhân lực của từng ngành, theo từng thời điểm cụ thể. Ngoài ra, Khoa thông qua các Hội thảo về đánh giá CTĐT và có tổ chức khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực ngành TC-NH và đánh giá của doanh nghiệp về CTĐT để có những điều chỉnh trong CTĐT và định hướng cho hoạt động tuyển sinh trong những năm tiếp theo [H8.08.01.14].

Bảng 8.1.1. Tình hình tuyển sinh của ngành TC-NH trong 5 năm qua

Năm học	Ứng viên		
	Số lượng nộp đơn dự tuyển (người)	Số lượng trúng tuyển (người)	Số lượng nhập học thực tế (người)
2015 – 2016	305	250	142
2016 – 2017	162	110	64
2017 – 2018	186	131	70
2018 – 2019	235	180	79
2019 – 2020	206	161	71

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, Trường ĐHQN đã có số lượng thí sinh được tuyển và số lượng SV theo học ngành TC-NH như thống kê ở Bảng 8.1.1. [H8.08.01.15], [H8.08.01.16], [H8.08.01.17].

2. Điểm mạnh

Chính sách và quy định về tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và của ngành TC-NH nói riêng là rõ ràng, đúng quy định và được cập nhật hàng năm. Chính sách tuyển sinh được lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) từ đó giúp cho Nhà trường có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp. Chính sách tuyển sinh còn được công khai và cập nhật thường xuyên từ đó người học có thể nắm bắt thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay khi nhập Trường.

3. Điểm tồn tại

Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan, tuy nhiên hoạt động góp ý của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh của Trường, Khoa thực hiện không liên tục. Bên cạnh đó, việc phân tích và dự báo về nhu cầu nhân lực của ngành

TC-NH ít được chú trọng đúng mức. Hình ảnh và thông tin về chương trình học, ngành học, về đơn vị đào tạo chưa thật sự hấp dẫn và chi tiết. Ít có các hình thức quảng bá để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và sự đam mê về ngành TC-NH vào học. Ngoài ra, số lượng thí sinh nhập học hàng năm gần đây giảm do sự thay đổi trong cơ chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cũng như xu hướng học sinh giảm đăng ký tuyển sinh đại học mà tham gia vào các Trường đào tạo nghề.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên đăng tải các bài viết, hình ảnh hoạt động của Khoa, các tổ chức đoàn thể, các CLB học thuật trên trang web của khoa, trang mạng xã hội của khoa để quảng bá hình ảnh của Khoa đến với người học. Tổ chức các buổi Hội thảo để nhận góp ý của các bên liên quan về CTĐT, tuyển sinh của Khoa và dự báo nhu cầu nhân lực của ngành TC-NH.	Khoa TC-NH & QTKD.	Từ năm học 2020 – 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật chính sách và quy định tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và của ngành TC-NH nói riêng hàng năm. Xác định số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh để có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Từ năm học 2020 – 2021	

		<p>Công khai chính sách và quy định tuyển sinh thông qua các video giới thiệu về ngành đào tạo, các kết quả NCKH của SV, cơ hội việc làm của SV sau khi tốt nghiệp... Thực hiện kết nối với Fanpage của các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên để cung cấp các thông tin tuyển sinh liên quan của Khoa và Trường.</p>			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Hàng năm, Trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng tiến hành xây dựng chính sách tuyển sinh trong các đề án tuyển sinh, trong đó xác định rõ ràng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học. Trước đây, người học được tuyển chọn dựa vào kết quả thi tuyển sinh đại học, nhưng từ năm học 2016-2017 đến nay, việc tuyển sinh vừa dựa vào điểm thi THPT Quốc gia, vừa dựa vào điểm xét tuyển học bạ của người học [H8.08.02.01].

Để tạo căn cứ cho việc tuyển sinh và phân tích tình hình tuyển sinh qua các năm, Nhà trường đã lưu trữ dữ liệu thống kê về số lượng SV nhập học qua các năm [H8.08.02.02]. Ngoài ra, Nhà trường cũng tiến hành thống kê và phân loại thông tin của các thí sinh trúng tuyển theo địa phương, đối tượng ưu tiên, khối ngành học,... để rà soát, đánh giá và có sự điều chỉnh hàng năm về tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học [H8.08.02.03]. Việc xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường cũng được dựa trên ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan [H8.08.02.04], [H8.08.02.05].

Về phía Khoa TC-NH & QTKD, sau mỗi đợt tuyển sinh, Khoa tổ chức sinh

hoạt khoa học nhằm rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất cho Nhà trường về việc điều chỉnh các tiêu chí, phương pháp tuyển sinh phù hợp dựa sự đóng góp ý kiến của các GV trong Khoa [H8.08.02.04].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, có cơ sở khoa học và được công khai. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Nhà trường và Khoa đã thực hiện rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất điều chỉnh các tiêu chí, phương pháp tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế.

3. Điểm tồn tại

Số thí sinh được công nhận trúng tuyển và số thí sinh đăng ký nhập học không khớp với nhau, tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học chưa đạt kế hoạch đề ra; Chất lượng đầu vào thấp dẫn đến kết quả học tập chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, qua nhiều kênh thông tin khác nhau, xác định mục tiêu ưu tiên là các đối tượng học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận. Có các hình thức thu hút các SV có điểm đầu vào cao nhập học như tặng học bổng, có chính sách ưu tiên phù hợp cho đối tượng này, cam kết về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN.	Hàng năm, từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học nhằm rà soát, đánh giá và xác định tiêu chí tuyển sinh dựa vào tình hình thực tế,	Khoa TC-NH & QTKD.	Hàng năm, từ năm học 2020-	

		nắm bắt thị trường lao động. Đồng thời công bố rộng rãi các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đến học sinh.		2021	
--	--	---	--	------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Hệ thống giám sát trong trường học được thực hiện nhằm theo dõi và giám sát thành tích học tập của người học sao cho các biện pháp phù hợp có thể được kịp thời thực hiện để hỗ trợ người học, cải thiện chất lượng học tập và quy trình đào tạo.

Trên cơ sở các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT, hệ thống giám sát cấp Trường và cấp Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được trình bày một cách cụ thể, chi tiết trong CTĐT do Trường ĐHQN ban hành và trong ĐCCTHP [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Sự chuyên cần trong học tập của người học được theo dõi chặt chẽ qua từng tiết học và được đánh giá bằng trọng số 10% kết quả học tập của từng học phần. Công tác tổ chức thi và đánh giá kết quả học tập của người học được tiến hành khoa học và nghiêm túc theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN ban hành giúp hình thành thói quen học tập chăm chỉ và trung thực [H8.08.03.03], [H8.08.03.04].

Về rèn luyện, kết quả rèn luyện của người học được đánh giá thông qua việc tham gia các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên, Hội SV. Kết quả rèn luyện được xếp loại cụ thể trong bảng xếp loại rèn luyện cuối mỗi học kỳ cũng như cuối khóa học theo đúng quy định hiện hành [H8.08.03.05]. Để kịp thời hỗ trợ, nhắc nhở người học trong học tập và rèn luyện, công tác CVHT được Khoa TC-NH & QTKD phân công thực hiện theo quy định của Nhà trường. Sinh hoạt lớp được thực hiện định kì một lần/tháng có sự tham dự của CVHT, qua đó sẽ thông báo các nội dung hoạt động hàng tháng của Khoa và Trường, đồng thời tiếp thu, tư vấn, hỗ trợ cho SV các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện. [H8.08.03.06], [H8.08.03.07]. Do đó, CVHT luôn nắm được cụ thể tình hình học tập cũng như rèn luyện của từng SV trong tháng. Từ đó, phối hợp với Khoa và Phòng CTCT & SV đưa ra các biện pháp phù hợp

để giúp đỡ SV tiến bộ hơn trong học tập cũng như rèn luyện.

Bên cạnh đó, để giúp người học biết và điều chỉnh kịp thời thái độ học tập nhằm cải thiện kết quả học tập, Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD kết hợp với CVHT luôn có những cảnh báo kịp thời đến người học sau mỗi đợt thi kết thúc học phần [H8.08.03.08]. Trên cơ sở đó, cùng với sự hỗ trợ từ các CVHT, người học sẽ đề ra kế hoạch hành động cụ thể để đạt được kết quả học tập và rèn luyện tốt hơn.

Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo Đại học và Phòng Công tác SV cung cấp cho Khoa, CVHT, và người học bảng điểm rèn luyện và bảng điểm tổng hợp các học phần, trong đó ghi rõ tổng số tín chỉ mà người học đã tích lũy, điểm trung bình chung các học phần [H8.08.03.09], [H8.08.03.10], [H8.08.03.11]. Điều này sẽ giúp người học nắm được đầy đủ thông tin liên quan đến quá trình học tập và rèn luyện của mình cũng như giúp Khoa và CVHT có thể theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học của SV.

2. Điểm mạnh

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc theo các quy định của Nhà trường và Bộ Giáo dục & Đào tạo. Hệ thống giám sát người học được rà soát thường xuyên bởi Phòng CTCT & SV nhằm tìm kiếm các cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Trên cơ sở đó, cùng với sự hỗ trợ từ các CVHT, người học sẽ đề ra kế hoạch hành động cụ thể để đạt được kết quả học tập và rèn luyện tốt hơn. Kết quả học tập và rèn luyện của người học được Khoa TC-NH & QTKD, Phòng Đào tạo Đại học, Phòng CTCT & SV và CVHT thông báo kịp thời cho người học và gia đình để theo dõi sự tiến bộ qua mỗi học kỳ.

3. Điểm tồn tại

Hầu hết các CVHT đều làm công tác kiêm nhiệm, vừa giảng dạy, vừa NCKH đáp ứng các chuẩn theo quy định, vừa phải tham gia các công việc khác do bộ môn và Khoa phân công nên không có nhiều thời gian cho công tác CVHT. Số lượng người học phân bổ cho mỗi CVHT khá đông nên còn chưa sâu sát đến những khó khăn trong cuộc sống của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Có chính sách hỗ trợ hợp lý cho đội ngũ CVHT kiêm nhiệm và quản lý số lượng đông người học, từ đó góp phần nâng cao trách nhiệm cũng như quyền lợi của CVHT.	Khoa TC-NH & QTKD, Phòng CTCT và SV.	Hàng năm, từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc các quy định kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học; Hoàn thiện hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện người học bởi Phòng CTCT & SV nhằm tìm kiếm các cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan; Kịp thời thông báo kết quả học tập và rèn luyện của người học cho chính người học và gia đình để theo dõi sự tiến bộ qua mỗi học kỳ.	Khoa TC-NH & QTKD, Phòng CTCT và SV, Phòng Đào tạo Đại học.	Hàng học kỳ, từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học được tiến hành liên tục và xuyên suốt trong suốt quá trình học tập của SV tại Trường ĐHQN.

Công tác đón tiếp SV nhập học được Nhà trường phân công cho các phòng ban chức năng và các khoa liên quan triển khai một cách đồng bộ. Ngay từ lúc SV mới nhập học, Trường và Khoa đã tổ chức đón tiếp và hướng dẫn chu đáo về các thủ tục nhập học [H8.08.04.01]. Ngay sau khi SV nhập học, Nhà trường sẽ tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa để giúp SV nắm được các thông tin chung về Trường, về CTĐT; quy định và quy chế đào tạo; chế độ khen thưởng, kỷ luật cũng như các vấn đề liên quan đến quyền lợi học tập, rèn luyện và sức khỏe cho người học; và phương pháp hòa nhập với môi trường học tập mới [H8.08.04.02].

Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác CVHT, trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ của CVHT và ra quyết định phân công GV làm công tác CVHT trên cơ sở đề nghị của Khoa [H8.08.04.03], [H8.08.04.04]. Nhà trường và Khoa đã giao nhiệm vụ cho CVHT chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ học tập cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập; phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ và tư vấn cho SV trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Định kỳ 01 lần/tháng, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn nội dung sinh hoạt lớp, trong đó thông tin cụ thể đến SV tình hình hoạt động của Nhà trường, phương hướng và các hoạt động trong tháng tới cũng như một số vấn đề liên quan đến việc giải quyết quyền lợi của SV [H8.08.04.05], [H8.08.04.06]. Giữa mỗi năm học, Nhà trường sẽ tổ chức đối thoại giữa SV và lãnh đạo Nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của SV về tất cả hệ thống quản lý của Nhà trường để có thể làm hài lòng người học [H8.08.04.07], [H8.08.04.08]. Ngoài ra, thông qua các hộp thư góp ý, SV có thể tham gia đóng góp ý kiến nhằm cải thiện các hoạt động hỗ trợ học tập cho SV.

Bên cạnh các hoạt động học tập theo CTĐT, SV còn có cơ hội tham gia hoạt động NCKH SV hàng năm. Đây là hoạt động bổ trợ nhằm giúp các em làm quen với NCKH, tạo tiền đề để các em có thể học lên các bậc cao hơn sau khi tốt nghiệp đại học. Để khuyến khích cho SV tham gia NCKH, Nhà trường cũng dành một phần kinh phí nhất định để hỗ trợ SV thực hiện đề tài [H8.08.04.09]. Hơn thế, SV còn được Nhà trường khen thưởng, cấp học bổng, hỗ trợ nếu có thành tích học tập theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao kết quả học tập và rèn luyện của bản thân hơn nữa [H8.08.04.10], [H8.08.04.11].

Các hoạt động ngoại khóa đã thu hút sự quan tâm của đông đảo các bạn SV tham gia, tạo ra sân chơi bổ ích để SV rèn luyện sức khỏe và tính năng động. Nhằm giúp SV có điều kiện để phát triển toàn diện bản thân, Trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng luôn tạo cơ hội, khuyến khích SV tham gia các hoạt động ngoại khóa, các phong trào thi đua do các câu lạc bộ, Đoàn thanh niên, Hội SV các cấp tổ chức [H8.08.04.12], [H8.08.04.13]. Ngoài ra, các hoạt động tình nguyện, mùa hè xanh cũng được Liên chi Đoàn thanh niên và Liên chi hội Hội SV của Khoa duy trì tổ chức hàng năm [H8.08.04.14]. Với phương châm hoạt động tích cực, lành mạnh, sáng tạo và thiết thực, các hoạt động ngoại khóa, sân chơi bổ ích có thể giúp người học hình thành những kỹ năng cần thiết cho học tập cũng như cho nghề nghiệp khi ra trường nên đã thu hút được đông đảo SV tham gia.

Nhà trường đã thành lập và ban hành chức năng nhiệm vụ và quy chế hoạt động của Trung tâm HTSV & QHDN để làm cầu nối giữa SV và doanh nghiệp, tạo cơ hội tiếp cận việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.15]. Thông qua trung tâm này, Nhà trường thường xuyên tổ chức các ngày hội việc làm, mời các doanh nghiệp tham gia ngày hội để giới thiệu cho SV những vị trí và cơ hội việc làm thích hợp [H8.08.04.16]. Bên cạnh đó Nhà trường và Khoa luôn chủ động ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp. Nhờ đó, thông tin tuyển dụng từ các doanh nghiệp luôn được cập nhật và thông báo kịp thời đến người học [H8.08.04.17].

Trong quá trình học tập ở năm thứ ba và năm cuối, SV luôn được Trường và Khoa cung cấp thông tin đầy đủ về các mẫu báo cáo thực tập, thực tế, khóa luận tốt nghiệp [H8.08.04.18]. Khi SV đi thực tập, Lãnh đạo Khoa sẽ phân công GV tư vấn cho SV lựa chọn hướng đề tài và hướng dẫn SV viết báo cáo thực tập. Trong quá trình thực tập, SV sẽ được tiếp xúc, trải nghiệm thực tế, và học hỏi được nhiều kỹ năng quan trọng liên quan đến nghề nghiệp sau này [H8.08.04.19].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa chủ động thực hiện khảo sát việc làm của SV ngành TC-NH sau khi tốt nghiệp, kết quả là hơn 75% SV ngành TC-NH sau khi tốt nghiệp được khảo sát có việc làm, từ đó thực hiện hỗ trợ việc làm cho SV đạt hiệu quả cao nhất [H8.08.04.20].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CVHT, trợ lý đào tạo, GV phụ trách hướng dẫn thực tập luôn sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho SV trong việc lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập. Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, triển khai NCKH SV, phát động các phong trào thi đua lành mạnh, năng động và sáng tạo giúp người học hình thành những kỹ năng tốt trong học tập và trong cuộc sống. Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện bằng nhiều hình thức giúp người học có cơ hội tiếp cận việc làm sau khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, tăng cường kỹ năng mềm cho SV vẫn còn hạn chế. Việc khảo sát sự hài lòng của NH về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm còn ít chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trên địa bàn tỉnh và vùng lân cận để đem lại cơ hội thực tập, thực tế và tuyển dụng cho SV. Thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của NH về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm và đề xuất các hoạt động tư vấn, hỗ trợ phù hợp và hiệu quả.	Khoa TC-NH & QTKD, Trung tâm HTSV & QHDN. Phòng CTCT & SV, Khoa TC-NH & QTKD	Năm học 2020-2021 Năm học 2020-2021	
2	Phát huy	Hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho	Khoa TC-NH &	Năm học	

	điểm mạnh	SV trong việc lựa chọn các học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập. Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, triển khai NCKH SV, phát động các phong trào thi đua lành mạnh, năng động và sáng tạo giúp người học hình thành những kỹ năng tốt trong học tập và trong cuộc sống. Đa dạng hóa các kênh tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp giúp người học có cơ hội tiếp cận việc làm sau khi ra trường.	QTKD, Trường ĐHQN.	2020-2021	
--	-----------	---	--------------------	-----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Môi trường làm việc, học tập được bố trí hợp lý tạo nên không gian thân thiện, môi trường học tập, làm việc thoải mái, với các khu vực chính: Khu giảng đường, thực hành, thí nghiệm; Khu làm việc hành chính; Khu ký túc xá SV và Khu thư viện. Sơ đồ các khu vực trong Trường rất rõ ràng và được công bố rộng rãi trên website của Trường và trên các pano, áp phích đặt trong khuôn viên Trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, GV và người học có thể liên hệ giải quyết những vấn đề cần thiết **[H8.08.05.01]**.

Không gian của Trường rất thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, vườn hoa, tượng đài, ghế đá. Môi trường tâm lý, xã hội và môi trường làm việc của Nhà trường luôn được quan tâm xây dựng và phát triển nhằm tạo điều kiện thuận lợi

cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho cán bộ, GV và người học. Nhà trường đã ban hành nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy thư viện, nội quy ký túc xá và những quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong SV nhằm tạo ra trật tự, kỉ cương, môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện và thoải mái trong khuôn viên Nhà trường [H8.08.05.02], [H8.08.05.03]. Trong tiến trình xây dựng Trường ĐHQN trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhấn mạnh triết lý khai phóng trong giáo dục, tạo động lực mới và sự thoải mái trong tư tưởng của toàn thể cán bộ, GV và người học.

Khoa TC-NH & QTKD nói riêng và Trường ĐHQN nói chung thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, các cuộc thi bổ ích để tạo ra sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho người học, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng người học [H8.08.05.04]. Ký túc xá nằm trong khuôn viên Trường nên rất thuận lợi cho người học về đời sống sinh hoạt và học tập. Mỗi khu ký túc xá có một phòng sinh hoạt văn hóa, có bàn ghế đầy đủ để học tập và xem ti vi [H8.08.05.05].

Để chuẩn bị tốt cho hoạt động học tập, vấn đề chăm sóc sức khỏe của người học cũng được quan tâm. Nhà trường tiến hành kí hợp đồng với các cơ sở y tế có uy tín để khám sức khỏe định kì hằng năm cho người học vào mỗi đầu năm học [H8.08.05.06], [H8.08.05.07]. Các tổ chức Đoàn, Hội thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa về tư vấn tâm lý, sức khỏe sinh sản cho nữ sinh viên [H8.08.05.08].

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong Trường cũng được chú trọng. Cụ thể, căn tin Nhà trường được tổ chức đấu thầu để lựa chọn những nhà thầu uy tín. Căn tin luôn phục vụ các món ăn đa dạng, giá cả hợp lý và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H8.08.05.09]. Công tác phòng chống cháy nổ cũng được chú trọng đầu tư. Người học được phổ biến các kiến thức về phòng cháy, chữa cháy. Đồng thời, các khu vực làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành và các khu ký túc xá đều được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy và được kiểm tra thường xuyên [H8.08.05.10]. Công tác bảo đảm an ninh trong Trường và trong khu vực cũng được Nhà trường phối hợp với các cơ quan an ninh và đội SV tự quản thực hiện nghiêm túc [H8.08.05.11], [H8.08.05.12], [H8.08.05.13].

Nhà trường đã tiến hành thực hiện lấy ý kiến khảo sát của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong nhà trường thông qua Phiếu Khảo sát ý kiến

phản hồi của SV năm cuối về CLĐT [H8.08.05.14], trên cơ sở đó có sự quan tâm, điều chỉnh kịp thời để có thể tạo môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan phù hợp, thuận lợi và thoải mái cho người học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có vị trí địa lý thuận lợi, quy hoạch tổng thể phù hợp tạo nên không gian thoải mái, thân thiện cho người học. Môi trường sư phạm đảm bảo tốt về công tác an ninh trật tự, an toàn và chăm sóc, tư vấn tâm lý, sức khỏe cho người học. Nhà trường thường xuyên thực hiện lấy ý kiến khảo sát người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong trường.

3. Điểm tồn tại

Chưa có không gian làm việc riêng của từng GV, chỉ có văn phòng Khoa, dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ người học cũng như các sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn cũng không được thoải mái. Các hoạt động tư vấn tâm lý cho người học còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bố trí, điều chỉnh phòng và vị trí làm việc của từng bộ môn. Thường xuyên tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý, giới tính, sức khỏe, tăng cường các hoạt động rèn luyện thể chất, tinh thần cho người học.	Khoa TC-NH & QTKD. Đoàn Thanh niên, Hội SV	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Phổ biến thường xuyên nếp sống văn minh trong Nhà trường, giữ gìn và cải thiện cảnh quan trong các buổi ngoại khóa, sinh hoạt lớp. Vấn đề y tế học đường và an toàn người học	CVHT, Đoàn Thanh niên, Hội SV, Trạm y tế, Phòng KT&BDCL	Hàng năm, từ năm học 2020-2021	

		phải được quan tâm hàng đầu. Hàng năm tổ chức lấy ý kiến khảo sát người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong trường.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chất lượng của người học và các hoạt động hỗ trợ người học luôn là vấn đề được Khoa TC-NH & QTKD quan tâm, nâng cao chất lượng của người học để qua đó nâng cao CLĐT là mục tiêu quan trọng của Khoa. Trong những năm qua, Chính sách tuyển sinh của Khoa luôn được xác định rõ ràng, được công bố công khai, cập nhật hàng năm và luôn thực hiện theo đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá hàng năm. Trong quá trình học tập tại Trường, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học đã được xây dựng và áp dụng nhằm theo dõi sự tiến bộ trong kết quả học tập và rèn luyện từng học kỳ của người học. Các hoạt động tư vấn của CVHT, hoạt động ngoại khóa thông qua chương trình của Đoàn, Hội và các câu lạc bộ đã giúp người học có động cơ đúng đắn trong học tập và tích lũy những kỹ năng mềm cho bản thân. Ngoài ra, môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Trường đẹp đã phát huy sự sáng tạo và tạo sự thoải mái trong tâm trí của người học.

Tuy nhiên, trong bối cảnh chung của các Trường đào tạo ngành TC-NH thì số lượng người học đăng ký và thi tuyển vào ngành này có sự giảm sút trong những năm qua. Do đó, trong thời gian tới Khoa cần có những chính sách để quảng bá CTĐT, hình ảnh hoạt động của Khoa đến với các bạn học sinh của các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận khu vực miền Trung, Tây Nguyên nhằm thu hút người học vào Khoa. Ngoài ra, trong những năm gần đây, số lượng SV thuộc diện cảnh báo, buộc thôi học của Khoa có sự gia tăng, do đó Khoa cần có những giải pháp mang tính đồng bộ để theo dõi sát sao hơn nữa sự tiến bộ trong kết quả học tập và rèn luyện của SV.

Tiêu chuẩn 8 có 2 tiêu chí đạt mức 6/7 và 3 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Với bề dày 43 năm xây dựng và phát triển kể từ ngày thành lập, hiện nay Trường ĐHQN là một cơ sở GDĐH có hệ thống CSVC và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và ngành TC-NH nói riêng. Trong những năm gần đây, nhằm góp phần nâng cao CLĐT, Nhà trường đã tập trung đầu tư các phòng học thông minh, cải tạo, sửa chữa các khu làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành với hệ thống CNTT và các trang thiết bị phù hợp cho hoạt động đào tạo và NCKH của SV, học viên và GV toàn Nhà trường nói chung và của ngành TC-NH nói riêng. Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, các báo và tạp chí cần thiết; cảnh quan môi trường được xây dựng xanh - sạch - đẹp, đảm bảo về sức khỏe và trật tự, an ninh, an toàn cho cán bộ, GV, SV, học viên.

Nhà trường đã quy hoạch mặt bằng tổng thể và các khu chức năng, trên cơ sở đó tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, nhà luyện tập thể dục, thể thao... với các trang thiết bị theo hướng ngày càng hiện đại; hoàn thiện các quy định về quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị, bao gồm bàn ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy in, hệ thống chiếu sáng, thông gió, máy lạnh, điều hòa nhiệt độ... an toàn và phù hợp để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường bố trí 01 phòng lớn cho Ban Chủ nhiệm khoa và Văn phòng khoa tại nhà 15 tầng [H9.09.01.01]. Ngoài việc bố trí Văn phòng khoa tại tòa nhà 15 tầng, các GV còn được bố trí sử dụng chung ba phòng làm việc tại khu giảng đường A6, các phòng làm việc được trang bị đầy đủ các tiện nghi như: bàn, ghế làm việc, tủ kệ đựng tài liệu, kết nối wifi đủ mạnh để các GV, học viên thực hiện nghiên cứu và làm việc tại Trường [H9.09.01.02]. Phòng làm việc của các bộ môn có diện tích khoảng 30m²,

Văn phòng khoa có diện tích khoảng 100m² được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, có kết nối mạng internet, mạng wifi... phù hợp với định mức của Nhà trường [H9.09.01.03], [H9.09.01.04]. Hệ thống máy tính tại văn phòng Khoa được cài đặt các phần mềm quản lý hoạt động đào tạo như đăng ký tín chỉ, quản lý thi học phần... [H9.09.01.05].

Nhà trường hiện 8 hệ thống giảng đường từ A1 đến A8 và tòa nhà đào tạo trung tâm với hơn 144 phòng học từ 30 chỗ ngồi đến trên 200 chỗ ngồi, đủ để đáp ứng các hoạt động đào tạo của ngành TC-NH [H9.09.01.06]. Các phòng học lớn, nhỏ và phòng thực hành, phòng NCKH được bố trí hợp lý [H9.09.01.07]; được trang bị đầy đủ bàn, bàn ghế, quạt, máy chiếu, thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, hệ thống wifi [H9.09.01.08].

Phòng hội thảo khoa học bao gồm 3 phòng ở nhà 15 tầng, 01 phòng nhà 4 tầng, 3 hội trường lớn, được trang bị đầy đủ CSVC và hệ thống wifi [H9.09.01.04]. Phòng đọc phục vụ NCKH tại thư viện của Trường có khoảng 700 chỗ ngồi, với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác tài liệu của cán bộ, GV, SV và học viên [H9.09.01.09].

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều có sổ theo dõi tần suất sử dụng [H9.09.01.10]. Các bộ phận chức năng của Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường và các trang thiết bị [H9.09.01.11], [H9.09.01.12]. Thông qua đó, Nhà trường dành ngân sách đầu tư CSVC và trang thiết bị, xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị, nâng cấp hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính [H9.09.01.13], [H9.09.01.14].

Nhà trường đã đầu tư và đưa vào vận hành 2 phòng học thông minh với các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm đào tạo có bản quyền nhằm tăng tính hiệu quả trong hoạt động đào tạo và thực hiện theo đúng định hướng ứng dụng của Nhà trường [H9.09.01.15]. Với các CSVC được đầu tư trong thời gian vừa qua đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo ngành TC-NH và nhìn chung, cán bộ, GV, nhân viên và người học của Khoa TC-NH & QTKD đều cảm thấy hài lòng với CSVC phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giảng đường, số lượng phòng học đủ để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy, đào tạo của Nhà trường. Có đầy đủ các phòng Hội thảo, Hội trường để tổ chức các Hội thảo, Hội nghị khoa học. Ngoài các khu thí nghiệm, thực hành bố trí cho các khoa thì Nhà trường đã bố trí các phòng làm việc chung cho toàn bộ GV của Nhà trường, để GV có nơi làm việc và NCKH. Hệ thống văn phòng, phòng làm việc cho các Khoa được trang bị đầy đủ, đảm bảo tiện nghi cho hoạt động phục vụ đào tạo. Số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng và các trang thiết bị luôn được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đã đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo, NCKH... của ngành TC-NH. Bên cạnh đó, Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, quản lý thiết bị để quản lý và khai thác có hiệu quả các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng.

3. Điểm tồn tại

Việc quản lý và khai thác các phòng làm việc, phòng chức năng chưa thực sự hiệu quả, việc quản lý các phòng học ở các khu giảng đường còn mang nặng tính thủ công. Việc đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị chưa được thực hiện định kỳ. Một số phòng học ở giảng đường A2, A5 chưa đáp ứng được tiêu chuẩn của phòng học hiện đại. Một số phòng học có trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh nhưng do tần suất sử dụng nhiều và ý thức bảo quản kém nên dễ nhanh hư hỏng và sửa chữa không kịp thời. Nhà trường hiện chưa có hệ thống giảng dạy, đào tạo theo hình thức trực tuyến, điều này có thể làm gián đoạn hoạt động đào tạo khi có những biến cố xảy ra như đại dịch Covid-19 vừa qua.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần áp dụng biện pháp quản lý và khai thác hiệu quả các phòng làm việc, phòng chức năng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, GV và	Trường ĐHQN, Phòng CSVN	Từ năm học 2020-2021	

		<p>người học. Định kỳ tổ chức đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị phòng thực hành, phòng nghiệp vụ để làm cơ sở điều chỉnh việc quản lý, vận hành phù hợp. Nâng cấp các phòng học chưa đủ tiêu chuẩn, bố trí linh hoạt các phòng tự học cho SV tại các giảng đường, tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập, nghiên cứu. Xây dựng hệ thống thư viện điện tử và phủ sóng wifi toàn Trường nhằm giúp cho người học dễ dàng trong việc truy cập, tìm kiếm tài liệu và tạo ra không khí học tập, nghiên cứu sôi nổi trong Nhà trường. Đồng thời, nhanh chóng đầu tư và vận hành hệ thống đào tạo theo hình thức trực tuyến.</p>			
2	Phát huy điểm mạnh	<p>Nhanh chóng triển khai đầu tư và đưa vào vận hành phòng thực hành nghiệp vụ nhằm tăng tính thực hành cho SV và qua đó đạt được mục tiêu đào tạo ngành TC-NH theo định hướng ứng dụng.</p>	Trường ĐHQN, Phòng CSVC	Từ năm học 2020 – 2021	

		<p>Thường xuyên chỉnh trang phòng học, phòng hội thảo, hội trường để phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Tăng cường tiện nghi cho hệ thống văn phòng, phòng làm việc các Khoa, phòng làm việc chung của GV đảm bảo hoạt động phục vụ đào tạo và NCKH. Thường xuyên cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng và các trang thiết bị nhằm đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo, NCKH. Hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, quản lý thiết bị để quản lý và khai thác có hiệu quả các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng.</p>			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Thư viện tọa lạc trên khuôn viên phía Đông Nam của Trường với diện tích sàn xây dựng là 4.500 m², bao gồm: tòa nhà thư viện trung tâm 3 tầng, được xây dựng theo kiến trúc Pháp cổ và dãy nhà trệt liền kề. Cấu trúc của thư viện bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng và 01 dãy nhà trệt nằm liền kề. Thư viện có 01 phòng giáo trình, 02 phòng đọc mở, 01 phòng mượn, 01 phòng đọc thân thiện, 02 phòng truy cập

internet với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao, và 07 phòng tự học với tổng cộng khoảng 700 chỗ ngồi. Tất cả các phòng có kết nối với nhau và có sơ đồ bố trí cụ thể để phục vụ cho nhu cầu đọc, học của người học một cách hiệu quả [H9.09.02.01]. Nhằm định hướng cho bạn đọc, thư viện đã gắn các bảng hướng dẫn tra cứu tài liệu tại lối đi hành lang, bên trong các phòng đọc, phòng truy cập internet, trên website của đơn vị, đồng thời đã ban hành Nội quy sử dụng thư viện [H9.09.02.02], cung cấp đầy đủ các văn bản, thông báo công khai trên website của thư viện [H9.09.02.03] như quy định thời gian phục vụ, quy định đèn sách...

Hàng năm, vào đầu năm học thư viện trực tiếp giới thiệu và hướng dẫn SV cách truy cập cơ sở dữ liệu của thư viện [H9.09.02.04]. Thư viện thực hiện thống kê số lượt SV đến thư viện (phòng internet, phòng đọc, phòng mượn) để quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động [H9.09.02.05]. Trong những năm gần đây, thư viện thường xuyên đề xuất, lập kế hoạch dự toán mua, bổ sung, cập nhật và đa dạng hóa các loại sách, giáo trình, báo, tạp chí, tài liệu nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH cho GV, học viên và SV [H9.09.02.06]. Hiện nay, thư viện đang phục vụ gần 30.000 đầu sách (gồm sách Việt văn và Ngoại văn), gần 3.000 luận văn, luận án, đề án các loại, hơn 70 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài, hơn 500 tài liệu giảng dạy các học phần...

Bên cạnh đó, thư viện đã ứng dụng những tiến bộ trong khoa học công nghệ để xây dựng và phát triển nguồn tài liệu điện tử. Từ năm 2016, thư viện đã hợp tác và được chia sẻ cơ sở dữ liệu điện tử từ Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ. Thư viện cũng đã tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam và mua dùng chung 3 cơ sở dữ liệu, gồm: Cơ sở dữ liệu ProQuest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu Khoa học & Công nghệ Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu). Ngoài ra, thư viện cũng được quyền khai thác Cơ sở dữ liệu MathSciNet (do American Mathematical Society phát hành), mua quyền khai thác tài liệu tại thư viện pháp luật trực tuyến [H9.09.02.07], [H9.09.02.08], [H9.09.02.09]. Thư viện cũng đã tiếp nhận các ĐCCTHP của các Khoa trong Nhà trường, trong đó có ngành TC-NH [H9.09.02.10].

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, thư viện thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến nhằm đánh giá mức độ hài lòng của người học, trong đó tập trung vào các nội dung như đánh giá mức độ đầy đủ, phong phú của nguồn tài liệu; thái độ và tinh thần

phục vụ của các cán bộ nhân viên; mức độ đáp ứng về CSVC, trang thiết bị tại thư viện. Qua khảo sát, thư viện đã đánh giá được những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động, từ đó rút kinh nghiệm và có những biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại, phát huy ưu điểm, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ [H9.09.02.11].

2. Điểm mạnh

Có hệ thống chỉ dẫn để người học dễ dàng tra cứu tài liệu cần tìm, có bảng nội quy sử dụng thư viện. Nguồn tài liệu được cập nhật, bổ sung thường xuyên. Việc xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu điện tử đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV, học viên và SV.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng phòng internet tại thư viện vẫn còn nhiều bất cập, nhiều tài liệu ở dạng điện tử còn gây khó khăn cho việc tiếp cận và sử dụng của người học. CSVC tại các phòng đọc, phòng học vẫn chưa thể đáp ứng hết nhu cầu hoạt động đào tạo và NCKH của GV, học viên và SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên nâng cấp và bổ sung kho dữ liệu dưới dạng sách, tạp chí. Có hướng dẫn cụ thể và rõ ràng hơn về cách sử dụng máy tính ở phòng tra cứu. Xây dựng phòng học, phòng đọc có quy mô và chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu.	Thư viện, Trường ĐHQN	Bắt đầu từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đổi mới và cập nhật kho dữ liệu của thư viện, bổ sung thêm các tạp chí khoa học chuyên ngành.	Thư viện	Bắt đầu từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHQN có hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. SV khoa TC-NH & QTKD được sử dụng các phòng thực hành tin học ở Nhà 4 tầng. Mỗi phòng thực hành tin học được trang bị 40 máy tính với các phần mềm tin học và các thiết bị cung cấp ánh sáng và nhiệt độ phù hợp đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của SV [H9.09.03.01], [H9.09.03.02]. Ngoài ra, Nhà trường hiện mới bố trí 2 phòng học thông minh ở A1, đang hoàn thiện và đưa vào sử dụng phòng thực hành chứng khoán ảo [H9.09.03.02].

Nhà trường đã bố trí nhân viên phụ trách, ban hành quy định quản lý về thực hành, các tài liệu hướng dẫn sử dụng phòng thực hành tin học, sổ ghi lịch thực hành [H9.09.03.03].

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê, rà soát chất lượng và bảo dưỡng, sửa chữa, cập nhật, bổ sung các trang thiết bị trong phòng thực hành tin học để phục vụ tốt hơn cho người học [H9.09.03.04].

Ngoài ra, Nhà trường còn triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và SV về mức độ đáp ứng của hệ thống trang thiết bị và chất lượng phục vụ của phòng thực hành tin học [H9.09.03.05], từ đó đưa ra giải pháp kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng.

2. Điểm mạnh

Các phòng thực hành tin học được Nhà trường quan tâm đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị mới, hiện đại đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường đã ban hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản công và các tài liệu hướng dẫn sử dụng phòng thực hành tin học để đảm bảo hiệu quả. Các phòng thực hành đều có nhân viên phụ trách, có sổ theo dõi ghi lịch thực hành để đảm bảo hiệu quả sử dụng các trang thiết bị.

3. Điểm tồn tại

Các trang thiết bị thực hành chỉ mới đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu của SV, chưa có phòng máy tính phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của GV, NCV. Chưa có phòng thực hành đáp ứng nhu cầu đào tạo chuyên sâu của ngành TC-NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhanh chóng đầu tư phòng thực hành chứng khoán ảo, phòng thực hành ngân hàng đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu của GV và SV ngành TC-NH. Đầu tư thêm hệ thống máy tính cho các phòng làm việc dành riêng cho GV, NCV để phục vụ cho hoạt động NCKH.	Trường ĐHQN, Phòng CSVC.	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường đầu tư cải thiện CSVC tại các phòng thực hành tin học. Nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài sản công trong Nhà trường để đảm bảo hiệu quả. Đảm bảo đội ngũ nhân viên phụ trách ở các phòng thực hành, thường xuyên ghi sổ theo dõi lịch thực hành để đảm bảo hiệu quả sử dụng các trang thiết bị.	Trường ĐHQN, Phòng CSVC.	Từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHQN có hệ thống CNTT được đầu tư tập trung và có khả năng đáp ứng khá tốt cho các hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV

[H9.09.04.01], [H9.09.04.02]. Nhà trường hiện có 14 phòng máy tính với 715 máy được bố trí tại nhà A7 và nhà 4 tầng để phục vụ hoạt động thực hành tin học đại cương và tin học chuyên ngành cho nhiều ngành khác nhau, đảm bảo 100% SV có máy tính để thực hành; 02 máy tính với 60 máy tại thư viện đáp ứng yêu cầu khai thác tư liệu của SV, và 308 máy tính tại các phòng làm việc của các Khoa, phòng ban và đơn vị trực thuộc [H9.09.04.03]. Ngoài ra, các phòng học cũng được trang bị hệ thống máy chiếu, micro, loa để phục vụ công tác giảng dạy [H9.09.04.02].

Nhà trường đã sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, hoạt động đào tạo và NCKH như phần mềm kế toán MISA, phần mềm diệt vi-rút BKAV, phần mềm quản lý đào tạo, quản lý tài sản [H9.09.04.04]. Từ năm học 2017 – 2018, thực hiện kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng CNTT, Nhà trường đã tăng cường đầu tư về hạ tầng CNTT. Nhà trường hợp đồng với công ty PSC để nâng cấp và hoàn thiện website Trường, Khoa, hoàn thiện và đưa vào sử dụng các phần mềm tính thù lao giảng dạy (PMS), quản trị nhân sự (HRM), phần mềm E-Office [H9.09.04.05], [H9.09.04.06].

Về hạ tầng mạng, toàn trường hiện đang sử dụng hai đường cáp quan tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng tra cứu thông tin tại thư viện, phòng lab, nhà 15 tầng, nhà 4 tầng, hội trường và phủ sóng wifi toàn trường [H9.09.04.07]; 01 đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website [H9.09.04.08], hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó Nhà trường còn triển khai lắp đặt hệ thống internet, wifi phục vụ SV tại các khu ký túc xá [H9.09.04.09].

Nhà trường đã cấp tài khoản email với tên miền @qnu.edu.vn cho toàn thể cán bộ, GV, viên chức [H9.09.04.10]. Ngoài ra, Nhà trường đã thành lập Trung tâm CNTT và Truyền thông có trách nhiệm duy trì hoạt động website của Nhà trường, là đầu mối tiếp nhận xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính. Trung tâm đã bố trí chuyên viên phụ trách hệ thống mạng, hệ thống máy tính, phần mềm với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống ngày càng hiệu quả [H9.09.04.11]. Bên cạnh đó, toàn bộ các công thông tin, hệ thống email công vụ, các phần cứng lẫn phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế kịp thời đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động thông suốt. Quá trình sử dụng

các thiết bị CNTT đều được ghi chép trong các sổ theo dõi [H9.09.04.12]. Ngoài ra, Khoa TC-NH & QTKD cũng thường xuyên cập nhật thông tin trên website của Khoa nhằm phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV [H9.09.04.13].

Nhằm nâng cao chất lượng hệ thống CNTT, hàng năm Nhà trường sẽ tiến hành lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và SV về hệ thống máy tính, phần mềm, website và các trang thiết bị tin học cho hoạt động đào tạo và NCKH. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn cán bộ, GV và SV đều hài lòng với hệ thống CNTT của Nhà trường [H9.09.04.14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống CNTT được đầu tư tập trung và có khả năng đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV. Hệ thống CNTT, hằng năm, được Nhà trường kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa thay mới kịp thời. Đồng thời, các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý, hoạt động đào tạo, NCKH được cập nhật thường xuyên. Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và SV về hệ thống CNTT hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và NCKH được thực hiện đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Hạ tầng mạng internet và wifi của Nhà trường hoạt động chưa được ổn định, thường xuyên xảy ra sự cố nghẽn mạng, mất tín hiệu truy cập. Chưa có phòng chuyên dụng hỗ trợ cho hoạt động dạy học trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp hệ thống wifi an toàn, ổn định bao phủ ở các khu vực cần thiết như khu vực giảng đường các tòa nhà 4 Tầng, nhà 15 Tầng... Đầu tư, trang bị các phòng dạy học trực tuyến hiện đại đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học.	Phòng CSVC	Từ năm học 2020-2021	

2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, kịp thời phát hiện hư hỏng để sửa chữa hoặc thay mới hệ thống CNTT. Cần cập nhật thêm các phần mềm mới nhất để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV ngày càng hiệu quả. Thường xuyên khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và SV về hệ thống CNTT hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và NCKH.	Phòng CSVC, Trung tâm CNTT và Truyền thông, Phòng KT&BDCL	Hàng năm, từ năm học 2020-2021	
---	--------------------	--	---	--------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Trường ĐHQN luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường; nội quy an ninh bảo vệ trật tự; phương án phòng cháy, chữa cháy; phương án cải tạo cảnh quan; phương án đầu tư trang thiết bị, dụng cụ y tế tại các khu làm việc, ký túc xá SV. Môi trường giảng dạy, học tập và NCKH của cán bộ, GV, học viên và SV luôn được đảm bảo an toàn, xanh - sạch - đẹp. Cụ thể, Trường đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe; về phòng cháy, chữa cháy; về vệ sinh an toàn thực phẩm... [H9.09.05.01]. Tất cả các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, ký túc xá, nhà ăn, căn tin... đều công khai các bảng nội quy, quy định [H9.09.05.02]. Những văn bản này hoàn toàn phù hợp với các Nghị định và Thông tư hướng dẫn quy định đề án bảo vệ môi trường của Thủ tướng chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường [H9.09.05.03], [H9.09.05.04].

Nhà trường luôn chú trọng đến việc trồng cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ và

chăm sóc chu đáo nhằm tạo không gian thoáng mát, trong lành cho người học, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh trường học, nước sạch, vệ sinh môi trường theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết **[H9.09.05.05]**. Xây dựng hệ thống nước thải sinh hoạt đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra môi trường. Các hóa chất độc hại ở khu thí nghiệm được Nhà trường quản lý nghiêm ngặt và thường xuyên đánh giá quan trắc môi trường **[H9.09.05.06]**.

Trạm Y tế phối hợp với các bệnh viện ở thành phố Quy Nhơn khám sức khỏe định kỳ mỗi năm một lần cho cán bộ, GV, viên chức và người học **[H9.09.05.07]**; thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học **[H9.09.05.08]**. Đặc biệt, những SV khuyết tật được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở KTX tầng 1, khám sức khỏe theo nhu cầu **[H9.09.05.09]**.

An ninh trật tự luôn được Nhà trường chú trọng. Lực lượng bảo vệ của Nhà trường có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết, Nhà trường đều có phân công trực lãnh đạo và thông báo kế hoạch bảo vệ đến tất cả các đơn vị và cán bộ, GV **[H9.09.05.10]**. Nhà trường đã phối hợp tốt với Công an Phường Nguyễn Văn Cừ và các phường lân cận trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; giải quyết kịp thời những sự vụ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường **[H9.09.05.10]**. Ngoài ra, Nhà trường còn kết hợp với Công an phường Nguyễn Văn Cừ, Phòng PA03 - Công an tỉnh Bình Định trong công tác bảo đảm an ninh, vì vậy khi có sự việc xảy ra đều có sự tham gia khẩn trương của các lực lượng chức năng của Phường, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường **[H9.09.05.11]**.

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Nhà trường đã phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ **[H9.09.05.012]**.

Nhà trường tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của cán bộ, GV và người học về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự; thông tin phản hồi là một cơ sở quan trọng để Nhà trường tiếp tục đầu tư cải tạo cảnh quan môi trường ngày càng đẹp, cán bộ, GV, viên chức và người học được làm việc, học tập và nghiên cứu trong môi trường an toàn, văn hóa [H9.09.05.13].

2. Điểm mạnh

Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định theo quy định hiện hành của Thủ tướng chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn thường xuyên được Nhà trường quan tâm thông qua công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự cho cán bộ, GV, viên chức và người học; khuôn viên Nhà trường luôn xanh - sạch - đẹp. Trạm Y tế của Trường đáp ứng tốt nhu cầu y tế ban đầu của cán bộ, GV, viên chức và người học; định kỳ tổ chức khám sức khỏe; phun thuốc diệt côn trùng. Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của cán bộ, GV và người học về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự.

3. Điểm tồn tại

Chính sách quan tâm đến người khuyết tật còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở sự bố trí vào ký túc xá tầng 1.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	Trường ĐHQN.	Năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết, gìn giữ và phát triển môi trường xanh - sạch - đẹp, thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, tạo điều kiện cho	Đoàn Thanh niên, Hội SV, Trạm y tế và Phòng KT&BDCL	Năm học 2020-2021	

		cán bộ và nhân viên tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an ninh, an toàn trong toàn trường. Định kỳ tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của cán bộ, GV và người học về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Trường ĐHQN trang bị đầy đủ CSVC và trang thiết bị để đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của ngành TC-NH. Hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH. Các trang thiết bị trang bị thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, nâng cấp để đạt hiệu quả sử dụng tốt nhất. Các tài liệu và học liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo được trang bị đầy đủ và hàng năm cập nhật trong thư viện của Nhà trường. Ngoài ra, thư viện của Nhà trường có hệ thống phòng đọc, phòng tự học cho SV, học viên. Nhà trường đã đầu tư và đưa vào hoạt động các phòng học thông minh, các phòng làm việc cho GV và đang thực hiện đầu tư phòng thực hành nghiệp vụ cho Khoa TC-NH & QTKD. Hệ thống CNTT của Nhà trường đầu tư đã hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH tại Trường. Tuy nhiên, hệ thống CNTT chưa hỗ trợ nhiều cho hoạt động đào tạo trực tuyến của Trường. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho cán bộ, GV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho cán bộ, GV và SV làm việc và học tập, nghiên cứu.

Tiêu chuẩn 9 có 2 tiêu chí đạt mức 6/7 và 3 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Tầm nhìn của Khoa TC-NH & QTKD được xác định đến năm 2030 sẽ là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng có uy tín về lĩnh vực TC-NH, QTKD, Quản trị du lịch

và khách sạn, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu. Do vậy, Khoa TC-NH & QTKD xác định việc nâng cao chất lượng đối với các ngành đào tạo, đặc biệt là ngành TC-NH trong giai đoạn 2020- 2030 là mục tiêu quan trọng hàng đầu của Khoa. Dựa trên các quy định do Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN ban hành, Khoa đã thực hiện công tác nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và đào tạo một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc khuyến khích GV tham gia học tập và nghiên cứu nhằm nâng cao trình độ tại các trường đại học hàng đầu trên thế giới hoặc tại các cơ sở đào tạo có uy tín chuyên môn dẫn đầu cả nước đến việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH, cùng với đó Khoa cũng luôn quan tâm tới công tác đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm GV, SV, cựu SV, nhà quản lý và nhà tuyển dụng được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành TC-NH. Khoa TC-NH & QTKD đã dựa vào kết quả khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả khảo sát SV về chất lượng CTĐT từ Nhà trường và dựa vào việc khảo sát SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng của Khoa, để làm căn cứ thiết kế và điều chỉnh chương trình dạy học ngành TC-NH [H10.10.01.01], [H10.10.01.02], [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H10.10.01.07].

Ngoài ra, Khoa TC-NH & QTKD đã tiến hành xây dựng, sửa chữa và đổi mới CTĐT cũng như xây dựng CDR ngành TC-NH dựa trên ý kiến đóng góp của các GV trong Khoa và thành viên Hội đồng khoa [H10.10.01.08], [H10.10.01.09]. Bên cạnh đó, Khoa TC-NH & QTKD cũng tổ chức nhiều hội thảo để lấy ý kiến phản hồi về chất lượng CTĐT ngành TC-NH và nhu cầu của các bên liên quan như các chuyên gia, các

đơn vị sử dụng lao động, SV, cựu SV, các cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp để làm căn cứ thiết kế và điều chỉnh CTĐT ngành TC-NH [H10.10.01.10], [H10.10.01.11].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH của ngành TC-NH được dựa trên cơ sở thu thập thông tin phản hồi từ phía cán bộ quản lý, GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng thông qua các phiếu điều tra khảo sát để đáp ứng với CĐR. Bên cạnh đó, việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan đã được thực hiện theo đúng quy trình và kế hoạch đưa ra. Khoa nhận được nhiều ý kiến, góp ý quý báu của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và các lần điều chỉnh CTĐT. Ngoài ra, Khoa thường xuyên liên kết chặt chẽ với nhà tuyển dụng nhờ có mạng lưới cựu SV rộng khắp các tỉnh miền Trung và Tây nguyên.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập và phân tích các thông tin phản hồi từ cựu SV và nhà sử dụng lao động để điều chỉnh CTDH, cải tiến nâng cao CLĐT còn chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan thông qua các phiếu điều tra khảo sát một cách thường xuyên hơn.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thiết kế, cải tiến và phát triển CTDH từ ý kiến đóng góp của các bên liên quan và đảm bảo thực hiện theo đúng quy trình, kế hoạch.	Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

CTDH ngành TC-NH được thiết kế và phát triển dựa trên các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN [H10.10.02.01], [H10.10.02.02], [H10.10.02.03], [H10.10.02.04]. Bên cạnh đó, việc thiết kế và phát triển ngành TC-NH còn phải dựa vào các quy định về CĐR của Ngành, CĐR tin học và CĐR ngoại ngữ [H10.10.02.05], [H10.10.02.06].

CTDH của ngành TC-NH đã được ban hành, sửa đổi và bổ sung nhiều lần trong những năm qua. Định kỳ, Trường ĐHQN có kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật và xây dựng lại CTĐT đại học hệ chính quy cũng như hoàn chỉnh CĐR trong CTĐT [H10.10.02.07], [H10.10.02.08], [H10.10.02.09]. Năm 2015, Khoa TC-NH & QTKD đã thiết kế và xây dựng CTĐT ngành TC-NH trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H10.10.02.10]. Năm 2017, Khoa TC-NH & QTKD thực hiện điều chỉnh đề cương chi tiết một số học phần trong CTĐT ngành TC-NH [H10.10.02.11]. Năm 2019 và 2020, Khoa TC-NH & QTKD lại tiến hành tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung CTĐT ngành TC-NH [H10.10.02.12], [H10.10.02.13], [H10.10.02.14].

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành TC-NH được Khoa TC-NH & QTKD tiến hành theo quy định hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN. Đầu tiên là việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình khung CTĐT ngành TC-NH và việc thành lập hội đồng thẩm định ĐCCTHP được sửa đổi, bổ sung. Các Hội đồng này sẽ thực hiện các nhiệm vụ như bổ sung và cập nhật chương trình khung ngành TC-NH, phân công GV tham gia biên soạn chương trình môn học [H10.10.02.15]. Sau khi bổ sung và cập nhật CTĐT, Khoa TC-NH & QTKD thống nhất thông qua CTĐT ngành TC-NH [H10.10.02.16].

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành TC-NH được thiết lập, đánh giá và cải tiến dựa trên việc phản hồi của các bên liên quan, cụ thể là dựa vào việc khảo sát của SV năm cuối, của cựu SV và của nhà tuyển dụng về CLĐT ngành TC-NH [H10.10.02.17], [H10.10.02.18], [H10.10.02.19]. Bên cạnh đó, việc khảo sát lấy ý kiến của SV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV cũng được thực hiện [H10.10.02.20]. Ngoài ra, Khoa TC-NH & QTKD đã sử dụng các CTĐT ngành TC-

NH của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước để tham khảo trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH ngành TC-NH [H10.10.02.21]. CTĐT và ĐCCTHP sửa đổi, bổ sung ngành TC-NH được Hội đồng khoa học và đào tạo Trường thông qua trước khi ban hành chính thức [H10.10.02.22].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành TC-NH được thực hiện đúng quy trình, quy định có sự rà soát, đánh giá và thường xuyên cải tiến theo định kỳ. Ngoài ra, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành TC-NH được thiết lập, đánh giá và cải tiến dựa vào phản hồi của nhiều bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH ngành TC-NH còn chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan thông qua các phiếu điều tra khảo sát một cách thường xuyên hơn.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành TC-NH được thực hiện đúng quy trình, quy định và dựa trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan.	Khoa TC-NH & QTKD	Theo quy định	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR thì quá trình dạy và học được

rà soát và đánh giá thường xuyên ở cấp Trường, cấp Khoa. Quá trình dạy và học đều thực hiện thông qua Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H10.10.03.01]**. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường đều có bảng Kế hoạch giảng dạy đại học, cao đẳng hệ chính quy chung cho cả trường, điều này giúp các khoa chủ động trong công tác giảng dạy cả năm học **[H10.10.03.02]**. Đối với SV thì hàng năm cũng đều có các thông báo về việc đăng ký tín chỉ để SV chủ động trong việc sắp xếp lịch học **[H10.10.03.03]**. Đối với GV, trong trường hợp GV nghỉ dạy thì phải có giải trình cụ thể **[H10.10.03.04]**. Nhà Trường cũng có các thông báo về việc biên soạn giáo trình để GV có thể đăng ký biên soạn nhằm phục vụ cho việc giảng dạy **[H10.10.03.05]**. Bên cạnh đó, việc đánh giá quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá hằng năm được thực hiện theo kế hoạch để đảm bảo thực hiện được CDR đã công bố **[H10.10.03.06]**.

Vào cuối mỗi học kỳ, Khoa TC-NH & QTKD sẽ phối hợp với Phòng KT&BDCL tổ chức nghiêm túc các kỳ thi kết thúc học phần theo đúng quy chế, quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ để đánh giá kết quả học tập của người học. Việc tổ chức thi được tổ chức theo đúng quy định, có quyết định thành lập Ban tổ chức kỳ thi kết thúc học phần và có công văn về việc tổ chức thi học phần **[H10.10.03.07]**, **[H10.10.03.08]**. Bên cạnh đó, trước mỗi kỳ thi đều có lịch thi kết thúc học phần và bảng phân công cán bộ coi thi cụ thể **[H10.10.03.9]**, **[H10.10.03.10]**. Đối với thi cuối kỳ, nội dung đề thi được kiểm tra, rà soát và giám sát bởi Trưởng bộ môn. Cuối mỗi kỳ thi, điểm thi được công bố công khai đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau. Để đánh giá việc hoàn thành học phần, GV căn cứ vào điểm chuyên cần, điểm giữa kì và điểm thi kết thúc học phần (thường là thi viết hoặc vấn đáp) được quy định cụ thể trong từng ĐCCTHP **[H10.10.03.11]**, **[H10.10.03.12]**. Bên cạnh đó, CTĐT cử nhân ngành TC-NH sử dụng hình thức làm khóa luận tốt nghiệp để kết thúc khóa học cho 20% SV có kết quả học tập tốt nhất **[H10.10.03.13]**. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý điểm học phần nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kết quả học tập của SV **[H10.10.03.14]**. Kết thúc mỗi kỳ thi, Khoa đều có công văn về việc báo cáo tình hình tổ chức kết thúc thi học phần và báo cáo tổng kết công tác tổ chức kì thi kết thúc học phần **[H10.10.03.15]**, **[H10.10.03.16]**. Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra công tác giảng dạy của GV và nề nếp học tập của SV, Phòng Thanh tra – Pháp chế của

Nhà trường định kỳ tiến hành thanh tra việc vào điểm và quản lý điểm của trợ lý Khoa để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và chính xác [H10.10.03.17].

Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy, không chính quy, sau đại học, Phòng Thanh tra – Pháp chế xây dựng kế hoạch thanh tra nề nếp giảng dạy – học tập, làm việc của các đơn vị trong Nhà trường và có báo cáo công tác thanh tra cuối mỗi năm học [H10.10.03.18], [H10.10.03.19]. Đây là cơ sở đảm bảo sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học với CDR.

Về quá trình dạy và học, cũng như việc đánh giá kết quả học tập của người học đều được lấy kiến ý phản hồi của GV, người học và các bên liên quan. Hàng năm, nhà Trường đều ban hành quy định về lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của GV và đều có báo cáo kết quả về khảo sát ý kiến phản hồi về hoạt động giảng dạy của GV [H10.10.03.20], [H10.10.03.21]. Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức các hội thảo để lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, từ đó làm cơ sở để đổi mới giảng dạy và học tập [H10.10.03.22].

2. Điểm mạnh

Quy trình dạy và học được kiểm tra và đánh giá thường xuyên, chặt chẽ, nghiêm túc và được tiến hành định kỳ hằng năm. Ngoài ra, quá trình đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát, đánh giá thường xuyên thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được chính xác mức độ phù hợp của đề thi. Ngoài ra, Nhà trường chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thiết kế và xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần. Tiến hành đánh giá mức độ phù hợp của đề thi.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm	

2	Phát huy điểm mạnh	Quy trình dạy và học được kiểm tra và đánh giá thường xuyên. Quá trình đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát, đánh giá thường xuyên đảm bảo sự phù hợp với CDR.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Theo quy định	
---	--------------------	---	--------------------------------	---------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy học

1. Mô tả

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của NCKH ở cơ sở GDĐH, Trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng đã xác định NCKH vừa là nhiệm vụ bắt buộc đồng thời cũng là hoạt động được khuyến khích đặc biệt, được thể hiện rõ trong việc Nhà trường và Khoa luôn coi kết quả NCKH là một trong những căn cứ quan trọng để xếp hạng thi đua đối với GV của Nhà trường, từ đó tạo động lực NCKH đối với mọi GV trong Trường nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng [H10.10.04.01], [H10.10.04.02].

Đáp lại các chính sách khuyến khích NCKH cùng với sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà trường và Khoa TC-NH & QTKD, GV ngành TC-NH đã đăng kí và tham gia làm thành viên hoặc chủ trì các đề tài cấp Trường tăng dần qua các năm, cụ thể trong giai đoạn 2015-2020, GV ngành TC-NH đã thực hiện 14 đề tài NCKH cấp trường [H10.10.04.03]. Ngoài ra GV ngành TC-NH còn chủ trì thực hiện 2 đề tài cấp Bộ, trong đó, chủ nhiệm đề tài đã cam kết sử dụng kết quả đề tài để đào tạo Thạc sĩ, cử nhân, xuất bản sách chuyên khảo phục vụ đào tạo, đăng các bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành [H10.10.04.04]. Bên cạnh đó, đội ngũ GV ngành TC-NH còn chủ động công bố các công trình NCKH trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế với số lượng ngày càng nhiều và chất lượng ngày càng tăng, cụ thể, tính từ năm 2015 đến nay đã có 91 bài đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước có uy tín và 24 bài đăng trên tạp chí nước ngoài có mã ISI/Scopus [H10.10.04.05]. Nhiều kết quả NCKH của GV được sử dụng để hướng dẫn các đề tài NCKH SV hay các khóa luận tốt nghiệp cho SV [H10.10.04.06]. Ngoài ra, nội dung các đề tài NCKH của GV đều bám

sát với CTĐT của ngành và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo cho GV và SV trong Khoa ở nhiều học phần **[H10.10.04.07]**.

Bên cạnh hoạt động NCKH của GV, Khoa TC-NH & QTKD rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho SV, ứng dụng các kỹ năng NCKH mà SV đã được trang bị trong quá trình đào tạo vào việc thực hiện các đề tài NCKH SV. Từ năm 2015 đến năm 2020, SV học CTĐT ngành TC-NH đã thực hiện 19 đề tài NCKH cấp trường và đạt nhiều giải thưởng cấp trường, hơn thế nữa dưới sự hướng dẫn của GV ngành TC-NH, SV ngành TC-NH đã tham gia dự thi 2 cuộc thi SV NCKH cấp bộ và đạt được thành tích cao **[H10.10.04.08]**. Nhiều kết quả NCKH SV đã được đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín vì đạt chất lượng chuyên môn cao **[H10.10.04.09]**.

Trong giai đoạn 2015-2020, Khoa TC-NH & QTKD đã tổ chức thành công một số hội thảo liên quan tới ngành TC-NH với nhiều báo cáo được trình bày trong các hội thảo này có chủ đề liên quan tới việc đánh giá CLĐT, CTĐT, chất lượng giảng dạy của GV, tình hình việc làm của SV ngành TC-NH sau khi ra trường, đặc biệt có một nghiên cứu về cải tiến các phương pháp dạy học áp dụng tại Khoa TC-NH & QTKD và đó chính là các căn cứ quan trọng giúp cải tiến CTĐT cũng như phương pháp dạy học ngành TC-NH **[H10.10.04.10]**. Nhiều cán bộ GV của Khoa cũng tích cực tham gia và trình bày các kết quả nghiên cứu tại nhiều hội nghị, hội thảo cấp Nhà nước hoặc quốc tế liên quan tới lĩnh vực TC-NH nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy chuyên ngành và hợp tác NCKH trong nước và quốc tế **[H10.10.04.11]**. Cùng với đó, Khoa, Bộ môn cũng tổ chức các buổi seminar để áp dụng kết quả nghiên cứu đề tài NCKH vào cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV **[H10.10.04.12]**.

2. Điểm mạnh

Các công trình NCKH của cả GV và SV ngành TC-NH ngày càng nhiều về số lượng và nâng cao về chất lượng, với nhiều công bố liên quan chặt chẽ tới lĩnh vực TC-NH trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế. Hoạt động NCKH luôn đảm bảo được sự gắn kết giữa NCKH với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng trong CTĐT ngành TC-NH, cùng với đó ngày càng nhiều kết quả NCKH của GV cũng như SV ngành TC-NH, Khoa TC-NH & QTKD được áp dụng vào việc thiết kế các nội dung giảng dạy hoặc làm tài liệu phục vụ các học phần lý thuyết cũng như các

học phần thực tập, thực tế của SV, phù hợp với định hướng ứng dụng của Nhà trường, giúp tăng cường ứng dụng lý thuyết vào thực tế và góp phần cải tiến việc dạy và học ngành TC-NH.

3. Điểm tồn tại

Trong các đề tài NCKH do GV ngành TC-NH thực hiện chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về việc cải tiến phương pháp dạy học trong ngành TC-NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường thực hiện các đề tài NCKH về việc cải tiến phương pháp dạy học trong ngành TC-NH.	Khoa TC-NH & QTKD, GV ngành TC-NH.	Giai đoạn 2020 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Khuyến khích các nghiên cứu mang tính thời sự và cấp thiết liên quan tới lĩnh vực TC-NH, phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học.	Khoa TC-NH & QTKD	Giai đoạn 2020 - 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này đối với CLĐT, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích từ đó thường xuyên đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của GV và SV trong Trường giai đoạn 2015-2020 [H10.10.05.01].

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, sự phục vụ của đội ngũ cán bộ nhân viên và các dịch vụ hỗ trợ khác) được Nhà trường giám sát, đánh giá thông qua các đợt khảo sát ý kiến của

SV năm cuối về chất lượng CTĐT (13 tiêu chí) **[H10.10.05.02]**. Kết quả khảo sát SV năm cuối trong năm học 2018 - 2019 cho thấy: tỷ lệ SV ngành TC-NH *rất hài lòng và hài lòng* về CSVC, các hoạt động hỗ trợ, môi trường, cảnh quan chiếm tỷ trọng cao **[H10.10.05.03]**. Kết quả khảo sát này sẽ là căn cứ quan trọng để cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của SV trong các năm tiếp theo.

Cùng với việc khảo sát đối tượng là SV năm cuối, Nhà trường cũng thực hiện việc khảo sát sự hài lòng SV đối với các hoạt động hỗ trợ đào tạo và sự hài lòng của GV đối với hoạt động hỗ trợ của viên chức các khoa, phòng, viện, trung tâm tại Nhà trường để có được thông tin toàn diện hơn và kết quả khảo sát cho thấy, GV và người học khá hài lòng về sự phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích **[H10.10.05.04]** **[H10.10.05.05]**.

Nhằm đảm bảo tính chất sâu sát và thường xuyên cập nhật thông tin phản hồi, hàng tháng Nhà trường luôn duy trì chế độ sinh hoạt lớp vào tiết cuối ngày thứ 6 của tuần cuối cùng mỗi tháng. Trong các buổi sinh hoạt lớp này, các ý kiến phản hồi của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích sẽ được ghi vào biên bản sinh hoạt lớp. Phòng CTCT và SV sẽ tập hợp các ý kiến phản hồi của SV và phản ánh trong cuộc họp giao ban để Nhà trường kịp thời sửa chữa hoặc nâng cấp chất lượng các dịch vụ và tiện ích **[H10.10.05.06]**. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo Khoa cũng thường xuyên tổ chức các cuộc họp với các lớp trưởng, bí thư, chi hội trưởng các lớp để tập hợp các ý kiến phản hồi của SV và sau đó phản ánh trong các cuộc họp giao ban của Nhà trường **[H10.10.05.07]**.

Sau khi nhận được kết quả đánh giá mức độ hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích từ các cuộc khảo sát kết hợp với thông tin phản ánh của Phòng CTCT & SV và Lãnh đạo các Khoa trong các cuộc họp giao ban, Nhà trường đều cử tổ công tác đến xác minh và định kỳ hàng năm Nhà trường sẽ thành lập Tổ kiểm kê tài sản cố định đến các đơn vị trong trường để kiểm tra đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới **[H10.10.05.08]**. Trong năm 2020, một trong những hoạt động cải thiện chất lượng hỗ trợ và tiện ích nổi bật của Nhà trường đó chính là việc sửa chữa CSVC, mua sắm thiết bị và phần mềm để xây dựng phòng học thông minh (Smart class) trong đó

có triển khai 1 phòng thực hành chứng khoán ảo, đáp ứng nhu cầu thực hành và giúp chuẩn bị tốt kỹ năng thực tế cho SV ngành TC-NH trong tương lai [H10.10.05.09].

Bên cạnh đó, để kịp thời đưa ra những cải tiến nhằm phục vụ người đọc được tốt hơn, hàng năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của người đọc về mức độ hài lòng đối với các hoạt động của thư viện [H10.10.05.10]. Từ đó, Nhà trường sẽ đưa ra các biện pháp nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện sau mỗi đợt khảo sát [H10.10.05.11]. Nhiều năm qua thư viện đã tiếp thu các phản hồi, đánh giá từ SV, GV của Nhà trường và từng bước nỗ lực nâng cấp về cả CSVC lẫn chất lượng phục vụ người đọc, cụ thể: Thư viện đã cải tạo và xây dựng nhằm cung cấp 700 chỗ ngồi (được quy hoạch thành các phòng tự học thoáng đãng, yên tĩnh), 1 kho sách Phòng giáo trình, 1 kho sách Phòng Đọc, 1 kho sách Phòng mượn, 1 kho Báo - Tạp chí, 2 phòng truy cập Internet với 60 máy tính kết nối mạng [H10.10.05.12]. Các tài liệu và học liệu của thư viện luôn được cập nhật và mua bổ sung theo danh mục Giáo trình tài liệu được các GV đề xuất hàng năm [H10.10.05.13]. Thêm vào đó, thư viện còn có các cơ sở dữ liệu điện tử của Trung tâm học liệu - Đại học Cần Thơ; Cơ sở dữ liệu điện tử ProQuest Central, Cơ sở dữ liệu thư viện Pháp luật online và Pháp lý khởi nghiệp tạo điều kiện tốt cho người đọc tìm kiếm tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu [H10.10.05.14].

Hệ thống CNTT luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt từ mọi đối tượng, chính vì vậy luôn được Nhà trường liên tục nâng cấp, cụ thể là các thiết bị tin học cho hệ thống phòng học, phòng thực hành phục vụ hoạt động giảng dạy [H10.10.05.15], cùng với đó Nhà trường cũng quan tâm trang bị máy tính, máy in cấu hình đồng bộ và kết nối mạng internet tốc độ cao cho các văn phòng làm việc của trường; các hoạt động tổ chức đào tạo của Nhà trường đều được quản lý bằng phần mềm [H10.10.05.16]. Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường đã triển khai lắp đặt hệ thống wifi cho tất cả các phòng làm việc, thư viện, giảng đường và ký túc xá [H10.10.05.17]; Nhà trường đã ký hợp đồng với công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện phần mềm Cổng thông tin điện tử, phần mềm đồng bộ dữ liệu E-Learning, phần mềm Tạp chí Khoa học online, phần mềm quản trị nhân sự và phần mềm kế toán thù lao giảng dạy [H10.10.05.18]. Ý kiến phản hồi của người học, GV trong các đợt khảo sát hàng năm chính là cơ sở xác đáng để Nhà trường ký kết hợp đồng với các công ty cung cấp dịch vụ [H10.10.05.19].

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của SV về điều kiện CSVC phục vụ trực tiếp cho việc học, Nhà trường luôn có những cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ và tiện ích khác. Cụ thể, năm học 2018 - 2019, Nhà trường triển khai việc lắp đặt thêm máy lọc nước sạch tại các giảng đường, nhà luyện tập thể dục thể thao, trạm y tế, thư viện [H10.10.05.20]. Bộ phận giữ xe của Nhà trường cũng đã ứng dụng CNTT trong việc theo dõi xe ra vào Trường [H10.10.05.21]. Các dịch vụ hỗ trợ khác trong Nhà trường như căn tin ký túc xá, quầy tạp hóa... Nhà trường đều tổ chức đấu giá công khai và rộng rãi qua Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản nhằm đảm bảo giá cả và chất lượng phục vụ cho SV [H10.10.05.22].

2. Điểm mạnh

CSVC, trang thiết bị trong phòng học được thường xuyên nâng cấp và sửa chữa, đáp ứng tương đối tốt nhu cầu dạy và học của GV và SV trong Trường. Nhà trường đã quan tâm đầu tư hệ thống mạng Wifi phủ sóng toàn trường. Nguồn tài liệu tham khảo ở thư viện được bổ sung hàng năm cùng với đó các phòng thực hành từng bước được hiện đại hóa và trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết. Các dịch vụ hỗ trợ khác luôn được Nhà trường quan tâm, tiếp thu ý kiến phản hồi của GV và SV để kịp thời khắc phục, nâng cấp, sửa chữa.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống máy chiếu và âm thanh trong các phòng học đôi khi gặp trục trặc trong quá trình sử dụng. Chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực trong Nhà trường còn yếu. Thêm vào đó còn thiếu các cơ sở dữ liệu chuyên ngành TC-NH để phục vụ hoạt động nghiên cứu của cả GV và SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần tiến hành rà soát và sửa chữa hoặc mua mới máy chiếu cùng với việc nâng cao chất lượng mạng Wifi phủ sóng toàn trường. Đầu tư mua tài khoản các	Trường ĐHQN	Giai đoạn 2020 - 2025	

		<p> cơ sở dữ liệu quốc tế để phục vụ tốt hơn việc NCKH của khối ngành kinh tế nói chung và ngành TC-NH nói riêng.</p>			
2	Phát huy điểm mạnh	<p> Cần tiếp tục hiện đại hóa CSVC phòng học, thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ SV. Tiếp tục sửa chữa và nâng cấp các dịch vụ hỗ trợ khác để SV yên tâm sinh hoạt và học tập.</p>	<p> Trường ĐHQN</p>	<p> Giai đoạn 2020 - 2025</p>	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

KT&BDCL là những công tác cực kỳ quan trọng để cải thiện và nâng cao CLĐT, đặc biệt là trong bối cảnh Nhà nước chấp nhận một mức độ tự chủ cao hơn cho các trường đại học. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác KT&BDCL đối với sự phát triển của Nhà trường, Hiệu trưởng Trường ĐHQN đã ban hành Quyết định số 1301/QĐ-ĐHQN ngày 23 tháng 10 năm 2009 tách bộ phận KT&BDCL ra khỏi Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học để thành lập Phòng KT&BDCL. Phòng KT&BDCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, đảm bảo và kiểm định CLĐT cho Nhà trường; đồng thời là đơn vị nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề đảm bảo CLĐT. Hiện nay, Phòng KT&BDCL là đầu mối để tổ chức triển khai công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục; phối hợp với các khoa thực hiện công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT; lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV, của SV năm cuối về chất lượng ngành đào tạo; tập huấn về đảm bảo chất lượng giảng dạy cho GV, viên chức Nhà trường; tham dự các khóa tập huấn về hoạt động kiểm định chất lượng do Bộ GD&ĐT, các trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức... [H10.10.06.01].

Việc khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức. Năm 2013, Nhà trường đã chính thức ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV. Văn bản này đã giúp xác định rõ ý nghĩa, mục đích, đối tượng của khảo sát cũng như nội dung, công cụ, phương pháp, quy trình thu thập, sử dụng thông tin phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan [H10.10.06.03]. Sau nhiều năm thực hiện các khảo sát nhằm thu thập ý kiến phản hồi từ SV và rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quan trọng, Phòng KT&BDCL đã thực hiện đề tài NCKH cấp Trường: “*Xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV và về chất lượng ngành học tại Trường Đại học Quy Nhơn*” trong năm 2013 để giúp nâng cao chất lượng công tác thu thập thông tin phản hồi của SV qua Hệ thống khảo sát trực tuyến. Kết quả thực tiễn của đề tài đã chính thức xây dựng được phương thức khảo sát có tính hệ thống, khoa học với hình thức khảo sát online trên trang web của Phòng KT&BDCL [H10.10.06.04]. Tuy nhiên qua một vài đợt khảo sát thực tế, bên cạnh những thuận lợi, phương pháp khảo sát hoạt động giảng dạy online qua phần mềm cũng bộc lộ nhiều mặt hạn chế như tỷ lệ SV tự nguyện tham gia khảo sát thấp, hệ thống máy chủ chưa đáp ứng được truy cập đồng thời với vài trăm SV khảo sát... Sau khi tiến hành thực hiện các giải pháp nhằm cải tiến hệ thống khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, định kỳ hàng năm Phòng KT&BDCL đều có văn bản báo cáo đánh giá về công tác khảo sát cùng với các đề xuất, kiến nghị Nhà trường cải tiến công tác này trong thời gian tiếp theo [H10.10.06.05].

Một bước phát triển cao hơn đã được thực hiện vào năm học 2017 - 2018, Nhà trường đã quyết định trang bị phần mềm khảo sát ý kiến phản hồi E-survey tích hợp cùng với phần mềm Quản lý đào tạo để khắc phục các nhược điểm của cách thức khảo sát qua phần mềm trước đó. Kết quả là, công tác thu thập thông tin phản hồi đã được cải tiến tốt hơn, có tính hệ thống và đạt hiệu quả cao hơn [H10.10.06.06]. Bên cạnh đó, nhằm cung cấp một văn bản chính thức giúp đảm bảo việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học; phương pháp đa dạng; công cụ khảo sát có độ tin cậy cao, nội dung được cập nhật; có thể đối sánh được ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường đã thông qua việc ban hành “*Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN*” vào năm 2018. Văn bản

này cũng quy định cụ thể mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN về chất lượng hoạt động giảng dạy; CTĐT, CDR; tình hình việc làm; các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đào tạo một cách rõ ràng, cụ thể và công khai minh bạch [H10.10.06.07]. Ngoài ra, hệ thống bảng hỏi luôn có sự điều chỉnh phù hợp nhằm thu thập được các thông tin chuẩn xác và phù hợp nhất phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường nói chung và công tác cải tiến CTĐT và CTDH của ngành TC-NH nói riêng. Nhằm đảm bảo thu thập được nhiều thông tin có tính chất toàn diện và cập nhật nhất, Nhà trường còn tiếp nhận ý kiến phản hồi của SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, các buổi đối thoại giữa SV với Lãnh đạo Trường, Lãnh đạo Khoa... [H10.10.06.08].

Trong quá trình điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành TC-NH, Khoa còn tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua các cuộc họp giữa các GV thuộc ngành TC-NH và tại các hội thảo [H10.10.06.09]. Kết quả phản hồi của các bên liên quan đã được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT, khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh CDR... [H10.10.06.10] [H10.10.06.11] [H10.10.06.12]; cải tiến các hoạt động hỗ trợ và tiện ích khác nhằm nâng cao CLĐT ngành TC-NH [H10.10.06.12] [H10.10.06.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xác định được cơ quan chuyên trách thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan là Phòng KT&BDCL. Ngoài ra, Nhà Trường đã ban hành được các quy định bằng văn bản giúp hướng dẫn cụ thể về cơ chế thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đảm bảo tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên. Hệ thống phần mềm hỗ trợ việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đảm bảo tính hệ thống và khoa học. Nội dung các Phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV và CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật từ đó kết quả phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và có sự điều chỉnh, cải tiến.

3. Điểm tồn tại

SV tham gia khảo sát của Nhà trường còn chưa tập trung và giành đủ thời gian để đọc và trả lời chính xác nội dung câu hỏi dẫn đến kết quả khảo sát về hoạt động giảng dạy và CTĐT chưa đạt được hiệu quả như mong đợi. Bên cạnh đó, Khoa chưa

thường xuyên liên lạc để thu thập thông tin hoặc tổ chức hội thảo nhằm lấy ý kiến phản hồi từ các đơn vị sử dụng lao động, cựu SV và chuyên gia để kịp thời nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trong các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi sinh hoạt lớp cần nhấn mạnh vai trò của việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đối với chất lượng giảng dạy của GV và CTĐT, chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích... để SV chú tâm hơn vào việc thực hiện khảo sát. Cần thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, hội nghị để kết nối với cựu SV, chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động để thu thập được nhiều thông tin phản hồi cần thiết.	Phòng CTCT và SV, Khoa TC-NH & QTKD	Giai đoạn 2020 -2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật và tinh chỉnh bảng hỏi để thu thập được nhiều thông tin phản hồi giá trị. Cải tiến phương pháp thu thập và nâng cấp phần mềm E-survey để đạt được hiệu quả cao hơn trong công tác thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan.	Phòng KT&BĐCL, Trường ĐHQN	Giai đoạn 2020 -2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN luôn tuân thủ kế hoạch thực hiện các công việc nhằm đảm bảo và nâng cao CLĐT ngành TC-NH. Cụ thể: (i) Việc thiết kế và phát triển CTDH của ngành TC-NH được dựa trên cơ sở thu thập thông tin phản hồi từ phía cán bộ quản lý, GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng thông qua các phiếu điều tra khảo sát nhằm đáp ứng CĐR. (ii) Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành ngành TC-NH được thực hiện đúng quy trình, quy định có sự rà soát, đánh giá và thường xuyên cải tiến theo định kỳ dựa vào phản hồi của nhiều bên liên quan. (iii) Quy trình dạy và học được kiểm tra và đánh giá thường xuyên, chặt chẽ, nghiêm túc và được tiến hành định kỳ hàng năm. Quá trình đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát, đánh giá thường xuyên thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. (iv) Kết quả NCKH của GV cũng như SV Khoa TC-NH & QTKD được áp dụng vào việc thiết kế các nội dung giảng dạy hoặc làm tài liệu phục vụ các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực tập, thực tế của SV góp phần cải tiến việc dạy và học ngành TC-NH. (v) Nhìn chung, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt; (vi) Sau khi có ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường, Khoa và Bộ môn luôn có sự cải tiến về CTĐT và CSVC.

Để không ngừng đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT, Khoa TC-NH & QTKD sẽ có hành động thiết thực nhằm khắc phục một số tồn tại: (i) Thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan thông qua các phiếu điều tra khảo sát một cách thường xuyên; (ii) Thiết kế và xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần và tiến hành đánh giá mức độ phù hợp của đề thi; (iii) Tăng cường thực hiện các đề tài NCKH về việc cải tiến phương pháp dạy học trong ngành TC-NH. (iv) Mua tài khoản các cơ sở dữ liệu quốc tế có các dữ liệu liên quan tới tài chính để phục vụ tốt hơn việc NCKH của khối ngành kinh tế nói chung và ngành TC-NH nói riêng; Tiến hành rà soát chất lượng các thiết bị ở giảng đường và thay thế những thiết bị hỏng, nâng cao tốc độ truy cập mạng internet; (v) Trong các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi sinh hoạt lớp cần nhấn mạnh vai trò của việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi đối với SV; thường

xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, hội nghị để kết nối với cựu SV, chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động để thu thập được nhiều thông tin phản hồi cần thiết.

Tiêu chuẩn 10 có 4 tiêu chí đạt mức 6/7 và 2 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Tính tới năm 2020, Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN hiện đang tổ chức đào tạo 01 ngành trình độ Thạc sĩ và 4 ngành trình độ Đại học với số lượng học viên và SV đông đảo nhất toàn trường. Nhận thức được khâu đánh giá kết quả đầu ra chính là thước đo quan trọng thể hiện CLĐT, Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD đã xây dựng hệ thống quản lý thông tin quá trình đào tạo, phân tích, thống kê và đo lường sự hài lòng của SV, GV và các bên liên quan làm cơ sở đánh giá chính xác kết quả đầu ra từ đó đảm bảo, nâng cao chất lượng giảng dạy và cải tiến CTĐT của Khoa và Nhà trường. Ngoài sự quan tâm tới việc tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và số lượng SV có việc làm để làm cơ sở cho việc cải tiến CLĐT, nâng cao sự hài lòng của người học và các bên liên quan, Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD còn quan tâm tới việc tổ chức các hoạt động NCKH của SV một cách có hệ thống và hiệu quả nhằm đảm bảo đáp ứng được các CDR của CTĐT ngành TC-NH.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để kiểm tra giám sát toàn bộ công tác giảng dạy, học tập các hệ đào tạo chính quy bậc đại học của Trường, Phòng ĐTĐH và Khoa có chức năng theo dõi tỷ lệ SV tốt nghiệp, SV thôi học hằng năm [H11.11.01.01]. Từ đó, Nhà trường nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng tiến hành đối sánh nhằm cải tiến CLĐT. Theo dõi số lượng SV tốt nghiệp, SV thôi học được tiến hành định kỳ hằng năm theo đúng Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ [H11.11.01.02].

Nhà trường đã xây dựng phần mềm quản lý hoạt động đào tạo với đầy đủ chức năng để giám sát toàn bộ quá trình đào tạo của Nhà trường [H11.11.01.03]. Việc trích xuất dữ liệu được thực hiện bởi Phòng ĐTĐH và đưa về Khoa đối sánh một cách dễ dàng, từ đó giúp cho Khoa thuận lợi trong quá trình theo dõi số lượng SV thôi học và số

lượng SV tốt nghiệp hằng năm. Dựa trên kết quả tốt nghiệp và kết quả cảnh báo học tập, Nhà trường sẽ xác định, đánh giá và đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học.

Nhà trường thành lập hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đã hoàn thành CTĐT [H11.11.01.04]; Nhà trường cũng thành lập hội đồng xét kết quả học tập của SV [H11.11.01.05]. Kết quả này được đưa về Khoa, thông qua CVHT và lớp trưởng từng lớp sẽ thông báo trực tiếp cho sinh viên và gia đình. Sinh viên bị cảnh báo sẽ bị nhắc nhở, Khoa và CVHT sẽ giúp đỡ sinh viên tìm ra cách học tập hiệu quả để cải thiện kết quả học tập. Những sinh viên thuộc diện bị thôi học sẽ được Khoa và CVHT trao đổi tìm hiểu nguyên nhân, xem xét nguyện vọng tiếp tục theo học [H11.11.01.06].

Số liệu SV tốt nghiệp, số liệu SV thôi học của ngành Tài chính ngân hàng sẽ được Khoa đối chiếu qua các năm trước, để tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục. [H11.11.1.07].

Bảng 11.1.1 cho thấy đa số SV đều tốt nghiệp đại học, một tỷ lệ nhỏ SV không hoàn thành CTĐT (năm 2015-2016 là 2,09%; năm 2016-2017 là 4,10%; năm 2017-2018 là 1,92%; năm 2018-2019 là 6,81% và năm 2019-2020 là 11,25%) do chưa tích lũy đủ số tín chỉ, thiếu điều kiện chuẩn đầu ra.

Bảng 11.1.1. Số lượng SV tốt nghiệp, thôi học ngành TC-NH

Năm học	Số lượng SV tuyển sinh	Số lượng SV hoàn thành CTĐT trong thời gian			Tổng số SV tốt nghiệp	Số lượng SV chưa hoàn thành CTĐT	Số lượng SV thôi học				Tổng số
		Dưới 4 năm	4 năm	Trên 4 năm			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4 trở đi	
2015 - 2016	430	0	369	29	398	9	17	3	3	0	23
2016 - 2017	317	0	237	46	283	13	16	4	1	0	21
2017 - 2018	156	0	94	55	149	3	3	1	0	0	4
2018 - 2019	132	0	86	30	116	9	5	1	1	0	7
2019 - 2020	151	0	94	15	109	17	20	3	2	0	25

Số lượng SV thôi học 80/1186 SV trúng tuyển chiếm tỷ lệ 6,74%, trong đó chiếm đa số là SV năm thứ nhất và năm thứ hai, nguyên nhân chủ yếu là do sự lựa

chọn ngành học không phù hợp với nhu cầu của bản thân, một số ít chuyển sang học trường khác, hoặc do nguyện vọng của gia đình. Ngoài ra, SV thôi học còn do không tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu của CTĐT.

Việc đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học chỉ mới thực hiện trong các ngành nghề đào tạo trong Nhà trường [H11.11.1.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách SV, SV thôi học, SV tốt nghiệp được kịp thời và chính xác. Việc thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học được thực hiện thường xuyên và có nhiều biện pháp hạn chế người học bị buộc thôi học, giúp người học tốt nghiệp đúng thời hạn.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ CVHT không cùng đồng hành với các lớp trong 4 năm học; CVHT chưa theo sát kế hoạch học tập của SV. Ngoài ra, người học chưa lựa chọn đúng ngành để học tập, chưa chủ động với kế hoạch học tập, chậm hoàn thành các điều kiện CDR.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tập huấn công tác CVHT, trang bị các kỹ năng cần thiết cho CVHT; Nhắc nhở CVHT cùng đồng hành với SV trong suốt quá trình học tập. Tổ chức tư vấn tuyển sinh nhằm giúp cho người học lựa chọn đúng trường, đúng ngành nghề đào tạo.	Trường ĐHQN	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Quản trị và nâng cấp hệ thống quản lý CSDL người học, cập nhật thông tin đến	Trường ĐHQN	Hằng năm	

	<p>người học kịp thời và đầy đủ.</p> <p>Xây dựng các chương trình: hướng nghiệp; lớp kỹ năng mềm; các hoạt động ngoại khoá chuyên môn,... giúp người học hăng say, yêu thích, học hỏi và bổ sung kiến thức cần thiết.</p>			
--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Phòng Đào tạo đại học và Khoa là các đơn vị theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H11.11.02.01]. Thời gian đào tạo là thời gian của một khóa đào tạo, là thời gian cần thiết cho những SV hoàn thành CTĐT của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm 2010, Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN bắt đầu thực hiện quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H11.11.02.02]. Theo đó, thời gian đào tạo trình độ cử nhân được quy định là 4 năm và thời gian tối đa hoàn thành CTĐT là 6 năm. Ngoài ra Nhà trường cũng ban hành quy định rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, trong đó có hoạt động thu thập phản hồi của người học làm cơ sở nâng cao chất lượng dạy và học nhằm rút ngắn thời gian hoàn thành CTĐT của người học [H11.11.02.03].

Bảng 11.2.1. Số lượng, tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành TC-NH

Năm học	Số lượng tuyển sinh	Số lượng SV hoàn thành CTĐT			Tổng số SV tốt nghiệp	Số lượng SV chưa hoàn thành CTĐT
		Dưới 4 năm	Đúng 4 năm	Trên 4 năm		
2015 – 2016	430	0	369	29	398	9
2016 - 2017	317	0	237	46	283	13
2017 – 2018	156	0	94	55	149	3
2018 – 2019	132	0	86	30	116	9
2019 - 2020	151	0	94	15	109	17

Khoa TC-NH & QTKD đã thực hiện việc giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV hàng năm [H11.11.02.04]. Số thống kê SV ngành TC-NH hoàn thành CTĐT cử nhân và thời gian hoàn thành chương trình của 5 khóa gần đây được thống kê theo bảng 11.2.1.

Từ số liệu cho thấy tỷ lệ SV tốt nghiệp và tốt nghiệp đúng thời hạn có xu hướng giảm trong 5 năm gần đây. Số lượng SV không hoàn thành CTĐT cũng gia tăng. Bên cạnh đó, Khoa TC-NH & QTKD cũng đã thực hiện thống kê về số lượng SV thôi học qua từng năm học trong CTĐT [H11.11.02.05].

Bảng 11.2.2. Số lượng, tỷ lệ SV thôi học qua từng năm

Năm học	Số lượng tuyển sinh	Số lượng SV thôi học				
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4 trở đi	Tổng
2015 – 2016	430	17	3	3	0	23
2016 - 2017	317	16	4	1	0	21
2017 – 2018	156	3	1	0	0	4
2018 – 2019	132	5	1	1	0	7
2019 - 2020	151	20	3	2	0	25

Khoa TC-NH & QTKD đã tổ chức hội thảo “*Cải tiến phương pháp dạy và học, đánh giá người học theo CDR; đánh giá kết quả học tập và tốt nghiệp của SV*” để tìm hiểu nguyên nhân và tìm ra giải pháp cải thiện tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.06]. Nguyên nhân chính giải thích cho việc tỷ lệ người học hoàn thành CTĐT đúng thời hạn thấp là do người học chưa tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu của CTĐT. Một nguyên nhân khác là trong quá trình đào tạo, một số SV bảo lưu kết quả học tập nên khi tiếp tục học lại đã bị lệch một số học phần do sự thay đổi CTĐT (CTĐT năm 2010 với CTĐT năm 2015 và 2019). Vì vậy, SV gặp khó khăn trong việc tìm học phần thay thế phù hợp để đảm bảo đủ số lượng tín chỉ yêu cầu trong CTĐT. Sau khi phân tích, tìm hiểu các nguyên nhân, Nhà trường và Khoa đã xây dựng, triển khai một số giải pháp nhằm hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng thời hạn như: thường xuyên cung cấp thông tin về hệ thống đào tạo tín chỉ, thông báo tới SV có nguy cơ chậm tiến trình, nhanh chóng cập nhật điểm số của SV qua hệ thống tài khoản của SV; lập danh

sách SV bị cảnh cáo kết quả học tập và báo về gia đình thông qua CVHT để nhắc nhở và nâng cao ý thức học tập của những SV có điểm số tích lũy thấp [H11.11.02.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thường xuyên tổ chức các học kỳ phụ, mở thêm các lớp ôn tập với sĩ số ít để tạo điều kiện cho SV cải thiện điểm số, ra trường đúng thời hạn [H11.11.02.08]. Theo quy định của Nhà trường, Khoa cũng đã thực hiện phân công những GV có kinh nghiệm và am hiểu về chuyên ngành để làm CVHT [H11.11.02.09]. Việc phân công CVHT phù hợp với chuyên ngành và có trách nhiệm cung cấp các hỗ trợ giá trị về chuyên môn và tạo động lực cho SV trong học tập. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường lập danh sách sinh viên bị cảnh cáo học vụ và Khoa thông báo đến phụ huynh SV để người học nâng cao ý thức học tập và chuẩn bị cho việc học cải thiện học phần. Hằng năm, Nhà trường đều phát hành sổ tay SV để SV nắm rõ quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ mới nhất từ đó chủ động trong việc học và hoàn thành chứng chỉ tin học, chứng chỉ tiếng anh để đạt yêu cầu tốt nghiệp [H11.11.02.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có bộ phận chuyên trách giám sát thời gian tốt nghiệp có nhiệm vụ theo dõi, thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học. Nhà trường và Khoa đã thực hiện nghiên cứu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm, từ đó đề ra nhiều giải pháp để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá kế tiếp.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường và Khoa chưa thường xuyên tổ chức đánh giá mức độ hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ người học. Do đó, Nhà trường và Khoa chỉ thực hiện một số biện pháp nhất định nên chưa có sự cải thiện, đổi mới, bổ sung giải pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian hoàn thành CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Theo dõi, đánh giá các biện pháp đã thực hiện để đo lường mức độ hiệu quả.	Nhà trường; Khoa TC-NH & QTKD	Cuối mỗi năm học	

		Đồng thời nghiên cứu, tham khảo để cải thiện, đổi mới giải pháp hỗ trợ người học.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục giám sát số lượng SV tốt nghiệp hàng năm, mở rộng các thông tin bảo lưu về người học như: các môn có tỉ lệ học lại cao, nguyên nhân người học chưa hứng thú với việc học vượt tiến độ.	Nhà trường; Khoa TC-NH & QTKD	Cuối mỗi năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mục tiêu của GDDH là cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để sau khi tốt nghiệp họ được làm việc theo đúng chuyên môn và nguyện vọng đã học. Chính vì thế việc giám sát, theo dõi, đo lường số lượng SV sau khi tốt nghiệp có việc làm là một công việc quan trọng để thể hiện chất lượng CTĐT. Nhận thức được tầm quan trọng đó Trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng đã tổ chức công tác giám sát về vấn đề việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Về phía Nhà trường, từ năm học 2010 - 2011, Nhà trường đã ra quyết định thành lập Trung tâm HTSV & QHDN [H11.11.03.01]. Cùng với đó là Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm HTSV & QHDN có sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ theo nhu cầu thực tiễn [H11.11.03.02]. Trung tâm có chức năng tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV về học tập, định hướng nghề nghiệp, hỗ trợ tìm kiếm việc làm; lưu trữ thông tin người học tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm... [H11.11.03.03]. Ngoài ra Nhà trường đã thành lập Ban liên lạc Cựu SV để làm đầu nối trao đổi thông tin và hỗ trợ giữa Nhà trường và cựu SV [H11.11.03.0].

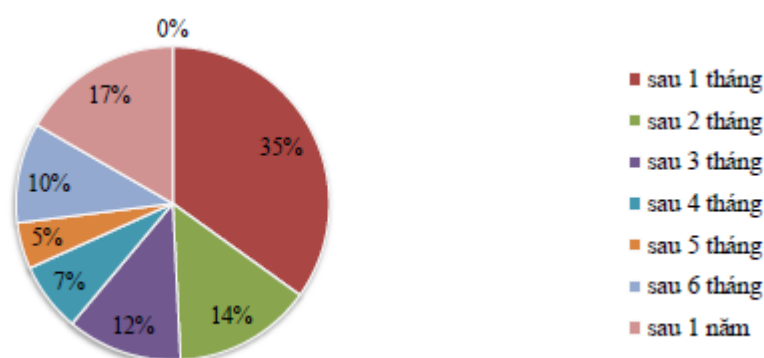
Công tác khảo sát thông tin việc làm của SV sau khi tốt nghiệp luôn được Nhà trường và Khoa quan tâm, lên kế hoạch thực hiện định kỳ. Việc khảo sát việc làm của SV được tiến hành bằng nhiều hình thức khảo sát khác nhau như: khảo sát trực tiếp,

khảo khác trực tuyến, gửi thư điện tử, gọi điện... [H11.11.03.05]. Từ năm 2015 đến nay, các dữ liệu về SV tốt nghiệp, dữ liệu về người học có việc làm được giám sát bởi Nhà trường đều được lưu trữ tại Trung tâm HTSV & QHDN, đồng thời đăng tải lên website của Nhà trường, công bố các báo cáo. Ngoài ra, các dữ liệu này cũng được cập nhật vào hệ thống dữ liệu của Bộ GD&ĐT theo đúng quy định [H11.11.03.06]. Sau mỗi đợt khảo sát, Trung tâm HTSV & QHDN đều tổng hợp kết quả gửi về các Khoa [H11.11.03.07].

Bảng 11.3.1. Số lượng, tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm

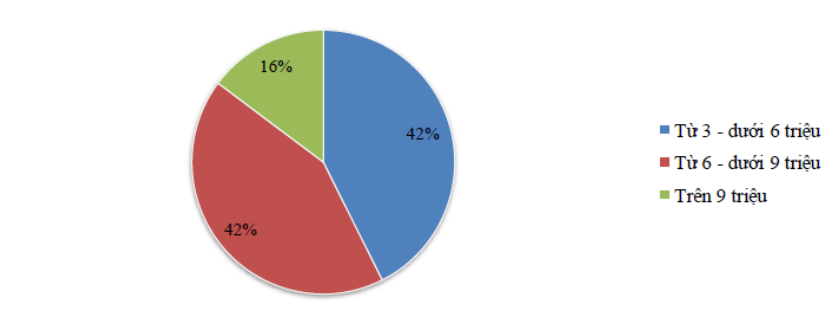
Khóa (năm tốt nghiệp)	Số lượng điều tra	Số lượng cựu SV có việc làm	Tỷ lệ có việc làm
34 (2015)	421	313	74%
35 (2016)	219	210	96%
37 (2018)	76	75	99%

Về phía Khoa TC-NH & QTKD thường xuyên thực hiện các cuộc điều tra, giám sát cựu SV sau khi tốt nghiệp và các tổ chức sử dụng lao động để nghiên cứu, phân tích tìm ra các giải pháp nâng cao chất lượng chương trình giảng dạy và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cần thiết cho SV. Hai cuộc điều tra với quy mô lớn đã được thực hiện vào 2015 và 2017 với bảng câu hỏi đã được nghiên cứu, tổng hợp từ các nghiên cứu trước đó về CLĐT đại học [H11.11.03.08]. Dựa trên kết quả điều tra, khảo sát, các GV trong Khoa đã nghiên cứu và viết các báo cáo, tổ chức hội thảo nâng cao CLĐT [H11.11.03.09]. Theo kết quả khảo sát, số lượng SV ngành TC-NH nhận được việc làm sau một tháng chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 35% (44/126 SV), số lượng SV nhận được việc làm sau 1 năm là 17% (21 người).



Hình 11.3.1: Thời gian SV nhận được việc làm sau khi ra trường năm 2017

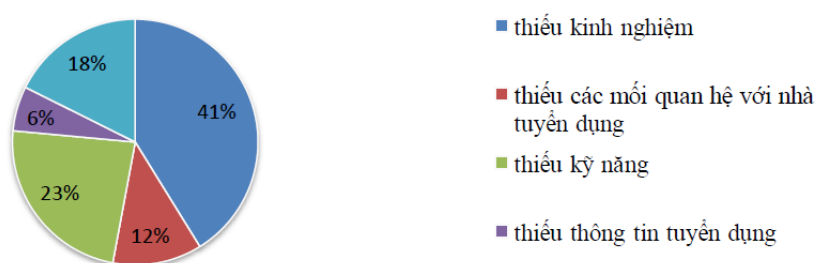
Theo giám sát, 16% cựu SV có thu nhập trên 9 triệu đồng và 42% cựu SV có thu nhập từ 6 đến 9 triệu đồng thể hiện sự thích ứng của cựu SV đối với nhu cầu thị trường lao động là khá tốt (Hình 11.3.2).



Hình 11.3.2: Mức thu nhập bình quân của cựu SV năm 2017

Trong các báo cáo hội thảo, báo cáo viên cũng đã nêu ra các nguyên nhân chính khiến cho cựu SV chưa có việc làm (Hình 11.3.3). Các nguyên nhân này đã được phân tích, đối chiếu với CTĐT để xây dựng phương án hoàn thiện năng lực thích ứng của SV ngành TC-NH. Tuy nhiên, Nhà trường và Khoa chưa việc đối sánh giữa các CTĐT trong với cùng hình thức đào tạo, hoặc đối sánh với các CTĐT của các tổ chức giáo dục khác.

Ngoài ra, Khoa cũng đã khảo sát, nghiên cứu các doanh nghiệp để đo lường nhu cầu tuyển dụng của xã hội, đồng thời xây dựng đánh giá khách quan đối với CTĐT và chất lượng SV sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.08], [H11.11.03.09].



Hình 11.3.3 : Nguyên nhân SV chưa có việc làm

Nhà trường cũng tổ chức các chương trình “Ngày hội việc làm” thường niên với sự tham gia của đông đảo doanh nghiệp trong khu vực [H11.11.03.10]. Chương trình giúp SV tiếp cận môi trường làm việc, nhà tuyển dụng, tạo điều kiện cho SV có cơ hội tìm được việc làm phù hợp với ngành đã đào tạo, xây dựng mối quan hệ lâu dài giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa

TC-NH & QTKD liên tục tổ chức các hoạt động định hướng nghề nghiệp, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm từ các diễn giả, doanh nhân và nhà tuyển dụng củng cố niềm đam mê với nghề, nâng cao kỹ năng mềm cho SV [H11.11.03.11]. Các chương trình liên kết, phối hợp đào tạo và tuyển dụng với các doanh nghiệp luôn được chú trọng để phát triển năng lực cho SV theo nhu cầu của nhà tuyển dụng và mở rộng cơ hội tuyển dụng của SV khi ra trường [H11.11.03.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có đơn vị chuyên trách lưu trữ danh sách người học tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, đơn vị công tác. Công tác khảo sát việc làm của SV được tiến hành nghiêm túc, kết quả thu được chính xác, tin cậy góp phần điều chỉnh, cập nhật CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội. Bên cạnh đó, Khoa TC-NH & QTKD đã đầu tư nghiêm túc cho các nghiên cứu về cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động và nhu cầu lao cầu thực tiễn trên địa bàn. Tỷ lệ cựu SV có việc làm luôn ở mức cao và ổn định, chất lượng SV tốt nghiệp được các doanh nghiệp đánh giá tốt. Ngoài ra, Khoa đã thành lập kênh liên kết với cựu SV để nắm bắt tình hình và hỗ trợ trong một số hoạt động sau tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Công việc giám sát, phân tích dữ liệu về tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên. Công tác số hóa và lưu trữ dữ liệu sau khi điều tra, phân tích còn hạn chế khiến cho một số dữ liệu bị thất lạc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phân công nhiệm vụ cho một bộ phận cụ thể thực hiện thường niên các công việc xây dựng tiêu, khảo sát, phân tích tình hình có việc làm của cựu SV. Mở rộng điều tra khảo sát các nhà	Trung tâm HTSV & QHDN	Tháng 12 hằng năm	

		tuyển dụng lao động.			
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy các mối quan hệ hiện tại với các doanh nghiệp để liên tục nắm bắt tình hình thực tiễn nhu cầu của nhà tuyển dụng.	Khoa TC-NH & QTKD	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Bên cạnh nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy thì Trường ĐHQN cũng rất xem trọng hoạt động NCKH, đặc biệt là NCKH SV, bởi lẽ các kết quả trong hoạt động NCKH của người học sẽ giúp hoạt động dạy và học mang tính thiết thực hơn. Hàng năm, Nhà trường đều có công văn gửi về các khoa về việc đăng ký tham gia tuyển chọn đề tài NCKH SV và danh mục số lượng đề tài NCKH SV phân bổ cho các khoa [H11.11.04.01]. Số lượng đề tài NCKH SV từng năm phân bổ cho các khoa được xác định dựa trên số lượng SV đang tham gia học tập tại từng khoa trong năm đó. Nhà trường chưa có kế hoạch hay chiến lược dài hạn đối với NCKH cho SV. Về cấp độ khoa, vì đây là hoạt động thường niên nên trước khi có công văn triển khai của Nhà trường khoảng 3 tháng, lãnh đạo Khoa TC-NH & QTKD đã triển khai cho toàn thể GV và SV trong khoa việc lựa chọn nhóm nghiên cứu cũng như định hướng đề tài nghiên cứu, từ đó có sự chuẩn bị kỹ hơn cho hoạt động NCKH SV của Khoa. Tuy nhiên, với đặc thù ngành nghề nên hoạt động NCKH chỉ tập trung vào các SV đang học năm 3 và năm 4, vì từ kỳ 6 trong CTĐT các chuyên ngành mới được phân ra, khi đó người học mới có thể định hướng tốt lĩnh vực nghiên cứu của mình. Ngoài ra, chỉ tiêu số lượng đề tài nghiên cứu cũng được phân bổ cho từng bộ môn trong Khoa nhằm đảm bảo sự đồng bộ hoạt động nghiên cứu giữa các chuyên ngành với nhau [H11.11.04.02].

Dựa vào danh mục đề tài được Hội đồng Khoa xét chọn và số lượng đề tài phân bổ cho từng khoa, Nhà trường phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho từng nhóm SV thực

hiện đề tài. Trong giai đoạn 2015-2020, có tổng cộng 202 SV ngành TC-NH đăng ký tham gia NCKH cấp Trường với tổng số đề tài là 56 và kinh phí được duyệt là 85,61 triệu đồng, trong đó, năm học 2015-2016: 12 đề tài, tổng kinh phí: 20,5 triệu đồng; năm học 2016-2017: 07 đề tài, tổng kinh phí: 13,65; năm học 2017-2018: 10 đề tài, tổng kinh phí: 19,5; năm học 2018-2019: 10 đề tài, tổng kinh phí: 19,76 triệu đồng; năm học 2019-2020: 05 đề tài, tổng kinh phí: 12,2. Nội dung các đề tài NCKH của SV ngành TC-NH chủ yếu tập trung theo hướng ứng dụng, giải quyết các vấn đề vừa có tính chất thời sự vừa đảm bảo chuyên sâu về mặt chuyên môn trong lĩnh vực TC-NH, phù hợp với khả năng của người học. Ngoài ra, nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH của SV, hàng năm dựa trên cân đối quỹ hoạt động, Khoa TC-NH & QTKD cũng thực hiện hỗ trợ thêm kinh phí trong việc biên soạn và đăng các bài báo khoa học của các nhóm SV nghiên cứu **[H11.11.04.03]**.

Trong quá triển khai thực hiện đề tài, Nhà trường đưa ra văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện đề tài. Định kỳ các khoa phải nộp báo cáo tình hình thực hiện đề tài về Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế nhằm đôn đốc việc thực hiện đề tài cũng như theo dõi, giám sát tiến độ và sản phẩm đạt được. Ngoài ra, trước khi đến thời gian nghiệm thu đề tài cấp Trường, Nhà trường thông báo đến các trường khoa về việc tổ chức hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH SV cấp Khoa để làm căn cứ xét chọn các đề tài tham gia giải thưởng “SV NCKH cấp Trường” hàng năm **[H11.11.04.04]**.

Nhìn chung, hoạt động NCKH của SV ngành TC-NH trong giai đoạn 2015-2020 đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Trong giai đoạn 2015-2020, ngành TC-NH có 02 đề tài SV đăng ký tham gia NCKH cấp Bộ và đều đạt giải; một khoá luận tốt nghiệp của SV bảo vệ thành công là sản phẩm đề tài nghiên cứu cấp Bộ do nhóm GV ngành TC-NH thực hiện **[H11.11.04.05]**. Đối với NCKH cấp Trường, trước khi đến thời hạn nghiệm thu đề tài theo quy định của Nhà trường khoảng 4 tuần, Khoa tổ chức nghiệm thu đề tài NCKH của SV cấp Khoa. Dựa trên cơ sở đánh giá của từng hội đồng, Khoa xếp loại và đề xuất danh mục đề tài tham gia tuyển chọn cấp Trường **[H11.11.04.06]**. Hầu hết các đề tài được Khoa đề xuất đều đạt giải thưởng “SV NCKH cấp Trường” ở các năm **[H11.11.04.07]**. Sau đây là bảng thống kê đề tài NCKH đạt giải các cấp của SV chuyên ngành TC-NH.

Bảng 11.4.1. Thống kê đề tài NCKH của SV ngành TC-NH đạt giải các cấp

	Cấp Trường			Cấp Bộ		
	Nhất	Nhì	Ba	Nhất	Nhì	Ba
2015	1	1	2			
2016	1	1	2			1
2017	1		1		1	
2018	1	1	1			
2019		1	1			
2020		1	1			

Sau khi lập hội đồng đánh giá bình chọn đề tài nghiên cứu theo từng khối ngành, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV để tổng kết đánh giá hoạt động NCKH của SV thực hiện trong năm học và khen thưởng các SV đạt giải vì có thành tích tốt trong NCKH. Trong báo cáo tổng kết, từ tình hình hoạt động NCKH của SV trong năm học đã xác định những thành tựu đạt được và một số hạn chế còn tồn đọng. Căn cứ trên kết quả đánh giá, báo cáo đề xuất giải pháp và phương hướng hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH SV theo hướng phù hợp với khả năng và trình độ của SV, phù hợp với CTĐT và nhu cầu thực tiễn của xã hội [H11.11.04.08]. Đây cũng là thời điểm để Nhà trường công bố Kỷ yếu Hội nghị NCKH SV làm công trình lưu giữ về thành tựu NCKH SV ở từng năm [H11.11.04.09].

Ngoài ra, thông qua Hội nghị, Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả NCKH SV giữa năm học hiện tại với các năm học trước về kết quả dự thi Giải thưởng “SV nghiên cứu khoa học cấp Bộ”, tổng số lượng đề tài NCKH SV toàn Trường, số lượng đề tài nghiên cứu giữa các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật & Công nghệ, Khoa học Xã hội - Nhân văn; số lượng đề tài nghiệm thu, số lượng đề tài đạt giải thưởng của các lĩnh vực đào tạo trong Nhà trường [H11.11.04.10]. Đây chính là cơ sở quan trọng để Khoa TC-NH & QTKD cũng như các khoa khác trong Nhà trường đánh giá kết quả NCKH SV của Khoa, từ đó có hướng phân đầu nhằm nâng cao chất lượng NCKH SV của Khoa trong những năm tới.

Trong giai đoạn 2015-2020, Nhà trường và Khoa chưa có các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người

học. Việc lựa chọn nhóm nghiên cứu cũng như đề tài nghiên cứu chỉ dựa trên cơ sở thống nhất giữa giảng viên hướng dẫn và sinh viên, căn cứ vào hướng nghiên cứu chuyên sâu của giảng viên và chuyên ngành sinh viên được đào tạo.

2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học đã được xác lập dựa trên kế hoạch hoạt động hàng năm. Bên cạnh đó, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học được giám sát định kỳ trong suốt quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu. Cuối cùng có thể thấy, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học được đối sánh giữa các lĩnh vực nghiên cứu trong Nhà trường nhằm cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường và Khoa chưa xây dựng kế hoạch/chiến lược NCKH để xác lập các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học ngành TC-NH tương thích với mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn và CDR của CTĐT. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa chưa thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học với các cơ sở giáo dục khác trong nước và quốc tế. Cuối cùng có thể thấy Nhà trường và Khoa chưa có các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch/chiến lược NCKH để xác lập các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học ngành TC-NH tương thích với mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn và CDR của CTĐT. Thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm	

		của người học với các cơ sở giáo dục khác trong nước và quốc tế (tập trung đối sánh với các cơ sở giáo dục có CTĐT được Khoa sử dụng để đối sánh, tham khảo khi xây dựng, rà soát CTĐT của mình). Đưa ra các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xác lập loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học hàng năm. Giám sát định kỳ loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học. Đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học giữa các lĩnh vực nghiên cứu trong Nhà trường.	Trưởng ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Với đặc thù ngành đào tạo hiện nay của Khoa thì việc đáp ứng mức độ hài lòng của các bên có liên quan là căn cứ quan trọng để duy trì, cải tiến chất lượng CTĐT cũng như hoạt động NCKH nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học và nhu cầu của các đơn vị tuyển dụng. Theo quy định của Nhà trường, Phòng KT&BDCL là đơn vị chuyên trách được giao nhiệm vụ khảo sát, đánh giá sự hài lòng của các đối tượng

liên quan đến CTĐT hàng năm **[H11.11.05.01]**, **[H11.11.05.02]**. Nhà trường đã ban hành văn bản về quy định và tổ chức việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (bao gồm SV, học viên cao học và NCS, cựu SV, nhà sử dụng lao động, và GV) về chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, CTĐT, CDR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo **[H11.11.05.03]**. Quá trình lấy ý kiến phản hồi nhằm đánh giá mức độ hài lòng của các bên có liên quan được thực hiện thông qua phiếu khảo sát do Phòng KT&BDCL và các đơn vị phối hợp thực hiện và được Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường góp ý thông qua **[H11.11.05.04]**. Phần mềm được Nhà trường sử dụng trong khảo sát mức độ hài lòng của các bên có liên quan là E-survey; Google Forms; SPSS; Excel... **[H11.11.05.05]**. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tập trung vào các nội dung: Khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; Khảo sát ý kiến của SV về hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo; Khảo sát ý kiến SV năm cuối về CTĐT; Khảo sát ý kiến cựu SV về CDR và CTĐT; Khảo sát sự hài lòng của người học đối với dịch vụ giáo dục công; Khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về CDR và CTĐT; Khảo sát sự hài lòng của GV về hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các Phòng/Khoa/Trung tâm; **[H11.11.05.06]**.

Trong giai đoạn 2015-2020, dựa trên quy định đã ban hành, Trường ĐHQN đã tổ chức và thực hiện đầy đủ các nội dung lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan như: (1) Khảo sát lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV và ý kiến SV năm cuối về CTĐT (bắt đầu từ năm học 2015-2016) **[H11.11.05.07]**; (2) Khảo sát ý kiến của SV về hoạt động, dịch vụ hỗ trợ (bắt đầu từ năm học 2016-2017) **[H11.11.05.08]**; (3) Khảo sát lấy ý kiến cựu SV về CDR và CTĐT ngành TC-NH (năm 2020) **[H11.11.05.9]**; (4) Khảo sát sự hài lòng của người học đối với dịch vụ giáo dục công (năm 2019) **[H11.11.05.10]**; (5) Khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng về CDR và CTĐT ngành TC-NH (năm 2020) **[H11.11.05.11]**; (6) Khảo sát sự hài lòng của GV về hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các Phòng/Khoa/Trung tâm (bắt đầu từ năm học 2019) **[H11.11.05.12]**. Vì quá trình khảo sát sẽ được thực hiện định kỳ trong từng năm học và cho tất cả các chuyên ngành đào tạo trong Nhà trường nên báo cáo khảo sát là cơ sở quan trọng để BGH Nhà trường, các khoa và các đơn vị chức năng thực hiện việc đối sánh mức độ mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV, CTĐT, CDR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo ở từng chuyên ngành

nói riêng và toàn trường nói chung, để từ đó có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế, phát huy những điểm mạnh nhằm nâng cao CLĐT của Nhà trường nói chung và Khoa nói riêng. Ngoài ra, kết quả từ báo cáo đánh giá mức độ hài lòng của các bên có liên quan cũng là căn cứ cho Nhà trường thực hiện việc đánh giá, phân loại viên chức, người lao động hàng năm [H11.11.05.13]; đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cho năm học mới [H11.11.05.14].

Kết quả khảo sát các bên có liên quan là cơ sở để Nhà trường và Khoa lập kế hoạch rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và nhu cầu của các nhà tuyển dụng [H11.11.05.15]; là cơ sở để Nhà trường đầu tư CSVC nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học cũng như NCKH của GV và SV, học viên trong Nhà trường [H11.11.05.16].

Trong giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã thực hiện việc rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT ở các năm 2015, 2019 và 2020. Trong đó, từ năm 2019, CTĐT và đề cương chi tiết học phần ở tất cả các chuyên ngành đã được chỉnh sửa, xây dựng dựa trên cơ sở phương pháp tiếp cận mới (CDIO) và thay đổi theo hướng giảm tải các học phần đại cương, tăng số lượng tín chỉ các học phần chuyên ngành và các học phần đào tạo kỹ năng mềm, khởi nghiệp. Ngoài ra, bên cạnh căn cứ trên kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên có liên quan do Nhà trường thực hiện, Lãnh đạo Khoa TC-NH & QTKD cũng đã chỉ đạo thực hiện khảo sát lấy ý kiến và tổ chức các hội thảo nhằm phân tích, lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan, từ đó làm cơ sở để rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT chuyên ngành TC-NH ngày càng đáp ứng nhu cầu người học và thị trường lao động. Trong giai đoạn 2015-2020, Khoa TC-NH&QTKD đã tổ chức 4 hội thảo làm cơ sở để rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT, hội thảo năm 2015 để chỉnh sửa CTĐT năm 2015; hội thảo năm 2017, 2018 để chỉnh sửa CTĐT năm 2019; hội thảo năm 2019 để chỉnh sửa CTĐT năm 2020 [H11.11.05.17]. Trong CTĐT được chỉnh sửa mới nhất năm 2020, CTĐT chuyên ngành TC-NH có tổng số 147 TC, trong đó: các học phần điều kiện 12 TC (chiếm 8,2%); Khối kiến thức giáo dục đại cương 24 TC (chiếm 16,3%); Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 111 TC (gồm kiến thức khối ngành và cơ sở ngành 23 TC (chiếm 15,6%), kiến thức ngành và chuyên ngành 55 TC (37,4%), kiến thức bổ trợ 27 TC(18,4%), khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế 6 TC (chiếm 4,1%).

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV, CTĐT, CĐR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo. Kết quả đánh giá về mức độ hài lòng của các bên đã được Nhà trường và Khoa đối sánh với chính CTĐT ngành TC-NH và các CTĐT khác trong Nhà trường. Ngoài ra kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên có liên quan và kết quả đối sánh đã được Nhà trường và Khoa sử dụng làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng giảng dạy của GV, CTĐT, CĐR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường và Khoa vẫn chưa có sự đối sánh về mức độ hài lòng của các bên có liên quan với các đơn vị đào tạo khác để làm cơ sở cải tiến CLĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Chi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc đối sánh mức độ hài lòng của các bên có liên quan về CLĐT của Nhà trường với các đơn vị đào tạo khác để làm cơ sở cải tiến CLĐT.	Trưởng ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV, CTĐT, CĐR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo. Tiếp tục thực hiện việc đối sánh kết quả đánh giá về mức độ hài lòng của các bên có liên quan giữa các CTĐT trong Nhà trường. Tiếp tục sử dụng kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên có liên quan	Trưởng ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm	

		và đối sánh làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, CTĐT, CĐR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Xác định được tầm quan trọng của kết quả đầu ra, Nhà trường đã có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách SV, SV thôi học, SV tốt nghiệp được kịp thời và chính xác. Việc thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học được thực hiện thường xuyên và có nhiều biện pháp hạn chế người học bị buộc thôi học, giúp người học tốt nghiệp đúng thời hạn. Bên cạnh đó, Khoa TC-NH & QTKD luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý đào tạo để có thể mở các lớp học cho SV học cải thiện. CVHT thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của SV, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp SV hoàn thành CTĐT. Một trong những hoạt động khác cũng được Nhà trường và Khoa quan tâm đó là công tác khảo sát việc làm của SV luôn được tiến hành nghiêm túc, kết quả thu được chính xác, tin cậy.

Ban lãnh đạo Khoa luôn có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động NCKH của SV đối với việc nâng cao chất lượng dạy và học tại Khoa nên luôn giành nhiều sự quan tâm và hỗ trợ tích cực cho hoạt động này. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa đã có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng trong việc lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan nên đã có kế hoạch cụ thể và triển khai với nhiều hình thức khác nhau nhằm lấy ý kiến phản hồi từ người học, các đơn vị tuyển dụng, cán bộ nhân viên, GV về CTĐT, hoạt động giảng dạy, CSVC, hoạt động hỗ trợ trong đào tạo... Trên cơ sở thông tin phản hồi từ các bên có liên quan, Nhà trường và Khoa TC-NH & QTKD định kỳ thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh nhằm cải tiến CTĐT cũng như chất lượng giảng dạy, phục vụ đào tạo nhằm phù hợp với nhu cầu thực tế của người học cũng như các đơn vị tuyển dụng.

Tiêu chuẩn 11 có 2 tiêu chí đạt mức 6/7 và 3 tiêu chí đạt mức 5/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc triển khai tự đánh giá CTĐT ngành TC-NH là khâu quan trọng trong việc đảm bảo CLĐT của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng cũng như của Trường ĐHQN nói chung. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác đã tự xem xét một cách nghiêm túc và báo cáo đầy đủ, chính xác, phản ánh trung thực về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành TC-NH, qua đó thấy được những điểm mạnh, những điểm tồn tại để Khoa xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục và kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành TC-NH.

3.1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng

3.1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành TC-NH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của GDĐH và mục tiêu đào tạo của Khoa. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của CTĐT ngành TC-NH được xác định rõ ràng, thể hiện rõ các yêu cầu về trình độ kiến thức chuyên môn, năng lực, kỹ năng thực hành, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe đối với người học khi tốt nghiệp; được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động và được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa và các buổi gặp mặt tân SV, tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu khóa...

3.1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành TC-NH được Khoa xây dựng đúng quy trình, quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT; thể hiện đầy đủ thông tin, tích hợp những nội dung mới nhất có liên quan; thể hiện rõ ma trận CĐR và được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại; được thiết kế một cách có hệ thống, đảm bảo yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng; có tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong

nước và trên thế giới; có sự tham gia góp ý của GV, SV, cựu SV, người sử dụng lao động, các chuyên gia có liên quan trong lĩnh vực giáo dục và chuyên môn.

ĐCCTHP thể hiện rõ mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, cụ thể hóa CĐR và liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển về các lĩnh vực liên quan đến ngành TC-NH.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP được công bố công khai rộng rãi trên các kênh truyền thông, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đặc biệt để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành TC-NH được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo và bám sát CĐR, có cấu trúc theo hệ thống logic từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành hẹp. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và có sự tích hợp giữa kiến thức lý thuyết với thực hành, thực tập, thực tế. Các học phần thường xuyên được cập nhật, bổ sung nhằm đạt được kết quả theo CĐR. Các học phần trong CTDH được thiết kế linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận, lĩnh hội kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng mềm. Nội dung chi tiết của mỗi học phần đều có yêu cầu kiến thức về điều kiện tiên quyết và mục tiêu cần đạt được theo CĐR rõ ràng.

CTDH ngành TC-NH có cấu trúc, trình tự logic hợp lý, chặt chẽ; có cập nhật các nội dung mới nhất của chuyên ngành TC-NH, các học phần có tính tích hợp nội môn và liên môn và gắn với thực tế. Sau khi hoàn thành chương trình, SV ra trường có thể đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng thực hành đối với nguồn nhân lực ngành TC-NH.

3.1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc phổ biến triết lý giáo dục của Trường ĐHQN nói chung và mục tiêu đào tạo của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng đến đội ngũ GV và người học luôn được chú trọng. Nhìn chung đội ngũ GV và người học đều nắm được triết lý giáo dục cũng như tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường và Khoa. Việc cập nhật, sửa đổi thường xuyên CTĐT cũng như ĐCCTHP thể hiện tinh thần cầu thị, mong muốn đạt được triết lý giáo dục và nâng cao CLĐT của tập thể lãnh đạo và GV của Khoa.

Các hoạt động dạy và học tại Khoa TC-NH & QTKD được thiết kế đa dạng, phù hợp với các CDR. Người học được GV của Khoa phổ biến và hướng dẫn các phương pháp học tập và tiếp cận kiến thức hợp lý, khoa học. Đa phần GV hài lòng vì được chủ động điều chỉnh phương pháp giảng dạy. Người học có phản hồi rất tốt về phương pháp giảng dạy của các GV tại Khoa TC-NH & QTKD.

Tất cả các ĐCCTHP mô tả rõ việc sử dụng kết hợp các phương pháp giảng dạy và học tập được GV nghiêm túc thực hiện nhằm hoàn thiện các kỹ năng mềm, kỹ năng thiết yếu của người học, đồng thời thúc đẩy khả năng tự học, tự nghiên cứu cho người học. Khoa TC-NH & QTKD có thế mạnh về đội ngũ nhân lực, nhờ đó các phương pháp giảng dạy mới, tiên tiến luôn được đội ngũ GV chú trọng. SV của Khoa nói chung và ngành TC-NH nói riêng có nhiều cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng cần thiết cho công việc tương lai trong suốt thời gian học tập.

3.1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Trên cơ sở CDR và các hướng dẫn của Trường ĐHQN, việc đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế một cách phù hợp nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch của quy trình. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu CDR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các quy định về đánh giá kết quả học tập được thể hiện rõ trong các đề cương học phần, CTĐT và được thông báo công khai tới người học.

Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng (kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, đề án, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình...); đề thi được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng nên đảm bảo độ tin cậy, khách quan. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được công khai và dễ dàng tiếp cận, giải quyết thỏa đáng những vướng mắc của SV liên quan đến kết quả học tập.

3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Đội ngũ GV, NCV của Khoa để thực hiện CTĐT ngành TC-NH được quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát thường xuyên làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm GV, NCV của Khoa và ngành TC-NH được triển

khai theo đúng kế hoạch, quy hoạch của Trường, của Khoa và tuân thủ quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai theo quy định của Nhà trường đã ban hành. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được đánh giá một cách chính xác, khách quan.

Đội ngũ GV được phân công công việc phù hợp đảm bảo khối lượng giờ dạy và thời gian NCKH. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV ngành TC-NH đã được xác định rõ bằng các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai để đáp ứng; đồng thời Khoa và Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ cả về thời gian và kinh phí. Công tác bổ nhiệm, điều chuyển GV được Khoa thực hiện công khai, dân chủ, đúng tiêu chuẩn, quy định của Nhà trường. Hàng năm, kết quả công việc và năng lực của đội ngũ GV đều được công khai đánh giá, xếp loại danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; trong đó chú trọng kết quả NCKH, vì vậy kết quả thống kê những năm gần đây cho thấy số lượng các công bố khoa học của GV trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI, SCOPUS ngày càng tăng.

3.1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thực hành và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các văn bản, tiêu chí, quy trình tuyển dụng nhân viên được Nhà trường quy định cụ thể và được công bố công khai. Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa TC-NH & QTKD hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Khoa và Trường.

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo các tiêu chuẩn được quy định cụ thể về thi đua, khen thưởng, đảm bảo chính xác, công bằng, công khai. Nhà trường và đơn vị xác định nhu cầu và có các hoạt động cụ thể để triển khai kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

3.1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công khai, cập nhật hàng năm và luôn thực hiện theo đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; các tiêu chí và

phương thức tuyển chọn mang tính lượng hóa, giúp cho Nhà trường và Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp.

Trong quá trình học tập tại Trường, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học đã được xây dựng và áp dụng nhằm theo dõi sự tiến bộ trong kết quả học tập và rèn luyện từng học kỳ của người học. Đội ngũ CVHT của Khoa là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác, luôn hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho người học về ngành học, CTĐT, hoạt động NCKH, ngoại khóa..., cũng như luôn theo dõi kết quả, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, từ đó tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất.

Bên cạnh đó, các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội SV và các câu lạc bộ của Trường, của Khoa đã giúp người học có động cơ đúng đắn trong học tập và tích lũy những kỹ năng mềm cho bản thân. Ngoài ra, môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Trường luôn xanh, sạch, đẹp đã phát huy sự sáng tạo và tạo sự thoải mái trong tâm trí của người học.

3.1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thư viện, nhà luyện tập thể dục thể thao... với các trang thiết bị được lắp đặt phù hợp, hiện đại, hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và luyện tập, vui chơi, giải trí. Các trang thiết bị trang bị thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, nâng cấp để đạt hiệu quả sử dụng tốt nhất.

Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú và được cập nhật thường xuyên; Ngoài ra, thư viện của Nhà trường có hệ thống phòng đọc, phòng tự học cho SV, học viên. Nhà trường đã đầu tư và đưa vào hoạt động các phòng học thông minh, các phòng làm việc cho GV và đang thực hiện đầu tư phòng thực hành nghiệp vụ cho Khoa TC-NH & QTKD.

Hạ tầng CNTT phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo với hệ thống máy chủ, mạng internet, wifi, máy vi tính và các phần mềm chuyên dụng... đảm bảo hoạt động liên tục, phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo và NCKH.

Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và khám sức khỏe định kỳ cho GV, người học được thực hiện đầy đủ theo các tiêu chuẩn quy định.

3.1.10. Nâng cao chất lượng

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ và có hiệu quả với hình thức đa dạng. Thông tin phản hồi từ các bên liên quan được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao, làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH. CTDH ngành TC-NH được rà soát, đánh giá và cải tiến theo định kỳ 2 năm/lần theo một quy trình thống nhất trong toàn trường, dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước.

Quy trình dạy và học được kiểm tra và đánh giá thường xuyên, chặt chẽ, nghiêm túc và được tiến hành định kỳ hàng năm. Quá trình đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát, đánh giá thường xuyên thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá tính đa dạng, linh hoạt, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Khoa cũng đã xây dựng được phong trào NCKH trong GV và SV, phần lớn các đề tài, kết quả NCKH đều gắn với các nhiệm vụ đào tạo, giúp cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học và có giá trị thực tiễn trong phục vụ cộng đồng. Các kết quả NCKH được áp dụng vào việc thiết kế các nội dung giảng dạy hoặc làm tài liệu phục vụ các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực tập, thực tế của SV.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ hoạt động dạy và học, NCKH và các tiện ích khác đã được đánh giá khi kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và hiện đang triển khai cải tiến theo kế hoạch hành động đã đặt ra. Phòng KT&BDCL của Trường luôn chú trọng đến việc rà soát, đánh giá và cải tiến phương thức và cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm tạo được hiệu quả và độ tin cậy cao.

3.1.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường đã có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách SV, SV thôi học, SV tốt nghiệp được kịp thời và chính xác. Nhà trường và Khoa đã thực hiện tốt việc quản lý và giám sát kế hoạch học tập, kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp của SV thông qua các CVHT, duy trì sinh hoạt lớp hàng tháng để nhắc nhở kịp thời tình hình, kế hoạch học tập của SV; thường xuyên

thống kê và cập nhật chính xác tỷ lệ SV thôi học, bỏ học và tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, từ đó có biện pháp hạn chế số SV bị buộc thôi học hoặc tốt nghiệp không đúng thời hạn. Đa số SV tốt nghiệp ngành TC-NH đều có việc làm phù hợp sau khi ra trường, đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực TC-NH cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Khoa có kế hoạch phát triển, triển khai hướng dẫn và theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao. Ngoài ra, Nhà trường cũng thường xuyên triển khai khảo sát trực tiếp và online ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng từ các bên liên quan, qua đó định kỳ thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh nhằm cải tiến CTĐT cũng như chất lượng giảng dạy, phục vụ đào tạo ngành TC-NH.

3.2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng

3.2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT chỉ được góp ý thông qua GV khi họp bộ môn, thông qua hội đồng Khoa trong đó có người đại diện đơn vị tuyển dụng chứ chưa lấy ý kiến của cựu SV và SV năm cuối; Chưa có quy trình chặt chẽ để thực hiện việc đo lường, đánh giá CDR của CTĐT.

3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT chưa nêu được tiêu chí tuyển sinh riêng cho CTĐT, các yêu cầu đầu vào của CTĐT mà chỉ nêu tiêu chí tuyển sinh chung trong đề án tuyển sinh của Trường.

Một số ĐCCTHP có ít tài liệu tham khảo mang tính cập nhật. Các tài liệu tham khảo như bài giảng, giáo trình điện tử, tạp chí chuyên ngành còn chưa nhiều khiến cho cả GV và SV đều gặp khó khăn trong việc tiếp cận các tài liệu hiện đại.

CTĐT chỉ mới công bố trên các tài liệu in ấn chính thức được lưu giữ tại văn phòng Khoa và Sổ tay năm học phát cho SV năm nhất; các kênh khác chỉ dừng ở danh sách tên học phần chứ chưa công khai các nội dung còn lại trong CTĐT và ĐCCTHP.

3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CSVN cho quá trình dạy học chưa đầy đủ, thiếu hụt các phòng thực hành... nên một số phương pháp, nội dung trong CTDH chưa thể thực hiện tốt như mục tiêu đề ra.

Khi xây dựng CDR của CTĐT ngành TC-NH đã lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan qua các năm 2015, 2018 khi đổi mới chương trình. Tuy nhiên, CDR của CTĐT năm 2020 chỉ mới lấy ý kiến của GV, đại diện nhà tuyển dụng mà chưa lấy ý kiến phản hồi của cựu SV và SV năm cuối.

Thời lượng dành cho các học phần thực tập so với các học phần lý thuyết chưa nhiều. Thời gian bố trí cho thực hành trong các học phần cũng hạn chế. Tồn tại này mang tính khách quan, do hạn chế về CSVC của Nhà trường mặc dù khi xây dựng CTDH, GV luôn ý thức được rằng SV cần được thực hành nhiều vì mục tiêu của CTĐT là định hướng ứng dụng.

3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mức độ hiểu biết và thực hiện triết lý giáo dục cũng như mục tiêu giảng dạy của các bên liên quan chưa được đánh giá thực tế. Một số môn học quá nặng về lý thuyết và thuyết giảng, làm ảnh hưởng đến khả năng tự học của người học. Hệ thống CSVC tuy có cải thiện nhưng còn nhiều hạn chế, làm cản trở việc thực hiện kết hợp đa dạng nhiều phương pháp giảng dạy của GV. Mặt khác, SV chưa thật sự thích nghi với phương pháp học tập tích cực như tự học, tự nghiên cứu, nhất là SV năm thứ nhất. Số lượng SV trong một lớp học còn đông nên nhiều học phần chưa phát huy được tính tự giác và tích cực của người học trong quá trình tương tác với GV.

3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa chưa thực hiện thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của người học một cách chính xác. Việc cập nhật thông tin các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học người học còn hạn chế. Khoa chưa có ngân hàng đề thi được xây dựng theo ma trận với các mức độ khác nhau. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV hiện nay vẫn chưa thật sự thúc đẩy theo chiều hướng tích cực việc học tập của SV, việc giảng dạy của GV và việc tổ chức quản lý, đảm bảo chất lượng của CTĐT. Bên cạnh đó, một số GV còn chậm trễ trong công tác chấm thi kết thúc học phần nên việc công bố điểm thi học phần cho SV đôi khi vượt ra khỏi ngưỡng thời gian quy định làm ảnh hưởng đến việc đăng ký các học phần nói chung và các học phần cải thiện nói riêng trong học kỳ tiếp theo. Quy trình thủ tục khiếu nại chưa phân định rõ ràng giữa đơn vị

Phòng Đào tạo đại học, Phòng KT&BDCL, khoa quản lý SV và khoa quản lý học phần trong việc tiếp nhận và giải quyết đơn của SV.

3.2.6. *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Mặc dù GV giảng dạy ngành TC-NH đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo nhưng chính sách ưu đãi, thu hút người tài, người có trình độ ngoại ngữ tốt và chuyên môn vững vàng chưa được quan tâm đúng mức. Chưa định hướng rõ ràng trong việc đào tạo GV, NCV của Khoa phù hợp với từng chuyên ngành, nhằm phát huy hết năng lực của từng GV, NCV.

Tỷ lệ SV/GV cơ hữu quy đổi của ngành TC-NH hiện khá thấp so với chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT do sự suy giảm nhu cầu đào tạo ngành TC-NH trong những năm gần đây.

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV còn thiên về bằng cấp, chưa đánh giá đúng năng lực và trình độ chuyên môn. Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV chưa được phân tích đầy đủ toàn diện.

Mức hỗ trợ kinh phí cho GV học ngoại ngữ, học tập nâng cao chuyên môn, tham dự các hội nghị hội thảo, NCKH... còn hạn chế do nguồn thu của Nhà trường không nhiều, ảnh hưởng tới việc đầu tư cho hoạt động đào tạo, phát triển. Việc bố trí thời gian tổ chức một số khóa đào tạo, khóa học ngoại ngữ chưa phù hợp. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu của GV đưa ra còn chưa được triển khai.

Số lượng chỉ tiêu thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường hằng năm có sự giới hạn nên không thể khen thưởng hết các GV nếu trong năm cùng lúc có nhiều GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn chưa nhiều. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú.

3.2.7. *Đội ngũ nhân viên*

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa thực sự dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên.

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế. Việc bổ nhiệm nhân viên giữ chức vụ lãnh đạo ở các đơn vị còn ít, chưa được quan tâm.

Các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được tổ chức thường xuyên.

3.2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh dù có nhận được sự góp ý của các bên liên quan, tuy nhiên hoạt động góp ý của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh của Trường, Khoa thực hiện không liên tục. Hình ảnh và thông tin về chương trình học, ngành học, về đơn vị đào tạo chưa thật sự hấp dẫn và chi tiết. Việc rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển sinh hằng năm chưa dựa trên sự góp ý của các bên liên quan như phụ huynh, học sinh và giáo viên các trường THPT.

Hầu hết các CVHT đều làm công tác kiêm nhiệm, vừa giảng dạy, vừa NCKH đáp ứng các chuẩn theo quy định, vừa phải tham gia các công việc khác do bộ môn và Khoa phân công nên không có nhiều thời gian cho công tác CVHT. Số lượng người học phân bổ cho mỗi CVHT khá đông nên còn chưa sâu sát đến những khó khăn trong cuộc sống của người học.

Hoạt động liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, tăng cường kỹ năng mềm cho SV vẫn còn hạn chế.

Chưa có không gian làm việc riêng của từng GV, chỉ có văn phòng Khoa, dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ người học cũng như các sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn cũng không được thoải mái.

3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Việc quản lý và khai thác các phòng làm việc, phòng chức năng chưa thực sự hiệu quả, việc quản lý các phòng học ở các khu giảng đường còn mang nặng tính thủ công. Trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh trong một số phòng học do tần suất sử dụng nhiều và ý thức bảo quản kém nên dễ nhanh hư hỏng và sửa chữa không kịp thời. Chưa có hệ thống giảng dạy, đào tạo theo hình thức trực tuyến. Điều này làm gián đoạn hoạt động đào tạo khi có những biến cố xảy ra như đại dịch Covid vừa qua.

Việc sử dụng phòng internet tại thư viện vẫn còn nhiều bất cập, nhiều tài liệu ở dạng điện tử còn gây khó khăn cho việc tiếp cận và sử dụng của người học. CSVC tại

các phòng đọc, phòng học vẫn chưa thể đáp ứng hết nhu cầu hoạt động đào tạo và NCKH của GV, học viên và SV.

Các máy tính tại các phòng thực hành đã sử dụng nhiều năm, cấu hình cũ nên tốc độ xử lý chậm. Chưa có nhiều phòng thực hành đáp ứng nhu cầu đào tạo chuyên sâu của ngành TC-NH.

Hạ tầng mạng internet và wifi của Nhà trường hoạt động chưa được ổn định, thường xuyên xảy ra sự cố nghẽn mạng, mất tín hiệu truy cập. Nhà trường chưa cấp tài khoản cho mỗi cán bộ, GV để cập nhật thông tin cá nhân.

Chính sách quan tâm đến người khuyết tật còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở sự bố trí vào ký túc xá tầng 1.

3.2.10. Nâng cao chất lượng

Việc thu thập và phân tích các thông tin phản hồi từ cựu SV và nhà sử dụng lao động để điều chỉnh CTDH, cải tiến nâng cao CLĐT vẫn còn giới hạn về quy mô khảo sát. Việc phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được chính xác mức độ phù hợp của đề thi. Nhà trường chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần.

Trong các đề tài NCKH do GV ngành TC-NH thực hiện chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về việc cải tiến phương pháp dạy học trong ngành TC-NH. Thiếu các cơ sở dữ liệu chuyên ngành TC-NH để phục vụ hoạt động nghiên cứu của cả GV và SV.

3.2.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường chưa có sự đối sánh về tỷ lệ SV tốt nghiệp và tỷ lệ SV thôi học hằng năm với các trường khác, chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm ngành TC-NH với các cơ sở giáo dục khác ở trong và ngoài nước. Các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp đã được Nhà trường và Khoa thực hiện chưa được đánh giá, đo lường mức độ hiệu quả của các biện pháp này. Vì thiếu sự đánh giá nên Nhà trường và Khoa chỉ thực hiện một số biện pháp trong thời gian dài mà không có sự đổi mới, bổ sung giải pháp hỗ trợ người học.

Nhà trường và Khoa chưa xây dựng kế hoạch/chiến lược NCKH để xác lập các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học ngành TC-NH tương thích với mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn và CĐR của CTĐT. Chưa thực hiện việc đối sánh

loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học với các cơ sở giáo dục khác trong nước và quốc tế.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa TC-NH & QTKD và Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2021 - 2022 trở đi như sau:

3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tăng cường lấy ý kiến của các bên liên quan đến mục tiêu của CTĐT; tiếp tục xây dựng mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và với mục tiêu GDDH theo Luật giáo dục, đặc biệt là phù hợp với yêu cầu mới của thị trường lao động.

Xây dựng quy trình và bộ tiêu chuẩn để đánh giá mức độ đáp ứng của SV với CĐR (thang đo RUBRIC). Tiếp tục xây dựng CĐR của CTĐT một cách khoa học, chú trọng thay đổi CĐR theo chuẩn mới, đáp ứng kiểm định AUN – QA.

Thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan về CĐR trên hệ thống website, fanpage của Khoa một cách đều đặn và thường xuyên hơn. Công bố CĐR của CTĐT ngành TC-NH đến trực tiếp các nhà tuyển dụng. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CĐR định kỳ trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN. Tăng cường công khai CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn.

3.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Xác định các tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT. Tiếp tục điều chỉnh và cập nhật các xu hướng đào tạo hiện đại phù hợp với thị trường lao động.

Rà soát, điều chỉnh về tài liệu tham khảo và cập nhật nội dung mới đối với một số học phần chưa cập nhật. Thực hiện bổ sung, cập nhật ĐCCTHP theo quy định. Bám sát kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật ĐCCTHP của Nhà trường.

Tiếp tục mở rộng nội dung công bố công khai, đặc biệt là ĐCCTHP trên các kênh. Khai thác thêm các phương tiện công bố công khai khác như công khai trên fanpage của Khoa cho phù hợp với nhu cầu tra cứu của người học và người có nhu cầu.

3.3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

Đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, thẩm định và cập nhật CTDH. Trang bị các phòng, mô hình thực hành, cải thiện CSVC để SV có điều kiện tiếp cận thực tế. Tiếp tục đa dạng hóa, nâng cao chất lượng cách thức đánh giá kết quả học tập của SV, như cải thiện cách ra đề tự luận và trắc nghiệm, làm bài trực tiếp trên hệ thống máy tính...

Tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần. Tiếp tục tiến hành cập nhật và điều chỉnh nội dung của các học phần dựa trên ý kiến của các bên liên quan nhằm làm rõ ràng hơn đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR.

Rà soát, điều chỉnh CTDH theo hướng tăng thời lượng giảng dạy các học phần thực hành, thực tế; tăng thời gian thực hành trong một học phần. Xây dựng CTĐT và CTDH chặt chẽ, logic. Tham khảo ý kiến các bên liên quan, các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để nâng cao CLĐT ngành TC-NH trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập, phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Nhà trường.

3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tiến hành khảo sát các bên liên quan về mức độ hiểu biết triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu đào tạo của ngành TC-NH để có cơ sở đánh giá mức độ hiệu quả của hoạt động phổ biến này. Tiếp tục sử dụng hiệu quả các kênh thông tin truyền thống và triển khai thêm nhiều kênh thông tin khác thông qua: buổi khai giảng năm học, khóa học; các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa, các trang mạng xã hội... để nhà sử dụng lao động và cộng đồng xã hội hiểu rõ hơn về Triết lý giáo dục cũng như mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu của CTĐT ngành TC-NH.

Tăng cường áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực như hoạt động nhóm, phương pháp đóng vai, nghiên cứu tình huống kết hợp đồng thời với phương pháp truyền thống nhằm nâng cao khả năng tự học, hoàn thiện hệ thống kỹ năng sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động. Cải thiện CSVC, thay mới những máy móc bị hỏng hóc, cải thiện hệ thống âm thanh, máy chiếu. Căn cứ đề xuất của GV, tiến hành xây dựng các phòng thực hành chức năng đồng thời mua sắm thêm các phần mềm hỗ trợ giảng dạy trong lĩnh vực TC-NH nhằm tạo điều kiện cho SV tiếp cận thực tế nhiều hơn.

Rà soát, bố trí phòng học phù hợp với những học phần đòi hỏi có hoạt động nhóm, áp dụng phương pháp giải quyết tình huống hoặc đóng vai. Sắp xếp lớp học phần với sĩ số phù hợp để việc áp dụng phương pháp giảng dạy mới phát huy tối đa hiệu quả.

3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Xây dựng ngân hàng đề thi, đáp án và thang điểm có độ phân hóa phù hợp. Mỗi câu hỏi được thiết kế đều chi rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào ứng với CĐR của học phần, CĐR của CTĐT. Việc tổ chức biên soạn ngân hàng đề thi phải có sự giám sát về mặt chuyên môn của Trường bộ môn.

Tăng cường công tác thông tin, phổ biến cho SV (đặc biệt là SV năm nhất) về cách thức kiểm tra, đánh giá, hình thức tra cứu kết quả học tập.

Điều chỉnh tỷ lệ các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng tăng tỷ trọng điểm quá trình nhằm thúc đẩy sự phát triển năng lực của người học và đảm bảo được CLĐT theo CĐR của CTĐT. Tổ chức thống kê, phân tích định lượng kết quả điểm thi nhằm đánh giá mức độ phù hợp của đề thi, phân hóa năng lực của người thi.

Công bố điểm đánh giá quá trình và điểm thi cho SV đúng thời gian quy định. Công khai đáp án của từng đề thi. Cải tiến quy trình tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại về kết quả học tập và ghi rõ trong sổ tay SV.

3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các quy định về tuyển dụng, đánh giá viên chức, quy định về thi đua, khen thưởng và quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng phù hợp hơn để thu hút được người giỏi và tạo động lực làm việc hơn cho GV. Cần có quy định linh hoạt hơn về số lượng các chỉ tiêu thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường

Tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc được giao để GV, NCV có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là học ở nước ngoài. Tổ chức các khóa đào tạo, khóa học ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu và mong đợi của một số GV về thời gian giảng dạy.

Nhà trường căn cứ vào quy hoạch dài hạn cho từng vị trí việc làm để xác định các tiêu chí bổ nhiệm, điều chuyển GV NCV đảm bảo về năng lực và trình độ chuyên môn.

Có kế hoạch tăng chỉ tiêu tuyển sinh ngành TC-NH dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo tỷ lệ giảng viên/sinh viên tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Tăng cường kết nối, hợp tác NCKH với các đối tác nước ngoài. Ưu tiên đề xuất với Nhà trường những công trình nghiên cứu có tính liên ngành và ứng dụng.

3.3.7. *Đội ngũ nhân viên*

Rà soát lại đề án vị trí việc làm và phân tích nhu cầu để có cơ sở thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hợp lý hơn. Thường xuyên phân tích nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên.

Có quy định rõ ràng hơn về kế hoạch, khối lượng công việc, tiến độ hoàn thành để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của nhân viên. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên để góp phần nâng cao CLĐT theo hướng toàn diện.

Tổ chức phong phú hơn các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

3.3.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Thường xuyên đăng tải các bài viết, hình ảnh hoạt động của Khoa, các tổ chức đoàn thể, các CLB học thuật trên trang web của khoa, trang mạng xã hội của khoa để quảng bá hình ảnh của Khoa đến với người học. Khoa sẽ kết hợp với Nhà trường tiến hành đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, qua nhiều kênh thông tin khác nhau, xác định mục tiêu ưu tiên là các đối tượng học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận; đưa ra các hình thức thu hút các SV có điểm đầu vào cao nhập học như tặng học bổng, có chính sách ưu tiên phù hợp cho đối tượng này, cam kết về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

Dự báo nhu cầu nhân lực của ngành TC-NH và tổ chức các buổi Hội thảo để nhận góp ý của các bên liên quan về CTĐT và tuyển sinh của Khoa. Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trên địa bàn tỉnh và vùng lân cận để đem lại cơ hội thực tập, thực tế và tuyển dụng cho SV.

Có chính sách hỗ trợ hợp lý cho đội ngũ CVHT kiêm nhiệm và quản lý số lượng đông người học, từ đó góp phần nâng cao trách nhiệm cũng như quyền lợi của CVHT.

Bố trí, điều chỉnh phòng và vị trí làm việc của từng bộ môn để có không gian làm việc riêng của từng GV, tạo điều kiện thuận lợi trong việc gặp gỡ người học cũng như các sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn của GV.

3.3.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Áp dụng biện pháp quản lý và khai thác hiệu quả các phòng làm việc, phòng chức năng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, GV và người học. Nâng cấp các phòng học chưa đủ tiêu chuẩn, bố trí linh hoạt các phòng tự học cho SV tại các giảng đường, tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập, nghiên cứu.

Xây dựng hệ thống thư viện điện tử và phủ sóng wifi toàn Trường nhằm giúp cho người học dễ dàng trong việc truy cập, tìm kiếm tài liệu và tạo ra không khí học tập, nghiên cứu sôi nổi trong Nhà trường. Thường xuyên nâng cấp và bổ sung kho dữ liệu dưới dạng sách, tạp chí. Có hướng dẫn cụ thể và rõ ràng hơn về cách sử dụng máy tính ở phòng tra cứu. Xây dựng phòng học, phòng đọc có quy mô và chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu.

Nhanh chóng đầu tư phòng thực hành chứng khoán ảo, phòng thực hành ngân hàng đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu của GV và SV ngành TC-NH. Nâng cấp hệ thống máy tính tại các phòng thực hành để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của SV. Đầu tư thêm hệ thống máy tính cho các phòng làm việc dành riêng cho GV, NCV để phục vụ cho hoạt động NCKH. Nhanh chóng đầu tư và vận hành hệ thống đào tạo theo hình thức trực tuyến.

Nâng cấp hệ thống wifi an toàn, ổn định bao phủ ở các khu vực cần thiết như khu vực giảng đường các tòa nhà 4 Tầng, nhà 15 Tầng... Cần rà soát và đầu tư thay mới các máy tính có cấu hình thấp, tốc độ xử lý chậm ở các phòng máy thực hành tin học và tại các phòng làm việc của các khoa và phòng ban chức năng. Cấp tài khoản cho mỗi cán bộ, GV để cập nhật thông tin cá nhân, quá trình công tác, các công trình nghiên cứu và các thành tích nổi bật.

Tăng cường thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3.3.10. Nâng cao chất lượng

Thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan thông qua các phiếu điều tra khảo sát một cách thường xuyên hơn. Trong các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi sinh hoạt lớp cần nhấn mạnh vai trò của việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đối với chất lượng giảng dạy của GV và CTĐT, chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích... để SV chú tâm hơn vào việc thực hiện khảo sát. Cần thường xuyên tổ chức

các buổi tọa đàm, hội thảo, hội nghị để kết nối với cựu SV, chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động để thu thập được nhiều thông tin phản hồi cần thiết.

Tăng cường thực hiện các đề tài NCKH về việc cải tiến phương pháp dạy học trong ngành TC-NH. Cần tiến hành rà soát và sửa chữa hoặc mua mới máy chiếu cùng với việc nâng cao chất lượng mạng Wifi phủ sóng toàn trường. Đầu tư mua tài khoản các cơ sở dữ liệu quốc tế để phục vụ tốt hơn việc NCKH của khối ngành kinh tế nói chung và ngành TC-NH nói riêng.

3.3.11. Kết quả đầu ra

Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình học tập của SV. Điều tra, theo dõi các biện pháp đã thực hiện để đo lường mức độ hiệu quả. Đồng thời nghiên cứu, tham khảo để cải thiện hiệu quả.

Phân công nhiệm vụ cho một bộ phận cụ thể thực hiện thường niên các công việc xây dựng tiêu, khảo sát, phân tích tình hình có việc làm của cựu SV. Mở rộng điều tra khảo sát các nhà tuyển dụng lao động.

Xây dựng kế hoạch/chiến lược NCKH để xác lập các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học ngành TC-NH tương thích với mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn và CDR của CTĐT.

Thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học với các cơ sở giáo dục khác trong nước và quốc tế (tập trung đối sánh với các cơ sở giáo dục có CTĐT được Khoa sử dụng để đối sánh, tham khảo khi xây dựng, rà soát CTĐT của mình). Thực hiện việc đối sánh mức độ hài lòng của các bên có liên quan về CLĐT của Nhà trường với các đơn vị đào tạo khác để làm cơ sở cải tiến CLĐT.

3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Căn cứ vào bộ Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học của Bộ GD&ĐT, tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy có 49 tiêu chí đạt, 1 tiêu chí không đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠOTên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Quy Nhơn**Mã: **DQN**Tên CTĐT: **Tài chính – Ngân hàng**Mã CTĐT: **7340201**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,67	3	100
Tiêu chí 1.1						6				
Tiêu chí 1.2						6				
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								6,00	3	100
Tiêu chí 2.1						6				
Tiêu chí 2.2						6				
Tiêu chí 2.3						6				
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,33	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2						6				
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>										

Tiêu chí 4.1					5			5,33	3	100
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3						6				
Tiêu chuẩn 5								5,60	5	100
Tiêu chí 5.1						6				
Tiêu chí 5.2						6				
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4						6				
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5,71	7	100
Tiêu chí 6.1						6				
Tiêu chí 6.2						6				
Tiêu chí 6.3						6				
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6						6				
Tiêu chí 6.7						6				
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5					

Tiêu chí 7.2					5			5,40	4	80
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					6					
Tiêu chí 7.5					6					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								5,40	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					6					
Tiêu chí 8.3					6					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								5,40	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					6					
Tiêu chí 9.5					6					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								5,67	6	100
Tiêu chí 10.1					6					
Tiêu chí 10.2					6					
Tiêu chí 10.3					6					
Tiêu chí 10.4					6					

Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			5,20	5,40	100
Tiêu chí 11.2						6				
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5						6				
Đánh giá chung CTĐT								5,54	50	100

Bình Định, ngày 29 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

Phần IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/8/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
Tiếng Anh: QUY NHON UNIVERSITY
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
Tiếng Việt: ĐHQN
Tiếng Anh: QNU
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: BỘ GD&ĐT
5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0256.3846156 Số fax: 02563846089
7. E-mail: dqn@moet.edu.vn Website: www.qnu.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1982
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập Bán công Dân lập Tư thục

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
Tiếng Việt: KHOA TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH
Tiếng Anh: DEPARTMENT OF FINANCE – BANKING AND BUSINESS
ADMINISTRATION
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
Tiếng Việt: K.TC-NH&QTKD
Tiếng Anh: DEPT. OF FB&BA
14. Tên trước đây (nếu có):

15. Tên CTĐT

Tiếng Việt: Tài chính – Ngân hàng

Tiếng Anh: Finance - Banking

16. Mã CTĐT: 7340201

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 11 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

19. Số điện thoại liên hệ: 02563.847.845 Số fax:

20. E-mail: kqtkd@qnu.edu.vn Website: <http://www.fbm.qnu.edu.vn>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2009 (theo Quyết định số 1231/QĐ-ĐHQN của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn).

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2007

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2011

III. Giới thiệu khái quát về Khoa Tài chính – Ngân hàng và Quản trị kinh doanh

24. Lịch sử phát triển

Tháng 7 năm 1994, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã kí Hợp đồng về liên kết đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Sự kiện này đã đặt “viên gạch” đầu tiên cho quá trình xây dựng và phát triển các ngành QTKD, Kế toán, TC-NH và Kinh tế. Năm đầu tiên tuyển sinh ngành QTKD – tháng 9 năm 1994 – Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn tuyển được 65 sinh viên chuyên ngành QTKD Du lịch. Nhiệm vụ quản lý sinh viên của khóa học đầu tiên này được giao cho Khoa Sử - Chính trị.

Ngày 7 tháng 6 năm 1996, Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 118/QĐ thành lập Ban Công nghệ - Luật - Kinh tế để quản lý giai đoạn II các ngành liên kết đào tạo: QTKD du lịch, QTKD Thương mại, Kế toán,.. (liên kết Trường Đại học Kinh tế Quốc dân), Quản trị doanh nghiệp (liên kết Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội), Luật (liên kết với Trường Đại học Luật Hà Nội), Điện tử và Điện kỹ thuật (Liên kết Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội và Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng).

Để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý đồng thời nhằm hướng tới sự phát triển lâu dài, năm 1998, phương thức đào tạo theo 2 giai đoạn được bãi bỏ. Ngày 14 tháng 07 năm 1998 Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 220/QĐ thành lập Ban

Kinh tế - Luật trên cơ sở Ban Đại học đại cương và bộ phận Luật - Kinh tế của Ban Công nghệ - Luật - Kinh tế.

Sự lớn mạnh của đội ngũ cán bộ giảng dạy và sự gia tăng nhanh về số lượng sinh viên các ngành QTKD, TC-NH, Kế toán, Kinh tế... đã thể hiện xu hướng phát triển khách quan của các ngành kinh tế nói chung.

Ngày 27 tháng 03 năm 2002, Bộ GD&ĐT ra quyết định số 1247/QĐ - BGDDT-TCCB về việc thành lập Khoa Kinh tế và QTKD. Đây là bước khởi đầu giữ vai trò chuẩn bị điều kiện để đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường ĐHQN. Cũng trong năm học 2002 – 2003, Khoa Kinh tế và QTKD chính thức được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tuyển sinh tự đào tạo ngành QTKD (do Trường ĐHQN cấp bằng). Hai sự kiện này là bước ngoặt lớn, tác động mạnh mẽ tới quá trình phát triển của Khoa sau này. Những năm tiếp theo, các ngành Kế toán, TC-NH và Kinh tế lần lượt ra đời.

Sau 26 năm xây dựng và phát triển (kể từ ngày thành lập trường: 21/12/1977), ngày 30/10/2003, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường ĐHQN. Đây là một dấu mốc quan trọng khẳng định chiến lược phát triển đa ngành đa lĩnh vực của Trường ĐHQN, mở ra một thời kỳ phát triển mới cho các ngành ngoài sư phạm - các ngành Kinh tế & QTKD trong Nhà trường.

Ngày 14 tháng 10 năm 2009, Hiệu trưởng Trường ĐHQN ký Quyết định số 1231/QĐ-ĐHQN thành lập Khoa TC-NH & QTKD và Khoa Kinh tế và Kế toán trên cơ sở tách Khoa Kinh tế và QTKD. Khoa lấy ngày 27 tháng 03 hàng năm làm ngày truyền thống.

Đến nay, Khoa đã đào tạo và cung cấp cho tỉnh Bình Định, Khu vực Duyên hải Miền Trung và Tây nguyên, cung cấp cho đất nước hàng ngàn cử nhân kinh tế thuộc các chuyên ngành đào tạo của Khoa, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

Khoa hiện đảm nhận đào tạo 4 ngành đại học: Cử nhân TC-NH, Cử nhân QTKD, Cử nhân Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Cử nhân Quản trị khách sạn. Về đào tạo sau đại học, Khoa đang đào tạo 1 chuyên ngành Thạc sĩ QTKD. Hiện tại, Khoa TC-NH có 2.837 SV hệ chính quy, 117 học viên cao học. Hầu hết SV, học viên tốt nghiệp từ Khoa đều đáp ứng tốt yêu cầu công việc và đòi hỏi của xã hội.

Nhiều cựu SV, học viên giữ trọng trách với tư cách là nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nhân thành đạt và có uy tín.

Về kết quả đào tạo, qua gần 20 năm từ ngày thành lập, Khoa TC-NH & QTKD đã góp phần đào tạo hơn 2.500 cử nhân TC-NH và 3.000 cử nhân QTKD.

Về NCKH, chỉ tính trong 05 năm trở lại đây, Khoa TC-NH & QTKD đã có 02 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp tỉnh, 24 đề tài cấp trường đã nghiệm thu và đang được triển khai; đã công bố 24 bài báo trên tạp chí quốc tế, 51 bài báo đăng trên Kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế, gần 120 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học và kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước; có 7 giáo trình và sách chuyên khảo phục vụ giảng dạy đại học được xuất bản ở các nhà xuất bản có uy tín.

Hoạt động NCKH của SV cũng ngày càng được chú trọng và phát triển. Với sự hướng dẫn của các GV giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao, phong trào SV NCKH của Khoa ngày càng đi vào chiều sâu, tăng về số lượng và chất lượng. Nhiều SV Khoa TC-NH đã tham gia NCKH và đạt giải cao ở các cuộc thi SV NCKH cấp quốc gia được tổ chức hằng năm như giải cấp Bộ do Bộ GD&ĐT tổ chức và cấp trường.

Về hợp tác quốc tế, hiện Khoa đang mở rộng liên kết đào tạo trình độ đại học và NCKH với Đại học Prince of Songkla, Thái Lan.

Với những đóng góp to lớn đó, tập thể và cá nhân cán bộ GV Khoa TC-NH & QTKD đã được vinh dự nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

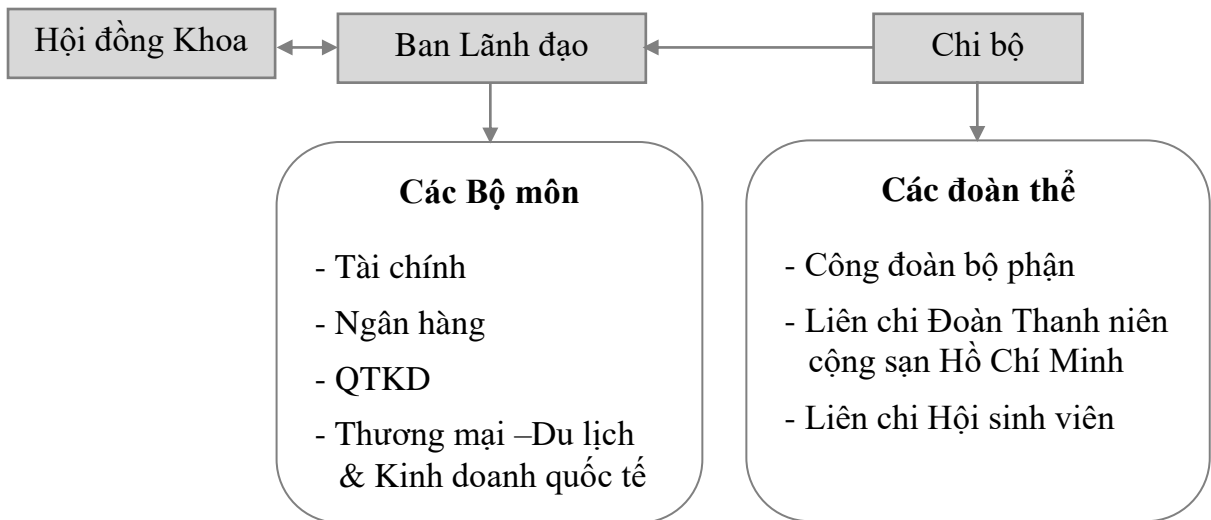
Trong thời gian tới, Khoa TC-NH & QTKD tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ GV, nâng cao chất lượng dạy học, NCKH của GV, SV và học viên; xây dựng, cập nhật CTĐT ở các bậc học phù hợp với xu thế phát triển và đáp ứng nhu cầu của xã hội; phát huy hơn nữa NCKH, đặc biệt các đề tài hướng đến ứng dụng phục vụ đời sống và chuyển giao công nghệ.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Quy Nhơn



Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa TC-NH & QTKD



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1.	Hiệu trưởng	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS.TS	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
2.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Hiền	1963	PGS.TS	0903599502	nguyendinhkien@qnu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1.	Trưởng khoa	Phạm Thị Bích Duyên	1983	TS	0379112626	phamthibichduyen@qnu.edu.vn
2.	Phó Trưởng khoa	Đặng Thị Thanh Loan	1981	TS	0394751359	dangthithanhloan@qnu.edu.vn
3.	Phó Trưởng khoa	Nguyễn Chí Tranh	1987	TS	0868444111	nguyenchitranh@qnu.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Chi bộ	Phạm Thị Bích Duyên	1983	TS, ĐUV, Bí thư	0379112626	phamthibichduyen@qnu.edu.vn
2.	Công đoàn	Vũ Thị Nữ	1987	TS, Chủ tịch	0978828567	vuthinu@qnu.edu.vn
2.	Liên Chi đoàn	Đặng Nguyên Bảo	1992	ThS, Bí thư	0914737799	dangnguyenbao@qnu.edu.vn
3.	Liên Chi hội sinh viên	Phạm Võ Hùng	1999	LCH Trưởng	0889363851	phamvohung@gmail.com
III. Các phòng, ban						
1.	Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	1967	TS, Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh@qnu.edu.vn
2.	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Hữu Tiến	1962	ThS, Trưởng phòng	0914060611	nguyenhuutien@qnu.edu.vn
3.	Phòng Khoa học công	Nguyễn Tiến Trung	1979	PGS.TS,	0904044157	nguyentientrung@qnu.edu.vn

	nghệ và Hợp tác quốc tế			Trưởng phòng		
4.	Phòng Công tác chính trị và Sinh viên	Hồ Văn Phi	1967	TS, Trưởng phòng	0905021688	hovanphi@qnu.edu.vn
5.	Phòng Cơ sở vật chất	Đoàn Đức Tùng	1975	PGS.TS, Trưởng phòng	0905799386	doanductung@qnu.edu.vn
6.	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phan Vũ Hạnh	1969	CN, Trưởng phòng	0913454366	phanvuhanh@qnu.edu.vn
7.	Phòng Thanh tra – Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh	1971	ThS, Trưởng phòng	0935603630	nguyenthikimoanh@qnu.edu.vn
8.	Phòng Tổ chức – Nhân sự	Hà Thanh Hải	1969	TS, Trưởng phòng	0983443902	hathanhhai@qnu.edu.vn
9.	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Mai Xuân Miên	1961	TS, Trưởng phòng	0905291966	maixuanmien@qnu.edu.vn
10.	Phòng Đào tạo sau đại học	Hồ Xuân Quang	1972	PGS.TS, Trưởng phòng	0979890009	hoxuanquang@qnu.edu.vn
11.	Viện Khoa học giáo dục	Nguyễn Phi Hùng	1967	PGS.TS, Viện trưởng	0931906721	nguyenphihung@qnu.edu.vn
12.	Viện Nghiên cứu ứng dụng KH & CN	Lê Thị Kim Nga	1978	TS, Viện trưởng	0906555779	kimnga78@gmail.com
13.	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Nguyễn Thành Đạt	1980	TS, Giám đốc	0905139393	datnt@qnu.edu.vn

14.	TT. Đào tạo và Tư vấn Kinh tế và Kế toán	Trần Thị Cẩm Thanh	1976	PGS.TS, Giám đốc	0913499523	tranthicamthanh@qnu.edu.vn
15.	TT. Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp	Nguyễn Khắc Khanh	1982	ThS, Giám đốc	0985554050	nguyenkhackhanh@qnu.edu.vn
16.	TT. Ngoại ngữ	Nguyễn Tiến Phùng	1977	TS, Giám đốc	0931906721	nguyentienphung@qnu.edu.vn
17.	TT. Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản	Trần Minh Chương	1980	ThS, Giám đốc	0983777283	tranminhchuong@qnu.edu.vn
18.	TT. Tin học	Lê Xuân Vinh	1967	TS, Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh@qnu.edu.vn
19.	Thư viện	Lê Thanh Hải	1982	ThS, Giám đốc	0987747378	lethanhhai@qnu.edu.vn

IV. Các bộ môn

1.	Tài chính	Phan Trọng Nghĩa	1986	TS, TBM	0989785738	phantrongnghia@qnu.edu.vn
2.	Ngân hàng	Trịnh Thị Thúy Hồng	1980	TS, TBM	0989731710	trinhthithuyhong@qnu.edu.vn
3.	Quản trị kinh doanh	Phạm Thị Bích Duyên	1983	TS, TBM	0379112626	phamthibichduyen@qnu.edu.vn
4.	TM-DL&KDQT	Đặng Thị Thanh Loan	1981	TS, TBM	0394751359	dangthithanhloan@qnu.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của Khoa TC-NH & QTKD:

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 04

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

29. Tổng số các ngành đào tạo: 05

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu	17	29	46
I.1	Cán bộ trong biên chế	17	29	46
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác			
	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số			46

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	Ghi chú
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	1	1	0	1	0	
2	Tiến sĩ	15	15	0	6	0	
3	Thạc sĩ	28	28	0	2	0	
	Tổng số	44	44	0	9	0	

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 44 người

Tỷ lệ % giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 95,7%.

32. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	3,0	1	1	0	1	0	3,9
2	Tiến sĩ	2,0	15	15	0	6	0	33,6
3	Thạc sĩ	1,0	28	28	0	2	0	28,6
	Tổng số		44					66,1

Cách tính: cột 9 = cột 3*(cột 5 + cột 6 +0,3*cột 7 +0,2* cột 8)

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	1	2,3	1	0				1	
2	Tiến sĩ	15	34,1	6	9		14		1	
3	Thạc sĩ	28	63,6	9	19	10	15	3		
	Tổng số	44		16	28	10	29	3	2	0

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 35

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 16/44 ~ 36,4%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 28/44 ~ 63,6%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	18%	48%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	45%	39%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	23%	11%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	9%	2%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	5%	0%
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của CTĐT)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2015-2016	320	191	1,68	151	15	18	1
2016-2017	311	120	2,59	63	15	16,2	6
2017-2018	305	131	2,33	70	15,5	19,3	4
2018-2019	231	180	1,28	83	14	20,2	3
2019-2020	246	161	1,53	71	14	20,3	3

36. Thống kê, phân loại số lượng người học của CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. SV đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	683	415	383	343	307
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Số lượng (người)	12	16	18	14	16
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	1,8%	3,9%	4,7%	4,1%	5,2%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	554	367	288	264	193
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	46	48	37	34	13
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	313,9	300,8	390,2	424,7	1.110,6

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Số lượng (người)	58	33	41	43	25
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	8,5%	8%	10,7%	12,5%	8,1%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	398	283	149	116	109
Hệ không chính quy	3	0	0	0	0
4. SV tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	55	17	2	1	0
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

	Các tiêu chí	Năm học				
		2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1	Số lượng người học tốt nghiệp	398	283	149	116	109
2	Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	92,6%	89,3%	95,5%	87,9%	72,2%
3	3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1	3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	18,7		9		40,5
3.2	3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	61,7		79,5		56,4
3.3	3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	19,6		11,5		3,1
4	4. Người học có việc làm					

<p>trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	74,20	76,29	90,79		
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	16,04	16,49	7,89		
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu đồng/tháng)	6,8	7,6	7,2		
<p>5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có					25

	thể sử dụng được ngay (%).						
	5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).						62,5
	5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).						12,5

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng quy đổi
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	1	0	0	2	1	4
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	4	4	5	5	9,5
	Tổng							13,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 13,5

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 10

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10/46 ~ 0,22

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		12	8	
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia		12	8	

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	6/2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	1	1	5	5	8	4	36
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	22	28	7	12	13	9	91
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	2	0	0	0	1
	Tổng		23	29	14	17	21	13	128

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 128

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 128/46 ~ 2,78

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài	12	20	4
Từ 6 đến 10 bài	1	1	0
Từ 11 đến 15 bài	0	0	0
Trên 15 bài	0	0	0
Tổng	13	21	4

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	6/2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	11	12	24	4	51
2	Hội thảo trong nước	0,5	3	5	5	4	4	1	11
3	Hội thảo cấp trường	0,25	1	0	1	1	1	0	1
	Tổng								63

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 63

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 63/46 ~ 1,37

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo cấp trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	27	12	23
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	1	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	27	12	23

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của Trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2015-2016	

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	190	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	190	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	5	3	3	2	2
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	6	3	4	5	2

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: **241.298 m²**.

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: **131.796 m²**.

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau:

- Nơi làm việc: **11.018 m²**, Nơi học: **26.076 m²**, Nơi vui chơi giải trí: **12.354 m²**.

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²):

- Tổng diện tích phòng học: **15.442 m²**

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: **50,3 m²/người**

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại thư viện: **1.169**

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

Dùng cho hệ thống văn phòng: **05**

Dùng cho người học tập: **500**

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): **44**

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $44/46 = \mathbf{95,7\%}$

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $16/44 \sim \mathbf{36,4\%}$

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 28/44 ~ **63,6%**
2. Người học:
- Tổng số người học chính quy (người): **307**
 - Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 307/44 ~ **6,98%**
 - Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: **72,2%**
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:
- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: **96,9%**
 - Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: **3,1%**
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:
- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: **90,79%**
 - Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo: **7,89%**
 - Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: **7,2 triệu VNĐ**
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:
- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay: **87,5%**
 - Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm: **12,5%**
6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:
- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 13,5/46 ~ **0,293**
 - Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: ...
 - Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10/46 ~ **0,22**
 - Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 128/46 ~ **2,78**
 - Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 63/46 ~ **1,37**
7. Cơ sở vật chất: Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: **1.110,6 m²/người học.**

**Phụ lục 2. QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TC-NH**